

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỎ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-Lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307

BỘ MỚI SỐ 21 ★ 15.10.1959

1.— Văn chương và tư-tưởng Việt-Nam	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Những cuộc tình duyên say mê của nhạc sĩ Chopin	Trần-thiên-Lý	10 — 14
3.— Ba Giai với khúc Chinh Khi Ca.	Thiều-Quang	15 — 19
4.— Cát (truyện ngắn quốc tế)	Từ Trầm Lệ	20 — 24
5.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	25 — 27
6.— Chuyện cũ người xưa : Khổng Minh	Nguyễn-Quang-Lục	28 — 34
7.— Mộng say, Mong người đêm trước	Từ Trầm Lệ	— 35
8.— Norton I, hoàng đế nước Mỹ	Tân Phong	36 — 40
9.— Hai thằng ăn cắp (truyện ngắn)	Võ Đức	41 — 47
10.— Dáng mẹ (thơ)	Tuyết Linh	48 — 49
11.— Bầu cử Quốc hội tại Anh Quốc	Nguyễn hữu Thứ	50 — 54

W179 875
101 R

12.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến : Lan-Khai	Nguyễn Vỹ	55 — 59
13.— Thi sĩ lão thành : Cự Ung-Bình	Diệu Huyền	60 — 63
14.— Nói về tình hữu nghị Văn hóa Việt Pháp	Thiếu Sơn	64 — 67
15.— Tao đàn Phổ Thông	P. T.	68 — 73
16.— Tôi làm phim	Thái Thúc Diễn	74 — 78
17.— Xã giao	Cô Bình Minh	79 — 81
18.— Cô gái điên (truyện dài)	Vi Huyền Đắc	82 — 86
19.— Y học Phổ Thông : Đi thăm thai	Quang Hoa	87 — 90
20.— Gia Chánh : Món ăn Huế	Cô Phương Thu	91 — 92
21.— Phê bình sách : Từ Thư của Đoàn Thềm	Nguyễn-Vỹ	93 — 98
22.— Hà Bá lấy vợ (chuyện vui)	Thu Phong	99 — 101
23.— Minh ơi !	Diệu Huyền	102 — 118
24.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	119
25.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch Yến	120 — 129

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu. Cô Diệu-Huyền
 Tranh vẽ. Họa sĩ Duy-Liêm
 — Ngọc-Tài
 ★ Bản kẽm Nguyễn-Diêu
 ★ Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
 đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng
 yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG »
 và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
 quốc mà không xin phép.
 • Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
 reproduction même partielle, réservés pour tous
 pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

CHƯƠNG I

(Xem lại P.T. số 20)

TIẾNG nói của người Việt-Nam không những do nguồn-gốc của cô-ngữ Tàu, hoặc là hỗn hợp các thổ-ngữ của các giống người Tàu, mà còn hỗn-hợp với các giống thổ-dân địa - phương nữa : Chăm, Mường, Thái, Thờ, v.v... Cho nên có nhiều tiếng Việt hơi na-ná giống tiếng Chăm, tiếng Khmer, hoặc tiếng Mường, hoặc do những tiếng ấy mà thành, như : NHA-TRANG, PHAN-RANG, SA-ĐẾC, CÀ-MAU, XOÀI-RIÊNG, chẳng hạn.

Một người không bao giờ ở yên một chỗ, và trong cuộc lưu thông từ vùng này qua vùng khác, từ xứ này qua xứ kia, đi buôn bán, học hành, cuộc tiếp xúc với những người khác, hoặc những giống người khác, thường thường đem lại cho ta nhiều sự đổi thay về tính tình, cũng như về phong tục và ngôn-ngữ. Vì vậy, tiếng nói người Việt-Nam trải qua bao nhiêu thế-kỷ, nào đụng chạm với TÀU, với CHĂM, THÁI, KHMERS, XIÊM, đã dần dần biến-đổi rất nhiều và bồi-bổ thêm vào cũng không ít. Có những tiếng ít thông dụng bị tiêu diệt và được thay thế vào bằng những tiếng mới. Ta đọc thơ của Lê-thánh-Tôn, Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Bỉnh-Khiêm và gần hơn như của Hồ-xuân-Hương, Nguyễn-Du, Tú-Xương, đã nhận thấy nhiều chữ, nhiều tiếng có lẽ rất thông dụng lúc bấy giờ mà nay đã thành cũ-kỹ, và mai-một.

Từ đầu thế-kỷ XX, tiếng nói của người Việt-Nam càng biến-

VĂN - CHƯƠNG

và TƯ TƯỞNG

Việt-nam

QUA CÁC THỜI ĐẠI

Nguồn gốc người Việt và tiếng Việt

- Người Việt-Nam từ đâu đến ?
- Ở đây từ bao giờ ?
- Nói tiếng gì ?
- Viết chữ gì ?

chuyên mau lẹ. Tiếng PHÁP đã đem vào ngôn-ngữ của ta rất nhiều danh-từ mới. Và từ hồi chiến tranh vừa qua, tiếng nói Việt-Nam lại trải qua một cuộc biến-cải khá rộng lớn, cần làm cho nó dồi-dào phong phú thêm.

Có vài người viết sách ức-đoán rằng tiếng nói nguyên thủy của Việt - Nam là gốc nơi tiếng MUÔNG. Chúng ta không thể đồng ý về quan-điểm ấy được, bởi lẽ dĩ-nhiên là lịch-sử của Dân-tộc Việt-Nam không có liên-quan gì với giống dân thiểu-số Mường ở vùng Thanh-Hóa.

Tóm lại tiếng nói của người Việt-Nam là một trong những thổ-ngữ (Dialectes) nguồn-gốc Trung-Hoa, cũng như tiếng Triều-Châu, Quảng - Đông, Hải-Nam, Phúc Kiến... Cũng như tiếng Triều-Tiên và Nhật-Bản.

Tiếng ta lại giàu hơn là nhờ sự phối-hợp với các yếu-tố của thổ-ngữ Chăm, Thái và Khmer, các giống người này đã cùng chúng ta chung dụng trong hơn mười thế-kỷ.

Tiếng Việt lại có một đặc điểm mà nhiều tiếng khác của ngoại-quốc không có : là nó có thể phân-tách thành ra hai thứ :

TIẾNG NÔM và TIẾNG CHỮ.

Bên cạnh tiếng Nôm là thứ tiếng thông dụng của tất cả các tầng lớp dân, là tiếng nói thông thường, dễ hiểu, có một thứ tiếng văn-hoa hơn, gồm những chữ Hán đã được Việt-nam-hóa.

Vì nguyên thủy của nó là Hán-tự, cho nên thứ *tiếng chữ* này, trải qua các thế-kỷ trước, chỉ là một thứ ngôn-ngữ đặc-biệt được dùng riêng trong các giới trí-thức Nho-học mà thôi. Các lớp bình dân, tức là đại chúng, ít dùng đến nó. Nhưng dần dần Nho học được phổ biến sâu rộng trong hàng cùng ngõ hẻm, *tiếng chữ* trở nên thích hợp với trình độ văn hóa tiến triển của dân tộc và được xử dụng nhiều hơn, và trong nhiều trường hợp nó còn thay thế cho *tiếng Nôm* nữa.

Chúng ta có thể đưa ra vài thí dụ thông thường :

Tiếng Nôm = một ông nhà giàu.

Tiếng Chữ = một phú ông, một phú gia.

Nôm = *đẹp quá xá, đẹp hết chỗ nói, đẹp hết sức, đẹp ghê, đẹp mê hồn, đẹp mê toi, ngộ quá, mùi quá, đẹp quá xá cỡ, v.v...*

Chữ = *Tuyệt đẹp, vô cùng diễm lệ, tuyệt thế giai nhân, kiêu diễm v.v...*

Nôm = *Chết, qua đời.*

Chữ = *Quả vắng, mệnh chung tịch, Quy Tiên, thăng hà, hay là: (băng hà, băng giá: nói riêng về Vua) v.v...*

Nhưng từ khi chữ Hán mất địa vị ưu thặng trong giáo huấn, bị chữ Pháp thay thế, số người học chữ Hán đã ít dần, cho nên nhiều tiếng chữ đã bị dùng sai lầm, không đúng nghĩa. Nhất là từ hồi hậu chiến đến nay, một số rất nhiều tiếng chữ Việt-Nam đã bị xử dụng lầm lộn hết. Cho đến đời nhiều người có trí thức Tây học cũng dùng sai, vì không hiểu nghĩa của chữ Hán: Một vài thí dụ:

Tiếng chữ: *Quả phụ* (người đàn bà góa) bị dùng là: *góa phụ*.

Tiếng chữ: *nhũ ý* (có ý lịch-sự, tao nhã: Ông ấy có *nhũ ý* đến thăm tôi). Tiếng ấy dùng để nói về người khác, rất nhiều người vì không hiểu nghĩa nên dùng để nói về mình: Tôi có *«nhũ ý»* đến thăm ông. Tiếng chữ = *Bồn báo* (tờ báo của chúng tôi: nhà Báo nói về mình).

Rất nhiều độc giả viết thư về nhà báo, cũng đã hiểu lầm nghĩa mà viết: chúng tôi yêu cầu *«bồn báo»* mở rộng thêm mục v.v...

Hiện nay, một số văn sĩ và ký giả không am hiểu Hán tự, và chưa thấu triệt ngoại ngữ, đã dịch tiếng Anh và tiếng Pháp ra Việt-ngữ mà dùng nhiều tiếng chữ sai lầm hết ý nghĩa, lại càng gây thêm cái hậu quả rối loạn trong văn học Việt-Nam. Sự thiếu thốn một Viện-Hàn-Lâm và một

bộ Tự-Điền Việt-Nam càng để đi hại lớn lao cho tiếng và chữ Việt Nam sau này.

Dân-tộc Việt-Nam đã bị một khuyết - điểm lớn rất tai hại, là ngay từ lúc khởi thủy chúng ta không có một văn-tự riêng.

Có vài nhà khảo-cứu ngọc-nhiên sao người Mường có lối chữ viết của họ, mà người Việt-Nam lại không có, rồi họ đưa ra vài ức-thuyết như sau đây:

1.— *Có lẽ người Việt cũng có một thứ chữ viết, nhưng vì chánh sách của người Tàu lúc bấy giờ là muốn đồng-hóa dân ta cho nên dần-dần thứ chữ cổ-tự của ta bị tiêu diệt.*

Thuyết ấy thật là mù-mờ và hoàn toàn vô căn-cứ. Vì không có chánh-trị nào tiêu-diệt được một văn tự cả. Và chẳng nếu hồi xưa quả thật người Việt đã có một thứ chữ riêng, thì ít nhứt thứ chữ ấy cũng phải còn để lại dấu vết gì trên đá, trên đồng hay trên sắt, như tất cả các giống người thượng-cổ. Thế mà sự-kiện ấy tuyệt-nhiên là không có.

2.— *Lại có kẻ cho rằng người Mường là gốc-tích người Việt và họ quả-quyết rằng chữ Mường bây giờ là chữ Việt hồi xưa.*

Thuyết đó lại càng sai hẳn. Vì người Mường không phải là gốc-tích người Việt. Họ là người Môn hay Muông, trước kia ở trên «bán-đảo» Xiêm; sau bị người Thái ở phía Nam nước Tàu tràn xuống chiếm đất, họ

mới vượt sông Mékong rồi qua Lào, và miền thượng-du Trung-Việt. Cho nên chữ Mường cũng na-ná như chữ Khmer, vì họ đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa Khmer, trước khi bị người Thái đuổi đi.

Chúng ta đã biết rằng Tô-Tiên của chúng ta đã chịu ảnh - hưởng của Tàu về mọi phương-diện, cho nên đến thế-kỷ I, trong đời TÂY-HÁN bên Tàu và đời nhà TRIỆU bên ta, khi những viên quan Tàu là TÍCH-QUANG, NHÂM-DIÊN, SĨ-NHIẾP qua dạy chữ Hán cho người Giao-chi, thì chữ Hán được thông dụng ngay trong dân-gian. Dân ta học chữ Hán, viết chữ Hán, mãi đến giữa thế-kỷ XIII, gần cuối đời nhà Trần, mới phát hiện ra chữ NÔM.

Chữ NÔM, (nói trại chữ NAM) cũng không phải là hoàn-toàn một lối chữ Việt. Nó là chữ Tàu ghép lại theo âm-thanh Việt để thành chữ Việt. Chữ Nôm không được thông dụng bởi vì muốn viết được nó thì trước hết phải học chữ Hán và viết chữ Hán.

Tuy vậy, chữ Nôm có một ưu-điểm quan-trọng; nó là lối chữ diễn-đạt trực-tiếp tiếng nói của người mình, trong lúc chữ Hán phải phiên dịch ra nghĩa. Nhờ điều tiện lợi đó mà một số nho sĩ ta bắt đầu từ Nguyễn-Thuyên (Hàn-Thuyên) từ giữa Thế - kỷ XIII, đã dùng chữ Nôm để viết văn.

Từ Thế-kỷ XIII đến cuối thế-kỷ XIX, một số Văn-sĩ Thi-sĩ Việt-Nam viết văn thơ bằng chữ Nôm, nhưng số tác-phẩm văn Nôm rất ít so với tác-phẩm bằng chữ Hán, trừ ra một đôi người, như HỒ-XUÂN-HƯƠNG, TỬ-XƯƠNG, v.v... viết toàn văn Nôm.

Giữa thế-kỷ XVII; ở đời chúa Trịnh có xuất hiện ra một lối chữ mới hẳn, là chữ QUỐC-NGŨ. Lối chữ này do một vị Giáo sĩ Pháp, tên là ALEXANDRE DE RHODES, đặt ra với vài ba vị Giáo-sĩ khác của Gia-tô-giáo. Thứ chữ «Quốc-Ngũ» mới này mượn mẫu-tự La-tinh mà sửa đổi chút ít, phiên âm đúng theo tiếng nói của người Việt-Nam. Một quyển tự-điền đầu tiên, tựa đề là: «*Dictionarium Annamiticum Lusitanum — Latinum*» (Tự-điền Annam — Bà-đào-nhà — La-tinh) do Alexandre de Rhodes soạn ra và xuất bản tại La-Mã năm 1651, đã chánh thức hóa lối chữ ấy. Nhưng chữ Quốc-Ngũ chỉ dùng trong các Hội-Thánh Gia-tô, chứ không được truyền bá ra ngoài dân gian, vì lý do chính trị và tôn-giáo.

Mãi đến cuối thế-kỷ XIX ở Nam-Việt và đầu thế-kỷ XX ở Tru g Bắc-Việt, chữ Quốc-Ngũ mới được chánh quyền công nhận là văn tự chính thức của nước Việt-Nam.

Từ đó, Văn-chương bằng chữ Quốc-Ngũ mới ra đời và bành trướng rất mau chóng toàn cõi Việt-Nam.

★ **Bạn Hoàng-Hà (H.H.) — Saigon**

Bạn «*muốn trả lời bằng thư riêng*» nhưng trong thư bạn không cho địa chỉ. Vậy bạn cho biết địa chỉ rõ ràng, sẽ có thư riêng đến bạn — Thân mến,
N.V.

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY MÊ

của Nhạc-sĩ CHOPIN

★ TRẦN THIÊN LÝ



Buổi hòa nhạc đã chấm dứt từ ba giờ trước, mà đám đông còn tụ hợp bên

lề đường trước cửa rạp Pleyel. Người ta đang nói đến nhà nhạc sĩ tài ba trẻ tuổi mặc dầu người đó đã theo Nam tước James de Rothschild lên xe đi về từ lâu. Đó là một thiên tài trẻ tuổi, mới hai mươi hai tuổi, da trắng nhợt, cặp mắt to và yếu đuối. Người ta kể những giai thoại kỳ lạ về con người đó: mẹ là người Ba-Lan cha là người Pháp vừa từ Varsovie đến và hành lý vốn vẹn một mảnh đất đem từ quê hương!

Tất cả điều đó đều có thật. Tên của nhà dương cầm trẻ tuổi là Frédéric François Chopin. Câu chuyện bắt đầu từ ngày 26

tháng 2 năm 1832. Đó là bước đầu của một tài ba hết sức lỗi lạc và cũng hết sức thảm thương trong lịch sử âm nhạc.

Frédéric đã dự buổi hòa nhạc đầu tiên lúc 8 tuổi ở Varsovie để giúp cho một thi sĩ già người Ba-Lan. Trong dịp này cậu mặc một chiếc áo đen cổ trắng, một chiếc quần ngắn và mang một đôi giày bóng nhoáng. Tóc cậu màu cỏ lau rơi xuống vai thành từng khóm. Cậu nhìn căn phòng một cách lo ngại. Khi cậu chơi xong bản nhạc đầu tiên, tất cả đều hoan hô. Cậu hân hoan trở về nhà và nhảy vào lòng người mẹ đau khổ vì không thể theo các người trong gia đình đến rạp hát.

Tất cả thành phố Varsovie biết đến cậu. Và phu nhân của phò vương Constantin thường nhớ



đến tài của cậu để làm dịu những trận lòi đinh của đức ông chồng. Mỗi khi trong lâu đài va-g lên tiếng cãi nhau của đôi vợ chồng, thì một chiếc xe ngựa ra khỏi chuồng chạy vào thành phố rồi ngừng trước cửa nhà Chopin. Một viên trung úy mặc binh phục vội vã mời Chopin theo. Cậu bé kinh-lạ trước thảm cảnh của gia đình nhưng cũng ngồi xuống cây dương cầm, và bắt đầu đàn. Và vị hoàng huynh ngừng cãi nhau, quên hẳn câu chuyện, để ru hồn trong tiếng nhạc.

Theo năm tháng, tài của Chopin càng lộ rõ. Vài cuộc hòa nhạc ở thủ-đô làm cậu nổi danh hơn và xúi dục cậu đem cái may mắn của mình ra thử thách ở nước ngoài. Nước Pháp, quê cha lồi kéo cậu trước hết.

Và ngày 2 tháng 11 năm 1830, cha mẹ chàng trai trẻ Frédéric tràn nước mắt tiễn con ra tận xe. Xe ngang qua vùng ngoại-ô của Varsovie, một cầu hát của thầy dạy nhạc cũ của chàng vang bên tai như một câu hát già từ: « Tài con, sinh ra trên mảnh đất của con, vang dội khắp nơi và khắp nơi... »

Paris thời bấy giờ đã có một số người Ba-lan đến rồi, họ đang kiếm cách nhập vào các trung-tâm văn-hóa và mỹ thuật. Ở đây, ông làm quen với Rossini, Cherubini, Meyerbeer Franz Liszt và Mendellsohn. Hai người sau này trở thành bạn thân của ông và

chính họ đã mở cuộc hòa nhạc đầu tiên cho ông ở rạp Pleyel.

Thư từ tới tập gửi đến khen tặng ông. Trong căn nhà của ông ở số 5 đường Chaussée d'Antin, không lúc nào vắng bóng những người đàn bà đẹp. Cứ mỗi người vào thăm ông thì lại đem tặng ông một cành hoa hồng hay hoa lan. Một buổi tối, trong phòng khách, trong khi ông đang chơi đùa bằng cách bắt chước cách nói và đi đứng của các bạn ông, thì bà bá-tước Potocka, một người đàn bà đẹp và kín-đáo nói với ông: « Bây giờ ông hãy thử tưởng-tượng cử chỉ của tôi ». Đáng lẽ phải tìm cách bắt chước, thì ông lại lấy khăn choàng của nàng, trải lên phim đàn và đặt ngay một khúc nhạc, như ngầm tỏ vơi nàng cảm-tình của ông. Rung động bởi sự trang nhã của nhà nhạc-sĩ ít lâu sau, bà bá-tước không từ chối mối tình của ông nữa.

Nhưng Frédéric lấy làm đau khổ vì sự bấp bênh và tội lỗi của mối tình.

Một mối vì mối tình phù hoa và không ngày mai, trong một lúc ông tưởng đã tìm thấy người vợ lý tưởng. Trong một cuộc du lịch sang Dresde ông đã gặp Maria Wozinoka một cô gái 19 tuổi. Da nàng nâu nâu, mắt to và đen, với nụ cười bí ẩn nhưng vô cùng quyến rũ. Ở Ba-lê, ông chỉ gặp toàn những người đàn bà kiêu cách, nay trước cô gái ngây thơ ông cảm thấy say mê. Nhưng ông

không dám thổ lộ tình yêu bằng lời nói, ông dùng âm nhạc. Những nhạc phẩm CONCERTO EN FA MINEUR, GRANDE POLONAISE POUR PIANO ET ORCHESTRE, BALLADE EN SOL MINEUR là những bản nhạc ông đặt ra để tặng Maria.

Ngày trở về đến, ông rời DRESDE lòng tràn hy vọng. Nhưng định mệnh đã đặt nàng Maria không bao giờ trở thành vợ ông. Cho nên, những thư từ của cô gái làm cho họ xa nhau dần, và cuối cùng mỗi tình gãy đổ. Chopin đem tất cả thư từ của người yêu bỏ vào một phong bì lớn và để ở ngoài hai tiếng Balan « Moja biada » nghĩa là « Nỗi khổ của tôi ».

Tình giác mộng tình, ông ta chỉ thấy khuây khoả nỗi buồn cạnh người bạn thân Franz Liszt — hiện đang sống với nữ bá tước Argoult ở khách sạn nước Pháp. Ở đây ông đã gặp George Sand. Lần đầu tiên ông gặp nàng trong một cuộc nói chuyện thì ngoài nàng ra còn có cả Maurice con trai của nàng và Solange con gái. Thân hình nàng bé nhỏ, da nhợt, mắt đen và tóc dài đến vai. George Sand chậm từ điệu này sang điệu khác không cần góp chuyện gì cả. Tối hôm đó khi trở về nhà ông nói với một người bạn thân « Thật khó thương! Nàng có thật là một người đàn bà, tôi không tin ». Trái lại George Sand rất cảm động trước vẻ đẹp bệnh hoạn, nỗi buồn cao quý của nhà nhạc-

sĩ. Chàng mới 26 tuổi mà nàng đã 34 tuổi. Nhưng trước người đàn bà ngang tàng này, không lâu, Chopin bị thuyết phục. Nhờ sự an ủi của nàng mà Chopin khuây khoả về việc Maria.

Mùa hè 1838, nhà nữ tiêu thuyết gia cùng hai người con và Frédéric sang Majorque. Hồi này Chopin rất yếu. George Sand trở thành y-tá của chàng, nàng thuê một căn nhà gần Palma, khá mát mẻ, có thể nghỉ ngơi được và có tên là « Ngõ nhà gió ».

Khốn khổ thay, khi hậu ở đây ẩm quá, Chopin ho ra máu và phải dưỡng bệnh ở nơi khác. Họ thuê ba gian phòng của tu-viện cũ Valdemosa. Nơi này chỉ cách Palma năm cây số, nhưng phải đi mất ba giờ mới đến, vì đường sá thật gồ-gề hai bên toàn là bụi rậm.

Trong sự yên tĩnh man-dã này, Chopin và George Sand có thể thương yêu nhau, làm việc và nghỉ ngơi. Ông bắt đầu soạn những bản PRELUDE và sáng tác nhạc phẩm MAZURKA EN MI MINEUR mang tên là MAZURKA DE PALERMA. George Sand thì say sưa viết tiểu thuyết cùng dạo chơi với hai con.

Mùa đông đến với những trận mưa như thác đổ, những gió lạnh và những trận mưa tuyết liên-miên. Một buổi tối tháng 12, Chopin kinh sợ bởi những tiếng ồn ào huyền ảo trong tu-viện. Một thầy giòng hóa điên chạy

khấp tu-viện vừa la hét vừa gọi tên những tu-sĩ đã chết như gọi họ đi lễ. Vào một đêm khác, những tiếng động kinh-dị đã đánh thức đôi tình nhân, theo George Sand thì đó là tiếng của hàng ngàn hạt dẻ rơi xuống sân. Lo sợ, hai người chạy ra nhà cầu và gặp một đám ma của bọn ma - quỷ, đầu ngựa đuôi chim quỳ quần xung quanh đồng lửa bốc khói. Thì ra đó là ngày hội của những dân làng kéo đến Valdemosa dự lễ.

Những việc tương-tự như vậy làm cho Chopin thêm bức mình vì chàng thấy mình như luôn luôn bị rình-mò, bởi một quyền lực xa-xăm. Trong tình trạng đó, chàng đã hoàn thành nhạc phẩm BALLADE EN FA MAJEUR và hai bản POLONAISE mà rap Pleyel đã trả cho chàng 500 phật lạng.

Vào tháng giêng, sự khủng hoảng của bệnh ho ra máu trở nên kịch liệt, chàng phải nghỉ đến việc ra về. Họ đáp tàu đến Barcelone và trở về Ba-lê.

George Sand trú ngụ trong ngôi nhà riêng của nàng cùng với người yêu mà hơn bao giờ hết cần đến sự săn-sóc an ủi của nàng. Trong căn nhà cũ-kỹ ở chốn thôn quê, chàng đã hoàn thành những nhạc phẩm mà chàng đã khởi soạn ở Majorque : SONATE EN SI BÉMOL MAJEUR, L'IMPROMPTU EN FA DIÈSE MAJEUR và hai bản NOCTURME.

Rồi chàng trở lại Ba-lê, Chopin ở số 5 đường Tronchet, và George Sand ở số 16 đường Pigalle. Nhưng ít lâu sau hai người hiểu rằng khó mà sống xa nhau sau một năm quen chung sống với nhau. Frédéric dọn đến ở với tình nhân.

Từ đó, trong căn nhà ở đường Pigalle, một đôi khi bao trùm một không khí khó thở, gây nên bởi những sự ghen tức những mưu mô. Maurice con trai của George Sand lấy làm khó chịu khi thấy có một người đàn ông sống dưới mái nhà của mẹ, cậu không bỏ một dịp nào khiêu-kích chàng bằng những câu nói xúc phạm đến chàng.

Một buổi tối, ở bàn ăn hai người đã gây nhau vì một câu chuyện vô lý. George Sand cất một con gà, đưa cho Maurice một miếng sườn và Frédéric một miếng đùi. Chàng cho đó là một cử-chỉ sĩ-nhục nên nói lớn : « Tôi không muốn được cư xử như một tên tù hèn mọn ». Rồi họ cãi nhau, George Sand buộc phải chọn Frédéric hay con trai. Nàng về phe Maurice không do dự gì hết. Chopin cúi đầu xuống và nói rằng chàng sẽ đi ngay. Không ai nói một lời để giữ chàng lại.

Cuộc đổ vỡ này là một phản-quyết cho nhà nghệ-sĩ đau khổ. Kinh sợ cho cuộc sống cô độc của mình chàng nghĩ đến việc rời bỏ Ba-lê. Suốt trong đời chàng, chàng chỉ tham dự những cuộc hòa nhạc hàng năm, nên chàng

quyết đi h mở một cuộc viễn-du qua các thành phố và lâu đài của hai xứ Anh-cát-lợi và Ái-nhĩ-lan. Cuối cùng theo lời khuyên của một bác-sĩ Anh, chàng trở lại Ba-lê. Trong một năm sống ở lâu đài thuê ở số 12 trong công viên Vendôme chàng chỉ đợi cái chết. Bên giường của chàng, luôn luôn có bạn bè của chàng, trai cũng như gái ai cũng

jo-lãng cho số phận của nhà nghệ-sĩ

Đến khi sắp chết ông còn nói với bạn bè : « Các anh sẽ cùng nhau phụng sự âm nhạc, các anh hãy nhớ đến tôi và tôi sẽ nghe được các anh... » Thế rồi ngày 17 tháng 10 năm 1849 lúc hai giờ khuya ông từ-trần. Vài kẻ thì thầm : « Người trong sạch như một giọt nước mắt ».



* MƯU KẾ

Chàng và nàng đi chơi ở sở thú. Khi đến đứng bên chuồng gấu, nàng kẹp lấy tay chàng, sát mình vào chàng. Nàng chứa thẹn :

— Xin lỗi anh, tại con gấu trông dữ quá, em sợ.

Chàng vui vẻ, bảo :

— Không có gì. Bảy giờ, chúng ta hãy đến xem cạp.

* BẮT ĐỒNG Y KIẾN

Hai nhà tỉ phú gặp nhau. Tỉ phú A :

— Trông anh có vẻ phiền điều gì ?

Tỉ phú B. — Tại vợ tôi đấy, anh à. Chúng tôi bắt đồng ý kiến nhau.

Tỉ phú A. — Chuyện ra sao vậy anh ?

Tỉ phú B. — Anh tính coi, chúng tôi định đi du lịch : tôi để nghị đi vòng quanh thế giới, vợ tôi nó cứ nằng nặc đòi đi ở một nơi khác.

* ĐÁNH CƯỚP

Hai anh bạn đi chơi đêm về. Đến một khoảng đường tối và vắng, một nhóm ba bốn người lạ mặt xông ra toan chụp giựt. Hai anh phải hết sức dơ gạt, đánh loạn xạ mới thoát thân. Chạy đến nơi có dây nhà bên đường, hai anh dừng lại.

Anh A bảo : « Tôi phải giữ đến mấy miếng võ bí hiểm mới thoát được.

Anh B : « Tôi cũng vậy. Mà tôi lại còn giựt tuột cái cà-vạt của một thằng đây ».

Anh A : « Đâu, anh đưa xem. Trời ơi, cái cà-vạt của tôi đây mà ! »

T.L.L.

Ba Giai

* THIỀU-QUANG



Về triều vua Tự-Đức, tình hình nước ta rất lộn xộn. Ở Bắc-kỳ bị hạ hai lần. Lần đầu thành Hà-nội do ông Nguyễn-tri-Phương và phò mã Lâm cầm quân chống giữ. Về sau bị tướng Francis Garnier hạ, Nguyễn-tri-Phương bị bắt rồi tuyệt thực mà chết. Thế là thành Hà-nội mất, triều đình ta phải ký hòa-ước giáp-tuất (1874) rồi hai bên không thỏa thuận về những điều khoản bởi thường trong hòa-ước đó nên một chiến cuộc khác nổi lên.

Tổng-đốc Hà-nội bấy giờ là ông Hoàng-Diệu thỉnh linh thấy chiến thuyền Pháp ra Bắc lấy

Với khúc

CHÍNH - KHÍ CA

làm nghi-kỵ lắm nên lo phòng và sửa sang thành-trị.

Đại-tá Henri-Rivière vào thành thấy vậy tỏ ý không bằng lòng. Sáng ngày 25-4-1882, đại-tá gửi một bức giác thư cho tổng-đốc Hoàng-Diệu, đại ý bức giác thư đó là phải giải giáp binh và các quan văn võ trong thành phải tề-tự trước 8 giờ sáng ở Đồn-Thủy. Nếu quá giờ đó, không thấy ông Hoàng-Diệu và các quan đến, Pháp quân sẽ tấn công thành chứ không cần tin trả lời.

Một giờ sau, (khoảng 7 giờ 30 sáng) ông Hoàng-Diệu cử ông Tôn-thất-Bá đến điều đình với Rivière đề gia hạn thêm một ngày nữa. Không xong việc, Bá đi luôn không về Hà-nội đề giữ thành nữa.

Quân Pháp bắn vào thành, sau

Quân Pháp bắn vào thành, sau

một hồi cầm cự ; kho thuốc súng của ta bị cháy, khi đó quan quân ta trong thành đã nao núng. Các quan trấn thủ các cửa thành hốt hoảng bỏ chạy. Ông Hoàng-Diệu biết thế địch không nổi nên lên voi vào Hành-cung vừa khóc vừa lay tạ tội trước bàn thờ. Rồi ra Võ-Miêu thất cổ tự vẫn.

Chiếm được thành rồi, Pháp trao trả thành lại cho quan quân ta. Những người đứng ra đề nghị thành là những ông Tôn-thất Bá và Hoàng hữu Xứng. Việc nhận lãnh đó đã được vua Tự-Đức bằng lòng.

Những sự kiện đó khiến cho Nguyễn văn Giai làm tác phẩm «Chính-khí-ca».

II. — TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Ông tên thật là Nguyễn văn Giai hay tục gọi là Ba Giai, người làng Hồ Khâu, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà-nội (nay thuộc huyện Hoàn Long tỉnh Hà-Đông) có tài về văn nôm, thường dùng tài thi họa của mình để chế rơm người đời. Tính tình phóng-khoáng, không chịu lồn cúi ai. Ông học rộng, thông-minh nhưng không có một bằng cấp nào vì ông không chịu đi thi. Ông là một nhà nho nhưng không phải là hạng quý nho nên nhiệm rất nhiều tính-

chất bình dân. Sự nghiệp văn-chương của ông chỉ có bài văn độc nhất *Chính khí ca*.

Tác phẩm này ông dựa theo một văn phẩm của Văn Thiên-Tường đời Tống và viết theo thể thơ lục bát gồm có 140 câu.

Chủ đích của tác giả khi viết «Chính khí ca» là ca tụng sự tự-vấn của tông đốc Hoàng Diệu và khiển trách các ông án-sát Tôn thất Bá, tuần phủ Hoàng hữu Xứng đề đốc Lê văn Trinh và bố chánh Phan văn Tuyên là những kẻ tham sống sợ chết, hèn nhác.

Bố cục trong «Chính khí ca» ta có thể chia ra 6 đoạn :

1) Từ câu 1 đến câu 6 — Tác giả mở bài bằng 4 câu vào đề trong bài Chính khí ca của Văn thiên Tường đời Nam Tống (1236-1282) soạn ra khi ông bị quân Nguyên bắt giam, đề tán dương cái chí khí chính đại của những bậc trung thần nghĩa sĩ. Tác giả mượn đề mục ấy để đặt tên cho tác phẩm của mình (1).

2) Từ câu 7 đến câu 20 — Giới thiệu nhân vật chính : ông Hoàng Diệu và nói sự chuẩn bị đề phòng thành.

3) Từ câu 21 — 42 : Tả quang

(1) Tài liệu : Văn học sử — Dương Quảng Hàm.

3) Từ câu 21-42 : Tả quang cảnh quân Pháp tấn công Hà-thành.

4) Từ câu 43 — 54 : Ông Hoàng-Diệu thất cổ tự vẫn.

5) Từ câu 55 — 122 : Tác-giả lấy việc xưa để làm gương cho việc nay. Tác-giả lên án chung và dùng lời châm biếm để hạch tội các vị quan hèn nhác.

Trong đoạn này ta có thể chia làm 5 tiểu đoạn :

a) Tiểu đoạn 1 — (Từ câu 55 — 68). Tác-giả thuật lại những việc đã qua và lên án chung bọn quan lại.

b) Tiểu đoạn 2 — (từ câu 69 — 84) Tác-giả luận tội ông đề Lê-văn-Trinh.

c) Tiểu đoạn 3 — (từ câu 85 — 100). Tác-giả luận tội ông tuần Hoàng-hữu-Xứng.

d) Tiểu đoạn 4 — (từ câu 101 — 116). Tác-giả luận tội ông án Tôn-thất-Bá.

e) Tiểu đoạn 5 — (từ câu 117 — 122). Tác-giả luận tội ông bố-chánh Phan-văn-Tuyên.

6) Đoạn cuối : (từ câu 122 — 140). Tác-giả kết luận và chúc mừng nhà Vua và khuyên thiên hạ nên ăn ở cho phải đạo tôi dân.

III. — QUAN ĐIỂM, LẬP TRƯỜNG VÀ THÁI ĐỘ CỦA NGUYỄN-VĂN-GIAI QUA TÁC PHẨM «CHÍNH KHÍ-CA».

Lời văn trong Chính-khí-Ca rất bình-dân giản-dị có tính cách sử-liệu, luân-lý và đại chúng Việt-Nam.

1. — Quan điểm.

Nguyễn-văn-Giai thấm nhuần nhiều về triết-lý nho-giáo của Khổng-Mạnh nên ông có một quan-diểm rất phong-kiến, tự-tướng và cốt cách của ông có ảnh-hưởng nhiều về «Chính-khí». Nếu một con người khi gặp đại-sự, gặp lúc rối ren thì phải sáng suốt, bình tĩnh, có những hành-động tự-nhiên và lớn-lao như tinh-hoa chính-khí của trời đất ; cho nên mới mở bài ông đã viết :

*Một vầng chính khí lư hành
Khoảng trong trời đất nhất,
tinh, sơn, hà.*

Đó cũng là những hiện tượng của thiên nhiên bao la và ở tâm lòng người ta cũng phải có khí phách cao rộng nên :

*Hạo nhiên ở tại người ta
Tất vương sơn sắt, hiện ra khí
cùng*

Vấp phải nguy nan chừng nào thì con người «quân tử» phải biết ứng biến để cho trọn đạo trung chính.

Ông Hoàng Diệu ở trong trường hợp đó nên đề chứng minh, ông Giai viết :

*Lâm nguy lý hiểm dã từng
Vắng ra trọng trấn mới chừng
ba năm*

Ngoài ra ông còn tố cáo những phường vong ân bội nghĩa: *Sao không biết xấu với đời? Sao không biết thẹn với người tử trung?*

Và ông cũng không quên nhắc lại cho chúng ta cái giáo điều «tận trung tử tiết» để báo đền ân vua, nếu không được như thế thì chẳng xứng đáng gì để sống trong nhân gian.

Nhưng, ở thế hệ ta hiện giờ, thời đại nguyên tử này sự nhận định và quan điểm trên không còn đứng vững nữa và chúng ta sẽ không ngạc nhiên vì ông và hầu hết các nho sĩ thời xưa đều là môn đệ trung-thành của phái «lý giới». (Duy chỉ có khi tình trạng trong nước bị lộn xộn, lòng người chán nản, muốn nhận lấy cái sướng cho bản thân mình. Những nhân sĩ, thân hào nào có một tấm lòng nhiệt thành ái quốc thì phải

xử thế như vậy nghĩa là khuyên dân nên lấy sự trung với vua làm một cử chỉ yêu nước cụ thể; nhưng đó chỉ thiểu số).

2.— Lập trường;

Trong suốt bài ca, ta thấy Nguyễn văn Giai có một lập trường vững chãi thiên hẳn về quần chúng mà khen chê phê phán các quan viên hèn nhác. Nhà thi sĩ bình dân ấy đưa ra một nhân vật kiểu mẫu: ông Hoàng-Diệu đề so sánh với lũ quan lại tránh nhiệm-vụ mình. Đặc biệt hơn ông đã thay mặt toàn dân mà đề vài câu «phúng» cụ tồng-đốc khi cụ tồng-đốc qua đời :

*«Thương thay gặp buổi truân
nguy.*

*«Lòng riêng ai chẳng thương,
vì người trung.*

Và ông còn lên tiếng quở phạt đề-đốc Trinh :

*«Cũng loai úy tử cũng phường
tham sinh.*

và :

*«Phép công nên bắt gia-hình!
hay mĩa-mai ông tuần Hoàng-
hữu-Xứng :*

*«Hay còn tiếc cái xuân xanh
Tìm nơi, kiếm chốn gieo mình
trú chân ?*

rồi lớn tiếng :

«Sao không biết xấu với đời ?

*«Sao không biết thẹn với người
tử trung ?*

hoặc cảnh cáo ông án Tôn-thất-Bá đã giao-thiệp riêng rẽ với Pháp để sau lãnh lại thành; đây là lời của ông Giai :

«Tư giao rắp những mưu gian.

*«Thừa cơ xin dự hội-thương ra
ngoài.*

Và đến ngay cả Bộ-chánh Phan-văn-Tuyên cũng bị ông cười cho :

*«Sống thừa chi để kẻ cười
người chê.*

Vì ông luôn luôn lên tiếng thay cho dân cho nên ông đã lập ra một tòa án mà ông là quan tòa để luận tội tất cả những viên quan từ chức lớn xuống chức nhỏ để được công bằng.

3.— Thái-độ.

Xét qua bài Chính-khí-Ca ta nhận thấy thái-độ Ba-Giai đã biểu-lộ rõ tính cách phần-uất, đấu tranh qua câu thơ :

*«Hăm hăm xin quyết một lòng
tận trung.»*

Sở dĩ thái-độ của ông được biểu lộ rõ vì nước ta hồi bấy giờ

có một hoàn cảnh xã-hội đặc-biệt.

Việc Pháp quân đánh chiếm kinh đô đã làm cho nhân dân ta hết sức công phẫn mà ông đã ở trong hoàn cảnh đó. Và có khi ông Giai còn kéo chúng ta đi xa hơn tới có tính bài ngoại nữa.

Như vậy, ta cũng thừa hiểu rằng ông Nguyễn văn Giai có một thái độ hăng hái, tích cực.

IV.— KẾT LUẬN.

Qua những giòng nhận xét trên đây, chúng ta có thể tạm nói : ông Nguyễn văn Giai yêu nước và tranh đấu tích cực.

Nhà thơ bình dân trào phúng ấy thật trung thành với quan-niệm chính khí và như thế ông có một khuynh hướng quốc gia rõ rệt.

Đọc Chính Khí Ca, chúng ta mới biết được trạng thái tinh thần đăm nho sĩ của một thời đặc biệt của nước nhà và cũng nhờ đó, thanh niên chúng ta thời nay lượm lặt được những kinh nghiệm quý giá và thiết thực cho đời sống hiện tại một khi ta biết soi sáng mọi vấn đề bằng những nhận định rõ ràng tinh vi khỏi sai lầm.

Cát



* TỪ-TRÂM-LỆ

Ê N thật ông ấy là gì không cần lắm. Tôi gọi ông ta là ông Hào-Hiệp. Ông Hào-Hiệp tuổi lối bốn mươi ngoài, tác người cao lớn mà mảnh khảnh, gương mặt xanh xao.

Vào lúc ấy, tôi được 14 tuổi. Ông Hào-Hiệp ở một cái nhà nhỏ, sơn trắng, sát bên những cồn cát. Mẹ tôi và tôi ở cách đây vài ngàn thước, trên một cánh đồng chi chít cỏ khô.

Ông Hào-Hiệp thương tôi lắm vì tôi và ông cùng một ý thích : những cồn cát bên nhà ông. Thường khi, tôi cưỡi ngựa đến với ông. Ông và tôi đi với nhau đến một trái đồi lớn nằm cách nhà ông đôi chút. Chúng tôi ngồi lại đây chuyện vãn với nhau, hay cũng chẳng nói gì cả. Ngọn

đồi trông rất xinh đẹp, lộng lẫy trong làn cát, mịn màng ánh chiều như vàng, với những khóm cỏ thưa trở nên cao và đượm một sắc xanh thẫm về hè. Đứng trên đỉnh đồi, tầm mắt bao quát khắp mấy ngàn thước chung quanh. Hầu khắp mọi ngày, tôi vẫn nhìn thấy, về phương Bắc, đọt khói của một chuyến xe lửa chạy ngang qua cách ngọn đồi lối mười ngàn thước, và lúc gần xế, những khi vàng không quang đãng ở ngoài kia, một trăm cây số về hướng đông, hình dáng một đỉnh núi phớt một màu xám nhẹ nổi hiện lên chân trời.

Một buổi kia, như thường lệ, chúng tôi đến ngồi nơi đó chuyện trò với nhau. Ông Hào-Hiệp bốc lên một nắm cát, để cho cát chảy trôi qua mấy kẽ tay. Ông nói nhẹ nhàng :

— Cát của thời gian chõng

chất lên nhau đến nỗi đưa được ta tận trời, mặc dù nó trôi chảy dưới chân như chính thời gian. Và người ta chỉ có thể vốc được một nắm mỗi lần.

Ông cười nhẹ nhàng và tiếp :

— Hai năm, cũng lâu, phải không cậu ?

Tôi đáp :

— Phải, cũng lâu. Chừng ấy, tôi được 16 tuổi.

Ông nhìn ra xa, nói :

— Và cậu sẽ còn nhiều năm khác nữa đến với cậu. Cậu sẽ dùng những năm ấy làm gì ?

Tôi đáp rằng tôi không biết gì về những chuyện ấy cả.

Ông bảo :

— Khi người ta còn trẻ, người ta có rất nhiều dự tính. Nhưng cậu hãy nhớ điều này, cậu có thể thực-hiện tất cả những gì. Không có cái rào nào mà không vượt qua được. Luôn luôn vẫn có một cách để vượt qua nó... hay là đi vòng nó.

Ông thở dài và để bàn tay lên ngực để nén một cơn ho. Chúng tôi đứng lên, chậm rãi về nhà.

Cái nhà nho nhỏ xinh xinh ấy, chính tay ông cát và bàn ghế trong nhà cũng do ông làm ra hết. Tôi

có hỏi phải chăng ông làm thợ mộc, thì ông đáp :

— Không phải. Nhưng tôi đã phải nằm dài suốt một năm trời trong một căn phòng nhỏ sơn trắng ở viện điều - dưỡng, và chính trong khi nằm « dính » trên giường ở đó, tôi đã phát-họa cái nhà này với những đồ bày biện bên trong. Sau đó, tôi đến đây và cất nó.

Tôi không hiểu rằm ở viện điều dưỡng có nghĩa là gì. Sau tôi hỏi mẹ tôi, mẹ tôi cắt nghĩa cho biết rằng ông Hào - Hiệp bị lao phổi.

Một ngày kia, tôi hỏi sao ông không nuôi gia súc vì ông rất rảnh rang. Ông lắc đầu :

— Đối với tôi giờ đây, nếu có được cái gì mà sự ấy đòi hỏi tôi phải chăm nom đến, thì đó quả là một sự tính sai. Con ngựa của tôi đấy, còn có thể được, vì nó cần thiết cho tôi. Điều tôi muốn hơn hết là cái nhà nhỏ bé này. Cách đây một năm rưỡi, mấy bác-sĩ đều bảo tôi chỉ còn hai năm nữa là nhiều. Sống như tôi sống thế này, số tiền tôi dành dụm có được cho tôi qua được hai năm ấy. Nếu không, chỉ sáu tháng là túi tôi rỗng tuếch.

Ông dăm dăm nhìn ra ngọn đồi

phoi mình trong nắng mới, cát vàng óng ánh, đôi mắt ông sáng dịu dàng lên và ông tiếp, như gởi lời cho những thế vụn ngoài kia :

— Còn nửa năm nữa... Tôi đã sống qua mười tám tháng êm thú tuyệt vời.

Bắt đầu vào đông, thời tiết cũng thấy dịu dàng. Nhưng vào một ngày tháng mười một, vào lúc lên đèn, một trận gió to, mãnh liệt như bão, nổi dậy và kéo dài suốt cả đêm. Vừa tinh sương, chợt có tiếng gõ cửa nhà tôi có vẻ cấp bách. Đó là ông Ba, nhà ở cách chúng tôi đôi cây số. Ông bảo rằng thằng con nhỏ của ông bị bệnh nặng. Nó bị lạnh và thấy đau ở ngực. Cơn sốt phát cao lên trong đêm và hiện nó thở rất khó nhọc. Ông có vẻ bối rối, ngập ngừng nói :

— Tôi đến đây để nhờ xem có ai có thể đi gọi điện thoại mời một lương y giùm tôi. Tôi vẫn biết giọng bão thế này, sự yêu cầu này là quá, nhưng quá tôi không biết làm sao khác được.

Vào mùa Xuân trước, gia đình ông Ba đến ở đây và từ ấy đến giờ ông không được may mắn lắm. Ông cũng không có ngựa. Hồi mới đến, ông có hai con. Chúng bị đau và chết cả hai con sau trước

vài hôm vào cuối hè. Người ta bảo rằng cả gia đình sống đắp đổi nhờ vào mấy khoảnh ruộng trong vườn.

Mẹ tôi hỏi tôi có thể đi đến tận giầy nói ở kho Quang Minh cách lối 15 ngàn thước và cách nhà ông Hào-Hiệp khoảng 10 ngàn thước. Tôi chịu đi. Tôi cúi đầu xuống ngực chống lại sức gió rất mạnh để đến nhà để xe và bắt kể ngựa vào xe. Mẹ tôi lấy theo tất cả thuốc có được trong nhà và lên xe đi với ông Ba. Phần tôi, tôi thẳng con Bạch Kim và lên đường đi gọi giầy nói.

Con giông càng phút càng tăng, bốc bụi cát bay mù. Khoảng hai tiếng đồng hồ sau, con Bạch-Kim mới đến trước nhà ông Hào-Hiệp. Tôi tự hỏi có nên thẳng luôn đến kho Quang-Minh chăng. Nhưng cảm thấy có hơi lửa ấm áp trong nhà, tôi xuống buộc ngựa lại và đến xô cửa bước vào.

Ông Hào-Hiệp đang nằm trên giường. Ông lộ vẻ kinh ngạc, hỏi lên :

— Kìa, trời giông to gió lớn thế này, mà cậu đi đâu vậy?

Tôi vừa gom nhóm ngọn lửa bên giường vừa thuật lại câu chuyện. Mới nghe có đoạn đầu, ông liền chồm dậy đi lại cái móc

quần áo. Trong lúc mặc đồ, ông phát ho một tràng dữ dội và phải ngồi xuống trong giây lát. Kế ông lại mở cửa một tủ nhỏ, lấy ra những chai lọ, cho tất cả vào một cái bao nhỏ, đoạn lấy cái áo lạnh khoác lên mình. Tôi liền phản đối :

— Nhưng tôi đi gọi y-sĩ đây mà.

Ông vừa cài khuy áo, vừa bảo :

— Phải mấy tiếng đồng hồ nữa, viên y sĩ mới có mặt ở đó. Thằng bé ấy bị sưng phổi đấy. Những gì có ăn thua đến phổi, tôi biết rõ lắm. Có thể rằng tôi đến kịp cứu nó.

Tôi lưu ý ông rằng trời đầy giông gió có thể hại đến sức khỏe của ông. Ông vừa đi ra cửa day qua, cười bảo :

— Tôi sẽ đến nơi ấy. Không có cái rào nào mà không vượt qua được.

Ba phút sau, chúng tôi cho ngựa đi, ông ta đi về ngã đường tôi vừa đến, tôi thì hướng về kho Quang-Minh.

Viên y sĩ đáp sẽ lên đường ngay đến tôi. Giông gió đã thấy dịu dần. Khi tôi kể cho ông nghe những gì tôi được nghe biết về bệnh trạng của con ông Ba, viên y sĩ lắc đầu :

— Không còn mong mỗi giờ cho lắm. Nhưng ta cứ đến xem, có lẽ chỉ để thấy là nó đã chết rồi.

Xế trưa, tôi và y sĩ về đến nhà ông Ba. Đứa nhỏ con ông không chết, cơn sốt đã hạ và nó đang ngủ, hơi thở đều hòa. Ông thầy hỏi chuyện, cầm tay đứa nhỏ nghe mạch và quay sang bảo ông Ba :

— Con ông còn sống đây là nhờ nơi ông Hào-Hiệp, Ông ấy đã đến kịp lúc.

Sau đó ông thầy kéo ông Hào-Hiệp qua một bên ở góc nhà. Hai người nói nhỏ nhỏ với nhau. Sau cùng tôi nghe ông Hào-Hiệp bảo :

— Ồ, một hay hai năm nữa có vào đâu đó. Bên một cuộc đời trẻ trung còn dài lắm kia. Một cuộc sống già hư có nghĩa gì hở bác sĩ.

Ông phát ho lên một tràng dài.

Khi về đến nhà tôi, mẹ tôi bảo ông Hào-Hiệp hãy ở lại nghỉ đêm. Ông lắc đầu cười đáp :

— Cảm ơn bà lắm. Nhưng tôi về đây thôi. Tôi thấy rằng tôi chỉ vừa đủ thì giờ để về.

Ông thầy và ông ta chào mẹ con tôi, đoạn lên ngựa đi trong

ánh chiều đỏ xuống. Mẹ tôi nhìn theo, chép miệng bảo :

— Ông ấy bệnh nặng lắm !

Ông Hào Hiệp chết sau một tiếng đồng hồ khi về đến nhà.

Người ta chôn ông ở dưới còn cát như ý ông muốn. Một tảng

đá to được đặt đầy ghi dấu nơi nấm mồ ông. Nhưng cát không phải ở một chỗ, mà xoay chuyển, thay chỗ lắm khi.

Mùa thu năm rồi, tôi đến đấy. Tôi tìm không thấy mồ ông đâu cả. Tảng đá cũng không còn. Cát thời gian đã phủ nó mất rồi.



★ CAY

Một anh chàng đến tòa soạn một tờ báo, trao bản thảo hai bài thơ dễ dàng. Ông chủ bút xem qua, bảo :

— Hai bài thơ này đều của ông làm ?

— Vâng, đều của tôi.

Ông chủ bút đứng lên, đưa tay ra, cười hóm-hỉnh :

— Rất hân hạnh được bắt tay hai ông : Tân-Đà và Chế-lan-Viên.

★ THƠ THẬN

Thi sĩ nhìn theo làn khói thuốc, thờ dật, làm bầm :

— Ta sẽ phải chết.

Vợ thi sĩ đi ngang, nghe thế, lo lắng hỏi :

— Có chuyện gì, thế mình ?

Thi sĩ vẫn mơ màng, làm bầm :

— Mình cũng phải chết.

— Trời ơi, có gì quan trọng đến vậy, sao mình giấu em ?

Thi sĩ vẫn dăm dăm theo làn khói thuốc, làm bầm :

— Mà tất cả thiển hạ, ai ai cũng phải chết.

Vợ thi sĩ ? ?

★ TÁNH CÁ GHEN

Quan tòa. — Vợ anh tên gì, mấy tuổi, hiện ở đâu, ở một mình hay với ai ?

Bị cáo. — (nổi ghen) Này, ông đừng có lời thôi, tôi bắt được, đưa cả ông ra tòa, chờ chẳng chơi da !

T.L.L.

HỒI KÝ

MỘT ĐÔI NGƯỜI

★ THIẾU-SƠN

PHẦN THỨ HAI

I

THÁP NGÀ BẮT ĐẦU RUNG CHUYỀN

(Tiếp theo P. T. số 20)

TH Ự C không đẹp bằng mộng, đời không phải là thơ, nhưng sống trong Tháp Ngà cũng tạm gọi là yên ổn. Thành đĩnh có những tin tức từ phương Trời Tây đưa lại làm tôi phải giật mình kinh động về những viễn ảnh cho những cuộc nô súng rền trời.

Những trận giặc ngoại giao chỉ làm chậm lại chứ không dập tắt được ngọn lửa chiến tranh.

Tôi nhớ lại cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất mà Pháp đã chặn đứng được sức tiến triển của quân Đức để chiến thắng một cách vinh quang sau 4 năm khói

lửa. Những tên tuổi của các bậc danh tướng Pháp như Joffre, Foch, Pétain, Weygand ... lại xâm chiếm lòng tôi sau những văn hào và thi sĩ.

Tôi đã say mê văn hóa Pháp cho đến nhiều khi không chịu nhìn rõ bộ mặt khả ố của thực dân.

Tôi vẫn kính trọng những nhà ái quốc Việt Nam nhưng không thích nghe họ lên án thực dân một cách quá nghiêm khắc. Tôi cho rằng làm thế ta sẽ xúc phạm tới quê hương của những danh nhân Pháp đã dạy tôi những bài học về tự-do, nhân đạo, dân chủ và dân quyền.

Bởi thế nên tôi không tham gia những phong trào tranh đấu chánh trị như «Mặt trận bình dân», «Đông dương đại hội», v.v...

Nhưng trước cuộc thế giới chiến tranh lần thứ hai tôi thấy bản khoăn lo ngại về những biến cố trọng đại có thể xảy đến cho đất nước thân yêu.

Tôi ít lo về chủ nghĩa quốc xã của Hitler mà lo nhiều về cái họa Nhựt bôn đối với các nước Đông Nam-Á.

Tôi đem những lo ngại đó viết thành một bài xã thuyết đăng trong báo «Mai» của ông Đào Trinh Nhất. Bài đó nhan đề: «Đông dương với Pháp và Đông dương với Nhựt».

Đó là bài báo thứ nhứt mà tôi viết về chính trị theo cái quan điểm hẹp hòi của tôi.

Nhưng, mặc dầu tôi cho Pháp ít nguy hiểm hơn Nhựt, tôi vẫn không cần được những nhượng bộ liên tiếp của Pháp đối với những yêu sách của Nhựt về Đông dương.

Tôi cũng không cần được những cuộc khủng bố ngấm ngầm và công khai của Pháp đối với những đồng bào cùng máu mủ.

Tôi không quên được những cảnh tàn sát đẫm máu ở Hóc-môn,

Bà Điền, những cuộc oanh tạc mù quáng ở Chợ Giũa, Vĩnh Kim.

Tôi cũng không quên được câu chuyện sau này do anh em Tòa Bô Gia-dịnh thuật lại:

Hôm đó, ba tên: Phó Tham biện Josa, Trường tiền Lataste và Cò Bétaille cùng dẫn lính đi bố ở miền Hóc môn, Bà Điền. Josa trở về tập hợp các nhân viên người Việt tới văn phòng mình rồi chỉ một gói đồ lòm và chiếc súng sáu đề trên bàn mà nói: «Gói này là «gói những vành tai của bọn «đánh xe thô mọ ở miền Hóc môn, Bà Điền. Chúng nó là «những tên phiến loạn hay những «liên lạc của bọn này. Tôi đã hạ «sát chúng nó và cắt tai đem về cho «các anh coi. Các anh phải có «thái độ dứt khoát: Hoặc theo «chúng tôi, hoặc chống lại chúng «tôi, chứ không được lửng chửng. «Theo chúng tôi thì tốt. Chống «lại chúng tôi thì cây súng sáu «này sẽ nói chuyện với các anh.»

Quý ông, quý thầy đều bật ngửa, mà kẻ được nghe chuyện đó cũng chưa xét trong lòng.

Không còn chối cãi gì nữa. Bàn tay thực dân đã đẫm máu đồng bào mà phần nhiều là đồng bào vô tội. Và lại, cho rằng họ có tội đi nữa thì cũng không thể xử tội

họ một cách đơn giản như thế được.

Lòng tôi tràn ngập một sự công phẫn, thấy nước Pháp tinh thần huyền ảo, xa xăm và bất lực còn nước Pháp thực tế hung hăng, tàn bạo đã mất hết tín nhiệm của tôi.

Rồi nước Pháp thất trận và chính những danh tướng Pétain, Weygand đứng ra ký giấy đầu hàng. Nước Pháp đã hết hùng-cường và cũng không còn danh-dự.

Rồi người Pháp đua nhau ra cộng tác với kẻ thù và Thống chế Pétain xướng mệnh phong trào «Cách mạng quốc gia» đề cao «Gia đình», «Cần lao» và «Tổ-Quốc».

Phải chi làm cách mạng quốc gia để chống đối với kẻ thù thì còn danh chánh và ngôn thuận.

Nhưng làm cách mạng quốc gia để hợp tác với kẻ thù thì cách mạng cái nòi gì?

Ca tụng gia đình hay xúi người ta chui rúc vào gia đình để trốn tránh, ôm ấp lấy gia đình để xin thẻ thực phẩm, chịu sự kiểm tra và nhận sự che chở của giặc?

Ca tụng cần lao hay bảo người ta cứ dúc dúc, dúc dạn và ngoan ngoãn hợp tác với quân thù?

Ca tụng tổ quốc hay bảo người ta cứ thần phục kẻ xâm lăng cho đất nước được yên ổn trong nô lệ?

Tôi không ngờ nước Pháp sa đọa đến thế? Nhưng cũng may mà còn có những tinh thần bất khuất, những người Pháp kháng chiến để cứu vãn phần nào danh dự của giống nòi và dân tộc.

★
Nhưng tôi là người Việt Nam, tôi phải nghĩ đến nước tôi trước đã.

Tôi đã nói chuyện với những người thân Nhựt. Tôi đã nói chuyện với những người chống Nhựt. Không người nào làm thỏa mãn lòng tôi. Tôi chỉ sợ một sự «dịch chủ, tái nô» và ao ước cho nước tôi khỏi phải làm chiến địa cho những xung đột của ngoại bang. Nhưng việc phải đến đã đến. Cần cứ Nhựt mọc lên như nấm và kêu gọi máy bay Đồng Minh tới oanh tạc làm cho máu chảy, thịt rơi, nhuộm đỏ cả Sài gòn mà hầu hết đều là máu thịt của người Việt Nam.

Gia đình tôi may mắn được an toàn nhưng đời sống trong tháp ngà đã bắt đầu mất yên ổn.

(Còn nữa)

Không- Minh

★ NG. QUANG LỤC

1) CHÍ - KHÍ KHÔNG-MINH

Chư Cát Lượng tên tự là Không-Minh người làng Dương - Đô quận Lang-Gia là giòng dõi Chư Cát Phong xưa làm quan tư lệ hiệu úy đời Hán. Thân sinh Lượng tên là Khuê tự là Quân Cống (1) đời Hán mạt làm Quận thừa ở Thái Sơn.

Lượng sớm mồ côi cha, chú là Huyền, quyền chức Thái thú Dự Chương thay Viên Thuật. Huyền cho cả Lượng và em là Quân đều làm quan.

(1) TQCDN : Kỳ phụ danh Khuê, tự Tử-Cống cha tên là Khuê tên chữ là Tử-Cống.



Thời ấy Hán triều tuyên Châu Hạo thay Huyền, Huyền đổi với Chức mục Kinh Châu là Lưu Biều là chỗ quen cũ liền đến nương nhờ tại đây.

(Sách Hiến đở Xuân thu chép : Thái thú Dự Chương là Chu Thuật bị bệnh mất, Lưu Biều tiến cử Chư Cát Huyền làm Dự Chương thái thú, cai trị đất Nam Xương. Nhưng Hán triều lại cho Châu Hạo đến thay Huyền, Huyền lui về đóng đồn ở Tây thành Hạo vào Nam Xương)

Tháng giêng năm thứ hạ đời Kiến An, dân ở Tây thành làm phản giết Huyền gửi đầu về cho Lưu-Dao. So đây với bản truyện không giống nhau)

(Xem vậy thì Lượng đã xuất chinh một lần vậy mà không thấy nói giúp chú là Huyền một mưu cơ gì, đề đến nỗi Huyền thất nhân tâm bị giết. Thời ấy ai có tài có trí, đủ giữ một giang san nhứt khoảnh làm bàn đạp đề tranh thiên hạ. Huyền đã giữ được chức thái thú một châu quận, Lượng tài ba như thế mà Huyền phải chịu thất bại bằng cả một sinh mạng. Phải chăng Lượng ở với Huyền cũng như Bạch Lý Hề thờ Ngụy ? Hay bấy giờ Lượng còn

trẻ quá chưa được thành tựu tài năng)

Huyền chết, Lượng tự mình đi cày ở Lũng mẩu, thích ngâm bài thơ Lương phụ.

(Sách Hán, Tấn Xuân thu chép : Lượng nhà ở Nam dương huyện Đặng cách phía Tây thành Trương Dương hai mươi dặm nơi ấy gọi là Long Trung)

Lượng, thân dài tám thước, tự ví mình với Quân Trọng, Nhạc Nghi, trong thời ấy không giao du với ai.

Duy chỉ có Thôi Châu Bình người Bác Lăng và Từ Thứ Nguyên Trực người Đinh Xuyên là chỗ thiện tình tín nhiệm.

(Sách Ngụy lược chép : Lượng ở kinh châu, đầu năm Kiến an, cùng người Đinh Xuyên là Ghạch quảng Nguyên và Từ Nguyên Trực, người Nhữ nam là Mạnh Công Uy cùng đi du học. Bốn ba người này học chăm chú làm sao cho thuộc tinh thực nghĩa sách. Riêng Lượng chỉ xem một cách đại lược, thường sớm ôm gối thờ dài, rồi trở ba người nói : — Các anh về sau tiến thân có thể làm tới chức thứ sử quận thú.

Ba người hỏi lại Lương suy tài mình có thể làm tới chức gì. Lương chỉ cười không nói.

Sau Công Uy nhớ nơi cổ lý, muốn về Bắc, Lương bảo bạn :

— Ở Trung quốc, nhiều người được làm sĩ đại phu. Kẻ trí giả, ngao du tìm công danh hà tất phải về cổ hương ?

Thần, Tùng Chi nghĩ rằng, sách Ngụy lược nói điều ấy, bảo rằng Chư Cát Lương với Công Uy mà bày cho kế xuất thân tiến đạt, thế là phải lắm. Nếu bảo rằng câu nói ấy gói ghém cả mình vào nữa thì không đáng gọi là đạt tâm.

Lão thị nói : «Biết người là trí, biết mình là minh. (Tri nhân giả trí, tự trí giả minh)

Phàm bọn phong lưu hiền giả đạt được tới công danh đều thấu suốt được hai điều ấy. Xem tài trí thức của Chư Cát Lương há không thăm quyết được số phận mình sao ? Đá nằm cao ngám thơ Lương phụ đạt thời, tính tình phát lộ ra ngôn ngữ, giữ lâu dài bền bỉ được chí khí, bắt đầu đã định hướng cho số phận mình. Ví chẳng đặt bước ngao du ở Trung hoa, rong ruổi long quang, há rằng ở đây

nhiều kẻ sĩ đã bị trầm một tại khi ?

Ủy thác tài ba tính-chất cho Nhà Ngụy đề phát triển khi nắng, đến tài không được như Trần Trường Văn, Tư mã Trọng Đạt còn có thể bay lượn tung hoành, hưởng hồ kẻ dư tài hơn bọn ấy.

Vậy mà không lo rằng công nghiệp không thành tựu được, đạo nghĩa không thi hành được, tuy chí khí có thể khôi phục vũ trụ mà rút lại không thêm hưởng về phương Bắc, thế là chịu quyền biến trong một lúc, ngư trị lấy mình để lưu tâm thân hữu ích cho nhà Hán sau này.

Hán tồ đã ngã nghiêng thì ra tay phù dục, ca tụng những đấng quân vương anh kiệt nhà Hán khi xưa, cổ hưng khởi cái ngôi thừa nhà Hán đã đi vào tuyệt vận lấy điều khắc phục mình làm nhiệm vụ của mình.

Há cứ khư khư chỉ nom thấy cái lợi nơi biên ải thôi sao ? Tư mã Tương Như đã nói : « Con chim con chim bằng thì bay lượn ở khoảng trời xa rộng; mênh mông, những con chim nhỏ chỉ bay là là nhìn thấy nơi đầm trạch. »

Theo kế của Lương, sau Công

Uy cũng được hiền đạt ở Ngụy)

2) KHÔNG MINH GẶP LƯU BỊ.

Thời ấy Tiên chủ (Lưu Bị) đóng đồn ở Tân dã, Từ Thứ đến yết kiến Tiên chủ. Tiên chủ trọng dụng.

Từ Thứ nói với tiên chủ :

— Chư Cát Không Minh là con rồng năm đời thời đây. Tướng quân có muốn yết kiến không ?

(Nguyên sách sử : « Chư Cát Không Minh ngoại long dã tiếng « Ngoại Long » đây là một danh từ chung, người đương thời chỉ Không Minh để phục tài ông cho nên lắm khi còn dùng một danh từ khác là « phục long » con rồng năm, nghĩa là cũng như trên. Theo TQCDN gần chỗ Không Minh ở ẩn có một cái gò gọi là gò Ngoại Long, nhân đây ông đặt tên hiệu là Ngoại Long niên sinh không biết có đúng thế chăng ?

Và trong TQCDN Từ Thứ chỉ giới thiệu Không Minh khi phải về Tàu, lời giới thiệu rần lại hoa bướm :

« Lấy tài tôi so với người ấy như so sánh « con ngựa tôi với giống kỳ lân, chim hàn nha sánh với phương hoàng » và

« người này có tài ngang trời dọc nước » còn thêm « Người này là bậc kỳ tài tuyệt đời không còn ai bằng nữa ». (Thứ nhân tuyệt đại kỳ tài).

(Sách Tương Dương ký chép: Lưu Bị phỏng vấn Tư Mã Đức Thảo về thế sự. Khi Lưu Bị trốn Thái Mạo với con ngựa Địch lư vượt qua Đản Khê, lang thang tìm về Tân dã, bỗng gặp một tiêu đồng cưỡi trên lưng trâu thổi địch. Hai bên trò chuyện. Mục đồng nói y là người nhà Tư Mã Huy tự Đức Thảo hiệu Thủy Kính tiên sinh. Lưu Bị nói tới thăm, mục đồng đưa vô.

Đây là hai bên đối thoại theo TQCDN : « Thủy Kính hỏi Huyền Đức : Tôi đã lâu nghe đại danh Minh Công, không hiểu sao tới bây giờ mà còn lạc phách như vậy.

Huyền Đức nói :— Chắc tôi còn gặp nhiều kiện vận nên đến nông nổi thế.

Thủy Kính nói :— Không phải vậy. Nguyên nhân chẳng qua Minh Công không có người tả hữu giỏi đó thôi.

Huyền Đức nói : Bị tôi tuy bất tài, nhưng vẫn có bọn Tôn-Cang, My Trúc, Giản Ung, Vũ có Quan, Trương, Triệu Văn

độc một lòng trung giúp đập; tốt được nhờ cậy rất nhiều.

Thủy Kính nói: Quan, Trương, Triệu Văn là tay tướng địch nổi muôn người, chỉ tiếc rằng không ai điều khiển được những cái lớn đó. Còn bọn Tôn Càng, My Trúc chẳng qua là bọn bạch diện thư sinh, không có tài «kính bang tế thế».

Huyền Đức nói: Bị tôi thường vẫn cứ mình cầu người hiền giả còn sót lại trong nơi sơn cốc, hiềm nỗi chưa gặp được ai.

Thủy Kính nói: Há Minh-Công không nghe lời Không-Tử nói: «Trông ấp mười nhà cũng có người trung tín (thập-thất chỉ ấp tất hữu trung tín) sao bảo không có ai là hiền giả được.

Huyền Đức nói: Bị tôi ngu muội không được biết, xin ngài chỉ giáo cho.

Thủy Kính nói: Minh-Công có nghe trong những quận nhỏ ở Kinh-Tương trẻ con thường hát:

- «Khoảng năm tám chín mới hơi suy,
- «Đến năm mười ba chẳng nói chi.
- «Cuối cùng thiên mệnh về cơ sở

«Rồng ẩn trong bùn cát cánh phi.»

Lời đồng dao ấy có từ năm Kiến-an. Đến năm thứ tám, Lưu Cảnh Thảng chết vợ sinh ra loạn trong nhà, câu «chẳng còn chi» tức chỉ Cảnh Thảng sắp chết, vẫn vô linh lạc không còn ai, còn câu «Thiên mệnh về cơ sở» «Rồng ẩn trong bùn cát cánh phi» tức ứng vào Minh-Công đó.

Lưu Bị nghe nói kinh ngạc tạ rằng: Bị tôi đâu dám lấy câu ấy ứng vào mình.

Từ Mã Đức Thảo nói: — Tôi chỉ là kẻ nho sinh tục sĩ biết thế nào được thời vụ. Chính trong vùng này có biết bao người tuân kiệt như Phục-Long và Phượng sồ.

Lưu Bị hỏi hai người ấy là ai.

Từ Mã Đức Thảo nói: — Phục-Long là Không-Minh và Phượng sồ là Bàn Sĩ Nguyên.

Tiên chủ nói: — Người nên dẫn tốt cho tôi. Thứ nói: — Người đó có thể yết kiến được, không thể khuất phục.

được. Tướng quân nên uốn mình hạ giá đến thăm.

Tiên chủ nghe lời liền đến yết kiến Lượng. Phải ba lần đến thăm. Tiên chủ mới được yết kiến.

Tiên chủ đuổi người xung quanh ra ngoài rồi nói với Lượng:

— Vận nhà Hán đã đến lúc nghiêng ngã suy đồi, gian thần thì trộm mệnh đề mà làm bậy, khiến Chúa Thượng phải mông trần. Cô không biết độ đức mình kiếm bạc, không biết lượng sức mình hèn kém. Bao phen thất bại còn quyết chí theo đuổi. Xin ngài chỉ bảo cho kẻ xuất thân an toàn.

(Theo đây thì sau khi Lưu Bị hỏi Không Minh đáp lại ngay. Đó là lối chép văn tắt của sử học)

TQCDN đã khéo dàn giải câu truyện giữa hai người trong lối xã giao lời qua tiếng lại thêm thật rất là hào hứng mà vẫn không hại đến nghĩa của chính sử. Xin dịch đoạn ấy:

«Huyền Đức thấy Không Minh mình cao tám thước, mặt như mũ ngọc, đầu đội khăn lượt, mình bận áo cánh hạc, hình dáng phiêu phiêu tựa thần tiên.

Huyền Đức lay sọ xuống đất mà nói rằng:

— Tôi là giồng dật hèn mạt nhà Hán chỉ là kẻ ngư phụ ở trác quận đã lâu được nghe đại danh tên sinh khác nào tiếng sấm vng tai. Đã hai lần đến hầu mà không được gặp. Có đề thư của tiện danh trên văn kỹ, chẳng biết được tiên-sinh xem đến cho chưa?

Không-Minh đáp: Tôi là kẻ quê mùa ở Nam dương, vốn đã quen lưới biếng, mong ơn tướng quân mấy lần hạ cố, siết bao hồ thẹn.

Hai người cùng nhau thi lễ, rồi phân ngôi chủ khách.

Tiểu đồng hiến trà.

Trà xong, Không Minh nói: — Hôm trước tôi được xem thơ tướng quân, dư biết tướng quân có lòng lo việc dân việc nước. Chỉ hận rằng Lượng tôi tuổi còn trẻ, tài còn sơ, tướng quân đã hạ mình hỏi đến thật đã lắm tài.

Huyền Đức nói: — Chẳng nhẽ Từ Mã Đức Thảo và ông Từ nguyên Trực đã nói lại là lời nói suông sao? Mong tiên sinh chẳng bỏ kẻ bi tiện này mà chỉ giáo cho.

Không Minh nói: — Đức Thảo, Nguyên Trực

là bậc cao sĩ trong đời. Lượng này chỉ là một dân cày dăm đầu bản việc thiên hạ. Hai ông tiến cử làm đó. Tướng quân bỏ ngọc quý mà cầm đá xấu làm chi.

Huyền Đức nói :

— Kể đại tước phụ đã mang kỹ tài kinh bang tế thế, há chịu chết già nơi lâm toản sao ? Xin tiên sinh nghĩ đến thiên hạ thương sinh mở mang cái ngu tối của Bì này mà chỉ giáo cho.

Không Minh nói : Xin nghe chỉ hướng tướng quân (rời lời đối thoại của hai bên như chính sự).

Lượng đáp :

— Từ thời Đông Trác về đây, các hào kiệt châu này đến quận khác đều liên tiếp nổi lên không biết bao nhiêu mà kể.

* LẮN THẦN

Người mua hỏi chủ bán hàng :

— Làm sao mở cái hộp này ra ?

— Không khó đâu, trong hộp có cái giấy chỉ cách mở rõ ràng.

* TÀI

Thí sinh A.— Anh làm được bài toán nào không ?

Thí sinh B.— Làm tốt cả hai bài.

Thí sinh A.— Tài quá! Vậy thì chắc ăn rồi.

Thí sinh B.— Nhưng không bài nào trúng hết.

T. L. L.

Tào Tháo so với Viên Thiệu thời danh Tào Tháo đối với Thiệu thực là nhỏ nhen, quân của Tào-Tháo đối với Thiệu thật là ít ỏi. Vậy mà Tháo đã khắc phục được Thiệu, lấy yếu thắng mạnh không phải chỉ có thiên thời, cũng là nhân mưu nữa vậy (khi duy thiên thời, ức diệt nhân mưu dã).

Nay Tháo cầm trong tay trăm vạn quân lấy thế thiên tử, sai khiến chư hầu. Như thế đối với Tháo ta không thể tranh phong được. Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông, trải đã ba đời.. Nước hiểm, dân một lòng qui thuận, lại biết thu dụng kẻ hiền giả tài năng. Đối với Quyền, ta có thể lấy làm ứng viện, mà không thể mưu đồ được.

(Còn nữa)

mộng say



Đêm qua ngời rớt chén đầy vơi,
Chợt thấy hồn ai lướt giữa vời,
Say chuyễn choáng say ca trong gió
Bước nghiêng ngã bước đến bên tôi.
Cười vang mời chúc nhau trăm chén
Say khướt nằm lăn tít một trời.
Tỉnh giấc, hơi men còn phảng phất,
— Biết người tri-kỹ ấy là ai ?



MONG NGƯỜI ĐÊM TRƯỚC

Đêm nay, lại rớt chén đầy vơi,
Mong đợi hồn đi ở cách vời.
Chẳng thấy ai về theo ngọn gió
Đề suông rượu nhạt có mình tôi.
Trăng rơi buồn bã trong lòng chén
Sương rớt bàng khuáng mấy hương trời
Gió hắt hiu lay sầu phảng-phất,
Tinh suông: rượu nhạt, ngậm-ngùi ai.

TỪ-TRÂM-LÊ

NORTON

HOÀNG-ĐẾ NỮ ỚC MỸ

(Tiếp theo P. T. số 20)

NHUNG chỉ được một lúc thôi. Về sau «Hoàng đế Norton» lợi dụng các anh thợ may, bắt họ may nhiều quần áo và nhiều lễ phục, triều phục, mà không trả họ một đồng xu nhỏ, chỉ trả mãi bằng «tín phiếu» riêng của «Bệ hạ» nên họ tầy chay Hoàng đế, không một người thợ may nào chịu may y phục cho Ngài Ngự nữa! Cả đến anh John Haws cũng tìm cách từ chối lễ phép, viện cớ không có hàng

vải tốt, và thợ khéo đi hết.

Sau vì thấy Hoàng đế Norton 1er mặc quần áo rách mồn và đứt nút, đứt khuy, không xứng đáng với bậc Thiên-Tử nên Hội đồng thành phố San Francisco quyết định trích một số tiền mỗi năm là 30 đô la để phụ cấp cho Hoàng-đế.

TÂN PHONG

Cả thành phố San Francisco chỉ có 2 người cương quyết phản đối Hoàng-đế Norton 1er và không nhìn nhận «uy quyền» của «ngài». Ấy là anh thợ giặt, là một người Huế

Kiều tên là Icho Tso, cứ mỗi lần Hoàng đế đem quần áo đến gửi anh giặt thì anh tính tiền hẳn hoi và đến khi giao đồ anh bắt Hoàng đế phải trả tiền mặt. Nhiều khi bệ hạ cạn túi, phải trả bằng «tín phiếu của Hoàng đế» thì anh thợ giặt cười hà hà: «Tiền này, Hoàng đế Trung quốc không có xài lót!»

Hoàng đế Hoa kỳ tức giận lắm nhưng không làm sao được, bèn đăng trong báo «Bulletin» một đạo sắc lệnh trực xuất tên thợ giặt Huệ Kiều!

Còn ông chủ nhà, thì lại là công dân Mỹ, nhưng cũng bị Hoàng đế Norton 1er liệt vào hạng phiến loạn. Nguyên do cũng không có gì khác hơn là Hoàng đế cứ thiếu tiền hoài, khát hoài nhưng ông chủ nhà cứ nằng nặc đòi mỗi tháng. Kề ra, ông chủ nhà cũng thật là người vô tình! Căn nhà lụp-xụp, bẩn thỉu mà Hoàng đế Norton 1er ngự ở đó đã 17 năm trời, mỗi tháng Bệ Hạ phải trả 0\$.50 (năm các tiền Mỹ hồi đó cũng trị giá bằng 500 đồng bạc Việt Nam hiện giờ), đã mấy lần Bệ Hạ yêu cầu sụt giá, ông chủ nhà không chịu, lại còn đến đúng cuối tháng là gõ cửa, chìa biên lai ra thầu tiền cho kỳ được. Tuy

nhien ông chủ nhà cũng lễ phép cung kính mỗi lần đến thầu tiền nhà. Ông bắt đầu gõ cửa 3 tiếng, Hoàng đế Norton 1er mở cửa, trông thấy ông, Ngài cau mày hỏi:

— Chuyện chi?

Ông chủ nhà lễ phép tâu:

— Muôn tâu Bệ Hạ, bệ tôi đến cúi xin Bệ Hạ trả tiền tháng tới (vì tiền nhà bao giờ cũng trả đầu tháng).

Nói xong, ông cung kính chìa tấm biên lai ra.

Có lần 3 tháng ông ta không thu được tiền, ông tâu với ngài:

— Muôn tâu Bệ Hạ, bệ tôi rất tiếc mà kính tin đến Bệ Hạ biết rằng nếu quá 24 giờ Bệ Hạ không trả tiền nhà, bệ tôi buộc lòng phải đưa đơn ra tòa.

Hoàng đế Norton 1er rất tức giận, nhưng vì muốn bảo toàn danh dự một vị Hoàng đế xứ Đại Huệ kỳ nên ngài cũng lật đật chạy đi vay tiền để trả dần 1 tháng.

Căn nhà «ngài» thuê ở ngoài ô thành phố San Francisco, tuy là lụp xụp như cái ổ chuột, nhưng cũng được bài trí trang hoàng như một cung điện nhà vua. Lên một cầu thang đã gần mục nát, tối tăm và chật hẹp, đến một cái cửa sơn véc ni vàng. Đó là cửa chánh môn vào Điện. Thoạt bước vào

người ta trông thấy ngay một ngai vàng kê trên một cái bực cao và dưới chân ngai là một bệ tam cấp trải thảm đỏ. Trên tường, treo chân dung một người mặc triều phục oai vệ dưới đề hai hàng chữ : « Norton Ier, Hoàng đế Huê kỳ ». Trong phòng bề dài độ 4 thước, bề ngang 3 thước, trừ chiếc ngai vàng kê trong góc, ngoài ra không còn bàn ghế gì nữa cả. Khách xa gần muốn có vinh dự được Hoàng đế tiếp, thì phải gửi danh thiệp trước một ngày, rồi đúng giờ « bệ kiến » khách đến, thấy cửa mở rộng, nhìn vào phòng đã thấy Hoàng đế mặc triều phục ngồi trên ngai chờ khách.

Khách vào, không có ghế ngồi, nhưng khách cho là việc dĩ nhiên, vì vua chúa là một bậc thánh nhơn đâu phải là thường dân. Và lại Hoàng đế Norton Ier chỉ cho phép « châu » ngai nhiều lắm là 15 phút. Thỉnh thoảng có một người bạn cũ của ngai mà làm ăn khá, coi bộ giàu sang, thì ngai ban cho vinh dự đặc biệt được ngai bước xuống bệ ngọc, bắt tay trò chuyện. Nhưng có điều đáng kính phục là từ khi ngai lên ngôi Hoàng đế Hoa kỳ, không bao giờ ngai hỏi vay tiền một người bạn cũ nào, mặc dầu những người ấy

phần nhiều nhờ buôn lậu đã trở nên triệu phú.

Dân chúng ở San Francisco còn nhớ một chuyện mà báo Bulletin đã đăng trên trang nhứt khiến cho dư luận vui cười rất sôi nổi làm tăng thêm uy danh của Hoàng đế Norton Ier. Dở chông báo Bulletin cũ trong thư viện San Francisco, người ta thấy số báo ra ngày 17-3-1880 có đăng trên trang nhứt một cái tin bằng chữ lớn 6 cột như sau đây : *Một vụ phạm thượng đối với Hoàng đế Norton Ier, ông giám đốc Công-ty hỏa xa Union Pacific đã phải xin lỗi Hoàng thượng* ».

Đại khái bài ấy thuật chuyện hôm vừa rồi Hoàng đế Norton Ier có chuyện phải đi xe lửa đến Philadelphie và ngai gọi bồi dọn cơm để ngai dùng bữa trưa tại toa hàng cơm (wagon restaurant). Xong bữa, anh bồi vô lễ dám đem giấy tính tiền ăn đưa cho ngai, Hoàng đế Norton Ier giận đỏ mặt. Ngai mắng anh bồi và truyền gọi người quản lý hàng cơm đến để ngai rầy la. Người quản lý xin lỗi nhưng ngai chưa hết giận, vì cử chỉ của anh bồi đã xúc phạm đến uy danh của Hoàng đế. Đó là một tội phạm thượng rất lớn và

nếu Hoàng đế không bỏ tù y là vì Hoàng đế rộng lượng đó thôi. Tuy nhiên muốn trừng phạt hàng xe đã dùng một người bồi như thế, lúc Hoàng đế trở về San Francisco ngai đăng trên báo Bulletin một đạo sắc lệnh cấm công ty Union Pacific không được cho xe lửa chạy trên đường San Francisco-Philadelphie trong một kỳ hạn 3 tháng.

Được tin sét đánh ấy, ban giám đốc công ty hỏa xa Union Pacific vội vàng đến bệ kiến Hoàng đế và xin tặng ngai 1 vé xe lửa hạng nhứt vĩnh viễn, khỏi trả tiền, và một vé dùng bữa trên xe lửa, cũng hạng nhứt, vĩnh viễn, không trả tiền.

Hoàng đế Norton Ier động lòng, liền ký một Đạo sắc lệnh mới thu hồi sắc lệnh trước.

Hai năm trước khi ngai chết, Hoàng đế Norton Ier có 2 chàng « gạt-dờ co » mà cả thành phố San Francisco ai cũng biết tiếng và ai cũng mến.

Đó là 2 con chó tên là Bummer và Lazarus (Bummer tiếng Mỹ nghĩa là : lười biếng, Lazarus là đề kỷ niệm một nhân vật thời xưa tên là Lazare le Pauvre) Bummer là một con chó lai Ấn Độ, nhỏ thấp, lông đen có vết trắng

hàm dưới dô ra, trông dị tướng. Nó là một con chó hoang, không có chủ, và nó chỉ thích chạy rong ngoài đường. Ở khắp thành phố San Francisco xóm nào, khu vực nào Bummer cũng có bước chân tới, cho đến đời trẻ con, đàn bà, nhất là các chị bếp đều quen biết Bummer, và bất cứ ở xóm nào, mà Bummer rảo tới, người nào gặp cũng gọi nó : « Bummer ! Bummer ! » Nó vẫy đuôi đề chào lại.

Nhưng nó nhất định không chịu ở với ai cả. Nhiều bà chủ nhà thấy Bummer dễ thương, phỉnh dỗ nó, cho nó ăn thịt, ăn bơ, uống sữa, để cho nó ở, nhưng nó từ chối, thích cuộc đời lang thang đây đó. Nhưng nó không phải là một con chó tầm thường vô dụng. Nó có một công tác chuyên môn là bắt chuột. Thành phố San Francisco đầy rẫy chuột cống, thứ chuột chù to lớn gần như mèo, và có cặp mắt đen nhánh khiến cho trẻ nít trông thấy đều phải kinh sợ, Bummer là ông kẹ của lũ chuột ấy. Cả ngày cả đêm nó chạy đi bắt chuột, có khi nó đuổi hết bầy chuột này đến bầy chuột khác, từ phố này đến phố khác, vì thế mà nó có mặt ở khắp trong châu thành mà cũng vì thế mà được dân chúng quý mến nó và khen tặng nó. Có điều

là nhất là nó bắt chuột để cắn cho chết rồi bỏ đó, chó không ăn.

Công tác bắt chuột của Bummer là một công tác từ thiện, nhân đạo, theo một nhiệm vụ riêng của nó, chó không phải là một kẻ sinh nhai. Nó chỉ ăn những khúc bánh mì và những cục xương người ta vứt trong đồng rác, và đêm nó ngủ nơi các gốc cây ngoài đường cái.

Theo lời tường trình của sở vệ sinh điều tra rằng : mỗi tháng trung bình Bummer giết 2.000 con chuột trong châu thành, Hội đồng thành phố San Francisco bèn quyết định thưởng công trạng của Bummer bằng cách là đeo cho nó một mẽ dây Anh dũng (Médaille de la Vaillance).

Không ai hiểu tại sao Bummer ưa thích tự do, ưa lang thang, lại có một hôm cả quyết theo chân

Hoàng-đế Norton ler về ở với ngài.

Sau đó báo Bulletin đăng tin rằng : một buổi sáng Norton vẫn diện bộ triều phục Hoàng đế với chiếc mũ lông đà điều và chiếc dù ba sắc, đi chơi một con đường hẻo lánh ở ngoại ô. Gặp Bummer đang chụp một con chuột cống cắn chết, Norton đứng ngó một lúc rồi gọi nó : « Bummer ! » Nó ngoài đuôi đến gần, Norton cúi xuống xem chiếc mẽ dây đeo ở cổ, rồi chau mày bảo : « Tại nó chỉ bố thí cho mày cái này thôi à ? Tao tưởng ít nhất chúng nó cũng phải tặng cho mày một cái mẽ dây chiến công chứ (War Cross, Croix de Guerre). Thế là con Bummer lạng lẽ theo chân Norton về nhà, và từ hôm ấy nó không rời Hoàng đế xứ Huê kỳ nữa cho đến khi nó chết.

(Kỳ sự hết)

* MƯỢN XE ĐẠP

- Thưa bác, ba con bảo lại nói với bác cho cái xe đạp của ba con mà bác mượn hôm qua, vì ba con cần đi có chuyện.
- À, sao mày không làm như tao, có tiện không ?
- Làm như bác là làm thế nào ?
- Bảo ba mày cứ đi mượn cái xe đạp của người khác mà đi.

T. L. L.

CHUYỆN NGẮN



hai thẳng



Chiều về trên xóm lao - động thật nhộn nhịp, cho ta cảm tưởng như đang xem màn chót của một vở kịch gồm đủ hỉ nộ ái ố. Tiếng người gọi nhau ơi-ơi hòa lẫn với tiếng kêu đòi ăn của súc-vật, cùng tiếng trẻ con khóc nhè-nhuệ tạo thành một mớ âm-thanh phức-tạp, khó nghe. Thình-thoảng một người cha về đến nhà giữa sự reo hò của lũ trẻ đang nô đùa ngoài sân, tiếp theo là tiếng la rầy của mẹ chúng.

Nhà nhà đều lên đèn, sửa soạn đóng cửa để tiếp hưởng phút vui sum họp sắp tàn sau một ngày trời xa cách, bận lo sinh-kế. Họ kê cho nhau nghe những gì đã

xảy ra nơi chỗ làm hay trong gia đình để rồi cùng nhau vui vầy, hóm hờ hoặc lo âu cho chuyện không hay đã đến với họ trong ngày.

Riêng nhà anh Tư xích-lô máy thì khác lạ hơn mọi hôm.

ăn cắp

Giờ này mà chị Tư, vợ anh hầy còn tay bằng, tay đất, hết ra lại vào trông ngóng anh về. Thường nhật thì anh đã có mặt tại nhà lúc bốn, năm giờ chiều. Tiếng động-cơ quen thuộc vừa vắng lên từ đầu ngõ là người

* của VỎ-ĐỨC

ta đã thấy thằng Tí, con Thân chạy nà ra reo mừng, theo sau là con Đậu mới lên ba, chập-chững đuổi theo, miệng kêu oai-oai. Chị Tư chỉ còn sắp sửa quần áo, khăn thau cho anh vào tắm trước khi dùng cơm.

Thế mà hôm nay, mãi đến giờ này anh vẫn chưa về. Trong trí óc vẫn còn tiem-tàng bao ấn tượng hãi-hùng thời chinh-chiến của người đàn bà đáng thương ấy lại nổi lên biết bao là hình ảnh đen tối chứng tỏ cái sống bấp-bênh khổ cực của họ giữa kiếp sống chật vật khó khăn này. Hằng ngày, có thể biết rằng thể-xác của họ còn được nghỉ ngơi chứ tâm hồn họ thì lúc nào cũng bị giao động. Ngày mai xảy ra gì, nhiều lúc họ chẳng dám nghĩ đến. Cái sống cơ cực đè nặng tâm hồn của họ một cái nặng trăm trăm...

Giữa khi ấy có một cái bóng thất thểu đi vào ngõ giữa sự mừng rỡ của gia-đình : anh Tư đã về, về buồn, lo hiện rõ trên bước đi đầy thiếu não.

Chị Tư đã don-dả hỏi :

— Còn xe đâu mà mình về mình không thế ?

Một tiếng thờ dài áo nào, theo sau là một tràng câu nói khổ sở

như được dịp tuôn ra cho hả vầy :

— Mẹ kiếp cái số ăn mày ! Vừa ra chạy được có 12 đồng lại nỏ lộp. Vá xong chạy đi một quãng lại hết ét-săng ; trời lại sắp tối, đành gửi lại nhà anh bạn quen gần đấy mà lội bộ về đây. Ủ ! Rỏ là khổn khổ !

Đã đến lúc chị Tư cần phải an ủi chồng nên vội vã nói :

— Thôi, có gì mà buồn. Mãi lại ráng chạy bù vào chứ lo gì. Mình hẳn vào tắm rồi dùng cơm cho con nó ăn với. Chúng nó đói lắm đấy. Bao mãi không nghe chỉ nặc chờ mình về cùng ăn đấy.

— Thế à ? Tội nghiệp các con tội ! Lần sau chẳng được thế nữa nhé. Thấy ba về trễ thì cứ ăn trước đi nhé. Anh vừa rầy con vừa lấy tay xoa đầu con Đậu.

Nó ôm cứng chân anh, miệng kêu ba, ba không dứt. Anh cúi xuống bế nó lên tay rảo bước vào nhà, theo sau là chị Tư với mấy đứa nhỏ. Vào đến nhà là chị Tư đến gở con Đậu ra, miệng quát :

— Đẻ cho ba đi tắm rồi ăn cơm nào. Xong rồi, lát tối tha hồ mà bông với bé.

.

Vừa ngồi vào mâm cơm là anh Tư hỏi ngay vợ :

— Lúc chiều mình đã thấy ông Ba về chưa mình nhỉ ?

Suy nghĩ một lát chị trả lời :

— Nhà người ta giàu sang, tôi nào hay đề ý, nhưng hình như lúc mình tắm, tôi có thấy xe của ông chạy vào cổng, đèn pha rọi sáng cả nhà ta lặn kia.

Đến lượt anh Tư suy nghĩ một giây lâu, đoạn hạ thấp giọng, anh nói như rí vào tai vợ :

— Được rồi, tôi định đêm nay sang bên ấy .. làm đỡ vài lít ét-săng, mai mới có mà chạy..

Chị Tư vội xua tay, kêu khẽ :

— Thôi, thôi đi ông, nếu có mệnh hệ nào thì có mà tù rục xương, mẹ con tôi chết đói đấy !

— Mình khéo lo. Tôi đề ý thấy bên ấy thường mang hàng chực thùng về đề ngay dưới nhà xe. Người ta thừa thãi lẽ nào đề ý đến một vài lít.

— Thôi, chớ bên ấy dữ lắm đấy. Cả xóm đều phải sợ khi đi ngang qua nhà ấy đấy.

— Mình khỏi lo, đề để tôi, chốc nữa cơm xong, mình đề sẵn cái thùng con 3 lít ấy cho tôi. Như cùng thì tắc biển mà.

— Biển gì chứ biển điệu ấy nguy hiểm quá !

Chị Tư sa sầm nét mặt. Gương mặt chị đã khắc khổ trông lại còn thêm khắc khổ. Về lo âu hiện rõ trên nét mặt của người đàn bà can đảm ấy.

Sớm tinh sương, nhà chị Tư đã đen nghệt người lối xóm, quen thuộc đến an ủi, giúp đỡ chị tìm cách giải quyết tình cảnh.

Chị ủ rũ ngồi trong góc nhà, tay ôm con Đậu mà nước mắt luôn tuôn tràn. Giữa sự im lặng nặng nề ấy, giọng chú Hai tắc-xi nổi lên nghe buồn buồn :

— Chỗ thân tình, sao bác ấy lại không đến hỏi tôi; có vài lít ét-săng chớ nhiều nhỏi gì ! Lại đi xoay sở chi như thế, thật là quá đáng !

Chị Tư vội đáp lời trong nước mắt :

— Nhà em chỉ lo còn thiếu bác mấy chục bạc từ tuần trước, nên chả dám đến quấy quá bác thêm nữa.

Ồ, quả bác ấy câu nệ quá ! Mà dù có thật mà quấy quá tôi đi nữa còn hơn... còn hơn bây giờ đây làm sao đây ?

Đề trả lời, chị Tư chỉ còn có biết khóc rống lên làm cho tất cả những người có mặt

ở đây cũng phải cảm thương. Chờ cho con sâu nảo voi bốt theo cái sứt-sùi áo-nảo của chị, Bà Năm Bún mới thở thê :

— Thôi đành nào giờ cũng đã nhờ rồi. Tôi thấy phương cách duy nhứt còn lại là cố làm sao gỡ rối ; chứ càng ngồi đây mà khóc thì công việc cũng thế thôi. Bây giờ nên liệu xem bằng bề mấy đứa bé sang bên ấy mà lạy lục kêu gọi lòng thương của ông Ba bỏ quá đi cho. Chị nghĩ có phải thế không ?

Chú hai tắc-xi mau mắn đỡ lời :

— Thì hẳn là phải thế rồi, trong lúc chưa giải tòa thì còn hy-vọng lắm, nhưng, có cái là đang bây giờ còn mới quá, chỉ sợ ông ấy còn giận, vả lại, nhà người ta giàu có, danh vọng, sau một đêm thiếu ngủ, họ bực bội lại gặp bác gái sang lẽo nhèo, thì càng hồng nữa, cho nên tôi đã định khuyên bác ấy chờ đến trưa ông ấy đi làm về rồi hãy sang.

— Phải đấy, bà Năm như chợt bắt được vật gì kêu to, bác nói phải đấy, Trăm sự cũng nhờ bác chỉ bảo cho bác ấy lời ăn tiếng nói để lạy lục, van xin cho bác trai. Hiện giờ thì bác ấy còn tâm trí nào mà suy thiệt, tính hơn.

Chị Tư vừa bước lên thềm nhà, trông thấy chủ nhân vừa quay lại là quý ngay xuống gạch, lạy lạy, lạy đờ, miệng khóc bù lu, bù loa :

— Trăm lạy Ngài, ngàn lạy Ngài, xin Ngài mở lượng khoan hồng, nhân đức mà tha cho nhà con lỡ dại vì quá ngu si lại nghèo, đói dám làm chuyện tây trời. Xin Ngài nhỏ lòng thương mấy mẹ con cháu vì một phút lỗi lầm của nhà con mà chịu bơ vơ, đói rét, ơn ấy ngàn đời chúng con chẳng dám quên..

— À cái chị này. Ai cho phép chị vào đây? Hay là, cũng là một phương, một lối lại kiếm có vào đây rình rập, xem xét đồ vật chờ đến tối nữa hẳn ?

— Lạy Ngài thương xót chúng con, nào dám vô lễ ; nhưng tình cảnh quá khốn khổ đánh liều vào lạy xin Ngài tha thứ cho chồng con nờ. Thật quá dại dột mới mù quáng vào đây tham lam...

Nhận thấy hình như những lời kêu van, lạy lục của mình không đủ làm lay chuyển lòng dạ của con người sắt đá, chị Tư vừa lạy vừa lấy tay ấn đầu thẳng Tí cũng đang quỳ cạnh chị xuống hy-vọng nó giúp thêm một tay «lạy»

có thể giúp chị phần nào kết quả.

— Các người cứ mỗi lần bắt được ăn cắp là vì nghèo đói, khổ sở. Thế sao không đi làm ăn ; lười biếng muốn nằm dài ra đây là có tiền nó chạy đến...

Bà chủ, có mặt từ phút đầu, vẫn đứng chống tay vào bệ sườn nhìn mẹ con chị Tư lạy lục, kêu vang với cặp mắt đầy «ghê tởm» quay phắt đi vào nhà trong, buông lại một câu chẳng kém nhân-đạo hơn ông chồng :

— Quân ấy, chỉ có cho nó đi tù một lần là tởn...

Trời ! Nghe đến hai tiếng đi tù, chị Tư càng điên dại, thụp xuống lạy già :

— Kính lạy Ngài rủ lòng thương mẹ con cháu. Con xin thề đội ơn Ngài cho đến ngày nhắm mắt...

Nhưng, khi ấy có tiếng gọi ngoài cổng. Ông Ba bước ra vừa kịp đón ba Hạ - Sĩ - Quan Hiến-Bình trẻ trung trong những bộ quân-phục sạch sẽ, thẳng nếp đồng đưa tay lên vành mũ kết màu đỏ chói, nghiêm người chào đánh "cổp" :

— Thưa Ngài, có lệnh của Đại-Tá Giám-Đốc Nha Quân-Pháp và H.B. khám xét nhà này

và mời Ngài đến Nha tức khắc.

Lệnh ấy quá bất ngờ làm chủ nhân Ông luống cuống vài giây, nhưng rồi... cái tác-phong, cái sĩ diện của Ngài có diplay tính Ngài, hơn nữa chị Tư, người vừa cách đây một phút đã lạy lục Ngài, như tể sao vẫn còn quỳ đó, dưới chân của Ngài, phương chi Ngài mở giọng hơi to, có lẽ cũng để trấn áp phần nào nỗi lo sợ đang nổi lên bên trong, hỏi lại ba người khách :

— Các Ông có lệnh bằng giấy trắng mực đen của quý Nha chứ ?

— Thưa vâng.

Thoạt nhìn thấy lệnh ấy đưa ra bởi trung-sĩ H.B. chủ nhân hơi thất sắc nhưng Ngài đã kịp lấy lại bình tĩnh, tươi cười bảo :

— Ồ, lệnh là lệnh, nhưng chúng tôi hẳn mời quý ông vào dùng chén nước đã, rồi hướng vào nhà trong, Ngài gọi to :

— Bà ơi ! Có khách.

Nhưng, với một vẻ nghiêm-nghị sẵn có trong nét mặt đầy cương quyết, trung-sĩ H.B. vội xoa tay bảo :

— Rất cảm ơn Ngài ; chẳng dám. Xin phép Ngài cho chúng tôi được thi hành lệnh của thượng cấp.

Chủ nhân nhanh nhẩu bước đến bên trung-sĩ cầm lấy tay, miệng nhỏ nhẹ :

— Vâng, lệnh trên đã phán chẳng bao giờ chúng tôi dám cãi, nhưng trước khi bắt tay vào việc, xin mời quý ông vào dùng với chúng tôi chén nước...

Bằng một cử chỉ hết sức lễ-độ và khéo léo, trung-sĩ gỡ tay mình ra khỏi hai bàn tay quá thân mật của chủ nhân đoạn bảo :

— Thưa Ngài, điều ấy rất trái kỷ-luật và vô hình dung chúng tôi lại làm phản lại lệnh của thượng-cấp chỉ dạy.

Trước tình thế ấy, chủ nhân cảm thấy bối rối, Ngài cảm thấy nhỏ bé trước tư cách cao cả của ông Hạ-Sĩ quan H.B. Nhưng, thật là may cho Ngài, bà đã ra tới, chợt thấy màu đỏ của mũ kết, huy hiệu H. B. của ba ông khách "quí", bà đòi ngay nét mặt kiêu hãnh lúc này thành một nụ cười tươi rói trên một bộ mặt hiền lành, nhân đức, khẽ chấp tay trước ngực, cúi đầu chào đứng nề nếp của người đàn bà Á-đông. Đến lượt bà cất tiếng oanh mời khách vào nhà dùng chén chè nhạt.

Nhưng cũng như mấy lần trước, ông khách "quí" vẫn từ chối một cách lễ phép và luôn tiện nhắc

lại ý-định trên. Hai ông bà càng bối rối tíu-tít mời già. Như nhận thấy điều gì bí ẩn trong cách mời mọc quá ân cần của chủ nhân, và lại không thể làm khác hơn, ông khách mới cương quyết ra lệnh cho hai cộng sự viên của mình xuống ngay nhà để xe, khám xét, trong khi ông nghiêm nghị mời chủ nhân cùng theo ông để chứng kiến.

Từ này giờ, chi Tur xích-lô-máy và thằng Ti mục kích cảnh tượng kỳ lạ xảy ra giữa nhà này nơi mà cách đây không lâu, chi đã xem như một cấm cung. Còn chủ nhân của nó ; chả phải chi và con đã qui muốn bẻ cả gối, lay muốn sỏi cả trán cũng không lay chuyển nổi lòng dạ sắt đá của họ, không mong gì nhận ở họ một lời nói đạo đức, thể mà, nghe kìa, từ nhà sau có tiếng vang lên của hai ông, bà :

— Xin trung-sĩ thương giùm vợ chồng già tội, thiếu trước, hụt sau mới nhám nhúa một ít ét-săng cho đỡ tổn. Vợ, chồng tôi cũng biết đồ của nhà binh riêng biệt, nhìn biết ngay, nào dám qua mặt các ông. Trăn sự cũng nhờ ở trung-sĩ cả. Ông nghĩ thương vợ chồng già này là được. Có tiếng của ông khách trả lời :

— Thưa Ông, bà, chúng tôi chẳng có quyền nào cả. Ấy là lệnh trên, bảo sao, chúng tôi làm vậy. Thoảng bây giờ chúng tôi mà có vô tình sơ sót tí gì thì cũng sẽ bị tội nữa cơ. Còn nguyên-ly của vụ này thì cũng do anh Lê-văn-Tur làm nghề chạy xích-lô-máy đã khai là đánh cắp mấy lít ét-săng tại đây mà ra đấy chứ. Thôi như thế này cũng tạm đủ. Vậy mời ông theo chúng tôi về Nha và xin phép chở luôn tang vật, bốn thùng ét-săng này.

Tiếng của bà chủ tru tréo lên "thê thảm" :

— Ông ơi ! Hôm qua phải ông

nghe tôi đánh nó một trận rồi tha nó về có phải xong không ! Ông cứ nằng nặc một, hai đũa nó đi tù đề xảy ra có sự. Thật là nhục nhã và tai hại !

Lại có tiếng một trong ba ông H.B. :

— Tai hại thật đấy, thưa bà. Ngày kia, giải tòa thì anh Tur xích-lô-máy chỉ bị tội ăn cắp của nhà bà 3 lít ét-săng thôi, còn ông nhà ta thì lại ăn cắp của... chính-phủ, của... nhân dân những tám trăm lít mà chỉ bắt được có lần này thôi... còn trước đến nay biết bao nhiêu rồi ...

* BÉ CẢI NHÂM

Thống chế Montgomery luôn luôn xem xét bản kê những phim chọn lựa để đem chiếu cho quân lính xem. Bữa nọ, cái tựa một cuốn phim bắt ông chú ý ngay. Phim ấy nhan đề là : « Đạo Hồng quân ». Không cần hỏi sự tích chuyện phim. Ông liền cho vội tất cả sĩ quan đến, và trước khi cho chiếu cuốn phim ấy, ông dẫn giải cho họ nghe về sự quan trọng của bộ máy chiến tranh của Hồng quân, của Nga. Kể đó, đèn tắt, và trên màn ảnh, các khán giả đọc thấy hàng chữ :

« Đạo Hồng quân, phim tả đời sống của loài kiến ».

* HIỀU NHÂM

— 200đ. con chó này ? Mắc quá. Thôi phân nửa đi.

— Rất tiếc. Tôi chỉ bán chó nguyên con.

T.L.L.

DÂNG MẸ

Mẹ ơi ! nắng đã tàn trên lá
Chiều xuống nghiêng ngả trúc gầy
Lạc lững chim về dăm cánh nhỏ
Mẹ còn tựa cửa ngắm mây bay ?
Con biết mẹ từng thương nhớ lắm
Từng tha-thiết đợi dặm đường dài
Phương nào biển biệt cha con đó
Đề tháng năm về bạc tóc mây.
Nhưng người đi mãi đi đi mãi
Con, vợ nào cha có đoái hoài ?
Mẹ dù gắng gượng nuôi con nhỏ
Mẹ giấu con sao được ngậm-ngùi ?
Lòng con yếu mẹ đau từng bữa
Mẹ đứng lặng nhìn mây trắng bay.
Đời như tắt nắng trong hồn mẹ
Môi nở đâu còn thắm sắc tươi ?



Đàn con chiu-chít chưa khôn lớn
Một bữa đầu xuân ú-rú ngồi.
Cạnh chiếc quan tài hân gỗ mới
Gục đầu cha khóc chuyện chung đời.
Đến nay cha hiểu thì mẹ đã...
Mẹ đã nghìn thu cách biệt rồi !
Tuổi xanh con mẹ nào đâu tội
Sao bỗng muốn đời chịu cút-côi ?
Em con khát sữa từng đêm gọi

Cha ủ tình thương hát «ạ-ời»
Nhưng giọng u-buồn hơi tắt nghẹn
Cha thường lẩm bầm «ở mình ơi !»



Chuyện cũ ngày xưa sâu những thế
Bấy giờ ... mẹ hỡi ! khổ mười mười !
Sau một trăm ngày khi mẹ chết
Tục huyền : cha cưới vợ, mẹ ơi !
Cha bảo : «con ba còn đợi lắm
Đề đi về dạy dỗ, con nuôi» ...
Con biết đời con rồi sẽ khổ
(Lạ gì «con cậu với con tôi»)
Năm tháng qua dần năm tháng cũ
Lòng sâu thương nhớ mẹ không nguôi
Chiều chiều cha đứng trông về núi
Tìm bóng mẹ sau ánh mặt trời.
Cửa nhà chăm sóc đàn em đó
Còn biết ai người gánh một vai ?
Dì con mỗi lúc tình hồ hững
Mà phận con thời dám trách ai ?
Mẹ ơi ! đau xót dâng từng bữa
Trên đám đầu xanh trẻ lạc loài !
Thương cha nhớ mẹ lòng con chết
Trong tuổi hoa niên buổi thiếu thời !
Hôm nay nhớ mẹ con ngồi viết
Chuyện cũ ngày xưa đề ngậm-ngùi.
Gió lạnh thấm buồn lời mẹ trời :
« Mẹ đi...con ở...gồng con ơi !»

TUYẾT-LINH

Bầu cử Quốc hội tại Anh quốc



* NGUYỄN HỮU - THỨ

Sau cuộc tổng tuyển - cử Quốc - Hội Việt - Nam vừa rồi, và nhân cuộc tổng tuyển - cử ngày 8 tháng 10 năm 1959 của Anh - quốc, chúng tôi xin đăng bài sau đây của ông Nguyễn - hữu - Thứ, đề bạn đọc hiểu biết về cách thức tuyển - cử ở một nước dân - chủ tân - tiến Âu - châu.

PHỔ - THÔNG

C HẾ độ tuyển cử tại Anh khác chế độ trưng tự ở những nước khác ở nhiều điểm.

1) CÁC CUỘC TUYỂN CỬ HỘI HIỂM Ở ANH.

Tại Hoa kỳ, công dân có cơ hội bầu rất nhiều lần : nghị sĩ ở Thượng viện, ở Hạ viện, Tổng Thống liên bang, Thống đốc Tiểu bang ; cứ hai năm thì có tuyển cử và cuộc tuyển cử quan trọng nhất là việc chọn Tổng thống vì vị này cầm quyền hành-pháp (Quốc trưởng kiêm Thủ tướng). Công dân Anh lại không có cơ hội bầu luôn như vậy. Cách đây hơn bốn năm, ngày 26-5-1955, có cuộc tuyển cử vào Hạ viện Anh ; ngày 8-10-1959, công dân Anh mới đi bầu lại, và vẫn là bầu các

đàn biểu Hạ viện mà thôi vì Thượng viện gồm những người truyền thống hay do nhà vua cử còn Quốc trưởng lại là một nhà vua hay Nữ-hoàng thì không có vấn đề tuyển cử nữa.

Hiện nay, chưa có một bản văn nào buộc phải tuyển cử nghị sĩ Hạ viện trong thời gian năm năm, song tục lệ cho rằng như thế cũng là quá lâu rồi nên trong thời gian ấy, nhà cầm quyền phải tổ chức cuộc tuyển cử. Ai định lấy ? Tại Việt Nam, hiến pháp buộc phải tổ chức tuyển cử một tháng trước khi khoá mãn nhiệm kỳ ; khoá thứ nhứt sẽ mãn nhiệm kỳ ngày 30 tháng chín nên ngày 30-8-1959, có cuộc tuyển cử do đạo luật 19/59, và đạo luật 20/59 quyết định. Tại Anh, đảng đa số đang nắm chánh quyền lại quyết định lấy khi nào họ thấy thuận tiện miễn là trong thời hạn năm năm kể từ cuộc tuyển cử trước. Đó là một ưu điểm cho đảng đa số vì họ có thể xét khi nào thuận tiện đối với họ. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải khen tinh thần công dân của người Anh ở chỗ họ sẵn lòng tổ chức tuyển cử khi họ thấy đa số của họ không vững. Thi dụ : Trong cuộc tuyển cử ngày 23-2-50, Đảng Lao động Anh được 315 ghế (trong số 325) vừa đủ đa số tuyệt đối ; đến khi một nghị sĩ qua đời, một người khác xin thôi, đa số quá mong manh nên chỉ 20 tháng sau, Đảng Lao động tổ chức cuộc tuyển cử 25-10-1951 và lần này Đảng Bảo

thủ của W. Churchill thắng ; ông Cl. Attlee cũng đoán được việc ấy mà vẫn không ngồi lý nơi ghế thủ tướng.

Khi đảng đa số muốn có tuyển cử, Thủ tướng xin Nữ hoàng giải tán Hạ viện, việc mà Nữ hoàng mời ra lệnh cách đây không bao lâu. Việc giải tán ấy tại những nước theo chế độ đại nghị cũng chưa chắc đã thường xảy ra và mỗi khi xảy ra lại có một cuộc khủng hoảng như tại Pháp vào thời Edgar Faure (đầu năm 1956) ; trái lại, tại Anh, mọi người đều đón mừng nó cả ; đảng đa số hy vọng nhờ đó mà cầm quyền lâu dài hơn ; đảng đối lập hay các đảng thiểu số lại tin tưởng sự thắng lợi hơn của đảng mình nhờ đấy.

Tóm lại, tại Anh lâu lâu mới có một cuộc tuyển cử và hình như dân Anh không cho rằng đó là một khuyết điểm cần phải được sửa chữa.

2) TUYỂN-CỬ Ở ANH GIẢN DỊ NHẤT THẾ GIỚI.

Nước đã theo những chế độ tuyển cử phức tạp nhất là Pháp vì nước ấy áp-dụng thể thức đại-biểu tỷ-lệ (représentation proportionnelle) nghĩa là số ứng-cử-viên đặc - cử tỷ-lệ theo số phiếu mà mỗi danh - sách được ; có lúc Pháp lại theo tuyển-cử đa số hai lần. Hoa-kỳ áp-dụng tuyển cử gián-tiếp trong việc bầu Tổng thống, thể cũng phiền-phức. Trái lại, từ xưa đến nay, Anh thường theo chế-độ đa số một lần như chúng ta trong các cuộc tuyển-

cử hiện nay. Chế - độ ấy chưa chắc không có khuyết-điểm vì có thể xảy ra trường - hợp đảng đa số không thắng phiếu : thí-dụ tại đơn-vị 1, 2, 3 Đảng Bảo - thủ thắng mỗi nơi độ mười phiếu, tất cả độ 50 phiếu; trái lại, tại đơn-vị 4 đảng Lao-động thắng những 10.000 phiếu tức cộng chung về 4 đơn-vị, Đảng Lao-động thắng phiếu mà thua ghế (1 chố:g với 3). Dầu sao, cách tuyên-cử áp-dụng ở Anh rất giản-dị và người Anh chấp-nhận chế độ giản-dị ấy tuy nó chưa hoàn toàn.

2) CHẾ-ĐỘ TUYÊN-CỬ MỚI ĐƯỢC DÂN - CHỦ - HÓA CHƯA ĐẾN 50 NĂM TẠI ANH.

Ai cũng phải công-nhận rằng dân Anh hưởng chế-độ dân-chủ vào bậc nhất thế-giới và họ cũng xử - dụng chế-độ ấy một cách đưng-đắn chứ không lạm - dụng mọi tự-do dân - chủ. Tuy thế, ngược dòng lịch - sử mà xem, người ta thấy rằng chế - độ ấy mới được hoàn bị cách đây không bao lâu.

Trước kia, có sự phân - phối dân-biểu không công bằng. Có nhiều đơn-vị thay đổi về dân-số mà số dân-biểu như cũ : chỗ trở nên ít người mà số dân - biểu nhiều; chỗ trở nên đông đúc vì kỹ-nghệ, thương-mãi phát - triển mà số dân-biểu lại quá ít. Phải có nhiều cuộc biểu - tình, vận-động mới có sự thay đổi hiện nay, con số là 625 ghế cho toàn nước Anh.

Quyền tuyên - cử cũng chỉ được nói rộng sau nhiều cuộc khủng-hoảng. Trong hạ bán thế-kỷ XIX, những Thủ-trưởng Gladstone, Disraeli đã làm cho thông-qua những đạo luật 1867-1884, 1885 nói rộng quyền tuyên - cử, chia lại các ghế dân-biểu theo tỉ-số 1/50.000 người. Đàn - bà vẫn chưa có quyền bầu, phải đợi đạo luật 6.2.1918 mới cho phép những người đàn-bà từ 30 tuổi trở lên được quyền tuyên - cử; về sau, đạo luật 30.5.1929 (cách đây 30-năm thôi), trao quyền tuyên - cử cho mọi đàn-bà từ 21 tuổi trở lên.

Như thế, chế-độ tuyên-cử tại Anh không phải được dân-chủ-hóa từ lâu mà cách đây không bao lâu; nói thế so với nhiều nước khác như Pháp chẳng hạn, sự dân - chủ - hóa cũng đã sớm lắm rồi.

★ ĐẢNG TRỊ TẠI ANH

1. — LƯƠNG-ĐẢNG-CHẾ TẠI ANH.

Trong các cường-quốc, Anh và Hoa-kỳ là hai nước theo lương-đảng chế : một đảng cầm chính quyền, một đảng trở thành đối-lập. Tại Anh, sự đa số và số đối-lập thuần-túy lắm : đảng đa số tại Hạ-viện sẽ là đảng cầm quyền hành-pháp tức giữ chức thủ-tướng cùng tổng, bộ trưởng. Tại Hoa-kỳ, việc đối-lập không thuần-túy ở chỗ đảng cầm quyền hành pháp (tức tổng thống) chưa chắc đã được đa số tại Thượng và Hạ-viện, tức là việc xảy ra

hiện nay tại Hoa-kỳ. Tổng-thống Eisenhower thuộc Đảng Cộng-hòa, song trong cuộc tuyên-cử 56, 58, đảng Dân-chủ thắng Đảng Cộng-hòa trong cuộc tuyên - cử vào Thượng và Hạ - viện. Như thế, tại hai viện này, đảng đối-lập phải là Đảng Cộng hòa. Tuy thế, ai cũng rõ là cầm quyền hành pháp (Tổng thống kiêm thủ tướng) mới là quan trọng nên lãnh tụ Đảng Dân chủ ông Adlai Stevenson — thường được gọi là lãnh tụ phe đối lập.

Nói là chế độ lưỡng đảng chứ thật ra tại Anh cũng như tại Hoa kỳ có thể có nhiều đảng. Như tại Anh, ngoài hai đảng Lao động và bảo thủ còn những đảng Tự-do Cộng sản và những ứng cử viên độc lập. Đảng Tự-do trong cuộc tuyên cử 26-5-1955 chỉ được 6 ghế thôi ; trước đó, đảng tự do đã thắng phiếu nhiều lần; trong những thế kỷ trước đảng ấy cũng sản xuất nhiều thủ tướng có giá trị.

Các chế độ lưỡng đảng thuần túy thường có một nguồn gốc tự nhiên. Tại Hoa kỳ lúc thảo Hiến pháp cũng như lúc áp dụng Hiến pháp 1787 dân chúng chia làm hai phe : một phe muốn cơ quan liên bang mạnh còn phe kia lại muốn các tiểu bang có nhiều quyền hoạt động hơn. Nhân đó mà có hai đảng Liên bang và Cộng hòa. Tại Anh, chế độ ấy lại bắt nguồn từ thế kỷ XVII lúc có phe chỉ trích vua (Whig tức

Tự-do) và phe bênh vực vua (Tory tức Bảo thủ). Về sau, việc bênh vực hay chỉ trích vua không còn là một vấn đề nữa, tục lệ lưỡng đảng vẫn còn ; và chẳng một vài việc bất ngờ lại cũng có chế độ ấy như việc phòng nhóm bị cháy, phải tổ chức phòng nhóm tại một lầu đài trong đó ghế phải để thành hai dãy bên hữu và bên tả của chủ tịch Hạ-viện.

2) CÁCH THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ.

Có nhiều nước thành lập chính phủ một cách khó khăn như Pháp, nhất là theo Hiến pháp 27.10.1946 cần có một thủ tướng do Quốc hội chỉ định ; thủ tướng này thành lập nội các và có cuộc tấn phong thứ hai của Quốc hội.

Tại Anh, việc chọn thủ tướng quá đơn giản và trong phần nhiều các trường hợp, Nữ hoàng không mất thì giờ gì cả và cũng không có quyền nữa. Trong cuộc tuyên cử, thế nào cũng có đảng được đa số tuyệt đối (314/625 ghế) lãnh tụ đảng ấy sẽ tức khắc làm thủ tướng, việc tấn phong chỉ là một hình thức cần thiết thôi. Như đảng Bảo thủ thắng lãnh tụ Harold Mac Millan sẽ tiếp tục làm thủ tướng vì chưa thấy Đảng Bảo thủ thay đổi lãnh tụ. Đảng Lao động mà thắng lãnh tụ Hugh Gaitskell sẽ làm thủ tướng ; ông này đã chính thức thay thế ông Clement Attlee năm 1955 trong chức vụ lãnh tụ đảng đối lập còn

ông Attlee trở thành huân tước.

Có lúc Nữ hoàng phải trực tiếp can thiệp. Như ngày 9-1-1957, ông Anthony Eden, Thủ tướng, thỉnh linh xin từ chức Thủ tướng và lãnh tụ Đảng Bảo thủ vì lúc ấy ông bị chỉ trích quá sá về vụ Suez. Đảng đa số không có lãnh tụ và Chính phủ không có thủ tướng. Đảng Bảo thủ lưỡng lự giữa hai ông Butler và Mac Mil-

lan; Nữ hoàng can thiệp để ông Mac Millan làm Thủ tướng và nhân đó trở thành lãnh tụ đa số.

Có một điểm nữa đáng nói là lãnh tụ đảng đối lập vẫn lãnh phụ cấp khá lớn, một việc chưa có tại các nước khác.

Thật tình chế độ tuyển cử cũng như đảng trị của Anh có nhiều đặc tính không tìm thấy ở các nước khác.



* TÍNH TOÁN CHU ĐÁO

Nơi một tiểu quốc Trung Mỹ, ông tổng trưởng Quốc Phòng bày giải với ông Tổng thống :

— Tôi vừa đặt mua mười chiếc phi cơ to lớn có thể chở mỗi chiếc 500 lính nhảy dù và 100 cánh binh.

— Hay lắm ! Nhưng mà... sao lại cánh binh ?

Ông tổng trưởng, rất tự nhiên, đáp :

— Dạ, để xô lính nhảy dù.

* SÂN-TA

Louis thứ 13 khi được 9 tuổi thì lên làm vua nước Pháp. Tay vậy cũng không cần được viên giám học của ông đánh đòn khi ông này thấy cần. Một hôm, nhà vua nhỏ vừa xoa lưng, nói với ông thầy dạy :

— Tôi đề nghị với ông thế này : ông không đánh tôi nữa, tôi sẽ đặc-xá cho ông khỏi phải cúi đầu làm lễ chào tôi.

* NHỮNG BỐ CAO

« Bà Tê trọng thưởng ai tìm được con chó xù đen của bà lạc mất ở vùng Mô. Dấu riêng : móng cẳng có thoa nước sơn móng tay màu hồng ».

T. L. L.



12.- LAN - KHAI

* NGUYỄN-VỸ

THÌNH thoảng tôi có nhắc đến tên của Lan-Khai trong mấy bài trước, nay xin viết riêng một bài về « Nhà Văn-Đường-Rừng ». Đây là biệt hiệu của anh em làng văn Bắc-hà đã tặng cho Lan-Khai, vì anh chuyên viết các truyện về Mạn Ngược, nghĩa là về các vùng Thượng Du Bắc-Việt.

Sinh trưởng ở Tuyên-Quang là một tỉnh ở miền ấy, học ở Tuyên Quang, sau thi đỗ bằng Cao Đẳng Tiểu-học cũng về dạy học ở đây, Lan Khai đã là một người con yêu-dấu của Lâm Tuyên. Anh bỏ nghề giáo-viên, cũng chỉ vì

anh mãi nghe tiếng gọi của Rừng Thẳm, tiếng gọi mà anh ghi chép say sưa thành bóng vang huyền bí trong các tác phẩm văn chương và trong các nét họa của anh.

Vì Lan Khai vừa là Văn-sĩ, Thi sĩ vừa là Họa sĩ. Văn sĩ hay họa sĩ, anh cũng đều là « tài tử » theo nghĩa của anh em nhà văn chúng tôi đã cho nó hồi tiên-chiến, là « không cầu lợi ». Anh làm thơ, viết truyện dài, truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, và vẽ những phong cảnh Rừng Núi thâm u, huyền ảo của các vùng Tuyên - Quang - Lai - Châu,

Sơn - La, Cao - Bằng, những cô Thái - Trắng, Thái - Đen, cô Mường, cô Thổ, với nét đẹp diêm-lệ mơ-hồ, như hình bóng một Thế giới mộng huyền trong tưởng-tượng, trong tranh, trong thơ... Nhưng Lan-khai vẽ, hay viết, chính là để thỏa-mãn một say mê gần như một ám-ảnh huyền-diệu, hơn là nghĩ đến việc đem bày bán những nét vẽ và câu văn của anh.

Nói đúng ra, thì một số Văn-sĩ Thi-sĩ thời bấy giờ cũng đều bị lôi-cuốn ít nhiều trong không-khí say-sưa văn nghệ đang bùng-bột thịnh hành, nhưng tôi nhận thấy Lan-Khai là một trong số Văn-nhân chịu hy sinh cho lý tưởng nhiều hơn, và thích đời sống thanh cao nho-nhã hơn.

Tại vậy mà anh thay đổi chỗ ở luôn. Thuê một căn nhà nào để ở, chừng năm ba tháng không vừa ý là dọn đi chỗ khác. Ở đường Đỗ hữu Vị, rồi dọn đến chợ hàng Da, rồi dọn xuống ngoại - ở chợ Hôm, dọn về Bờ-Hồ, ở trên một căn lầu rộng lớn, rồi dọn lên Hồ Trúc-Bạch, làng Ngũ-Xá... Tiền không có mà cứ dọn nhà hoài, và mỗi lần dời chỗ là chờ hàng năm sáu rương sách và một

rương quần áo. Ngoài ra, không có gì nữa cả.

Có điều buồn cười nhất, và bí mật nhất mà lúc bấy giờ chỉ một số bạn rất thân với Lan Khai biết được mà thôi, là tác giả những chuyện đường rừng lại thích đánh phấn thoa son như đàn bà. Vì Lan Khai hút thuốc phiện nặng, nên anh đánh phấn và bôi son để cho nét mặt có đôi chút hồng-hào, che lấp những tàn phá của phù-dung. Nhưng anh điêm trang khéo-tuyệt, còn khéo hơn chị Lan-Khai nữa. Người ngoài nhìn vào mặt anh, không hề thấy có vết phấn son. Vì vậy nên nhiều bạn làng văn cứ bảo nhau: "Quái thật nhỉ, Lan-Khai hút thuốc phiện thế mà gương mặt của nó không móm-meo chút nào!" Anh rất diện, lúc nào cũng đẹp để bảnh-bao, ai mới trông thấy anh cũng tưởng đâu là một bức nho sĩ phong lưu, nhưng trong túi thường thường không có một xu nhỏ.

Lan Khai có một người bạn cũng lạ thường, là ĐỖ THỨC TRÂM. Đỗ thức Trâm, người thấp nhưng mập, đỗ Tú-tài rồi ở nhà đọc sách viết văn, chứ không thêm tiếp tục học trường Cao-Đẳng. Nhưng anh viết Pháp-văn thật hay. Có tư tưởng chống Pháp,

và kiên cường, tự phụ, anh thường viết bài cho báo «*L'Annam Nouvelle*» của cụ Nguyễn văn Vĩnh.

Lan Khai đi đâu là có Đỗ thức Trâm đi theo, như hình với bóng.

Mỗi lần dọn nhà, là cả hai đều đồng ý dọn, và cả hai cùng lặng lẽ đi theo sau cỗ xe chở mấy hòm sách, nặng nề, chậm rãi, y như đi đưa một đám ma.

Cả hai đều diện, và thích ở riêng biệt, không muốn có đàn-bà bên cạnh. Đỗ thức Trâm không có vợ và rất đổ kỹ phụ nữ. Anh không có một người tình nhân nào cả. Còn Lan Khai có hai vợ, nhưng anh cũng không thích ở với gia đình. Thỉnh-thoảng chị Lan-Khai đến với anh một vài tháng rồi lại về Tuyên - Quang. Chị hiền lành lắm, và đẹp, rất yêu văn Lan Khai và cũng bằng lòng để anh ở riêng tùy theo ý thích. Chị chiều anh lắm. Tôi nhớ hình như đã có lần tôi kể các bạn nghe câu chuyện «*Hột mận của Lan Khai*». Chuyện này xảy ra lúc Lan Khai ở căn nhà Ngũ-Xá, có chị Lan Khai. Lan Khai là người rất đa - tình, lại được rất đông độc - giả bạn gái mến phục. Nhưng có lẽ anh không có duyên với phụ-nữ, nên đời anh

không có cuộc tình duyên nào lâu dài và tha - thiết, nên thơ nên mộng. Cũng có lẽ tại anh thích sống cuộc đời lý-tưởng quá cao siêu, quá trong trắng, nên thiếu-nữ không ưa. (tôi nói : thiếu-nữ lãng mạn hồi đó). Anh lại là người đa-cảm, có những tình cảm rất tế-nhị. Một đêm tôi đang ngủ, Lan Khai đến đập cửa. Tôi chưa kịp mở, chỉ nghe tiếng anh :

— Vỹ ơi, Đỗ-thức-Trâm chết rồi nhé!

Tôi mở cửa, thì Lan Khai đã đi rồi. Tôi vội vàng mặc đồ đi đến nhà anh, người ta cho biết là Đỗ thức Trâm chết trong nhà thương, vì bệnh thương hàn.

Đám ma của Đỗ thức Trâm đi trong một buổi rét buốt mùa đông, rất điệu hiu thê thảm. Hân-hạnh cho Trâm, là có cụ Nguyễn văn-Vĩnh đi theo sau quan tài. Cụ Vĩnh bảo tôi : «Trâm, nó có tài lắm, nhưng đáng tiếc, nó không để lại được một tác phẩm nào cả, vì chính nó lại coi rẻ cái tài của nó.»

Cụ Vĩnh nói rất đúng. Đỗ thức Trâm có thể là một nhà triết học, hay là một nhà phê-bình rất có giá trị. Học thức uyên-thâm, văn tài rất điêu luyện, Trâm bị cái chứng bệnh lười biếng, chán nản,

khinh đời, khinh cả mình. Hồi đó anh 25 tuổi, lớn hơn tôi vài ba tuổi.

Hôm nay, tôi nhắc đến Đồ thúc Trâm mà lòng tôi rất buồn-ngùi nhớ tiếc. Từ ngày anh chết, không có một bài báo nào, hay một chương sách nào, nói đến tên người tài hoa bạc phận ấy. Kề ra, những bài bằng Pháp văn anh đã viết trong *L'annam Nouveau* của cụ Vĩnh, và bằng Việt văn trong *Đông phương* của Lan Khai, có thể gom góp in lại thành một quyển sách rất có giá trị về tư-tưởng. Nhưng tiếc thay, ai làm việc đó?

Nếu tôi không lầm thì Đồ thúc Trâm tự nhìn nhận là một đứa con không cha không mẹ, không họ hàng thân thuộc, không quê quán!

Đồ-thúc - Trâm đã thành một kẻ lạc loài trong truyền-tích như CHATTERTON, Thi-sĩ Anh-Lan-Khai rất buồn sau khi Đồ-thúc-Trâm chết.

Tác giả những chuyện Đường Rừng cũng là bạn thân của VŨ-TRỌNG-PHỤNG, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, LƯU TRỌNG LƯ. Anh không chơi với THẾ - LŨ, NHẤT - LINH,

ĐOÀN PHŨ-TỬ, nhưng thân với TỬ-MÔ, KHÁI-HUNG. Anh thích NGUYỄN - CÔNG - HOA N, VŨ - B Ắ N G, TCHYA, NGUYỄN TUÂN.

Một hôm, được tin bằng giấy thép cho hay bà vợ cả ở Tuyên-Quang đau nặng gần chết, (chị này bị tật què), anh đến nhà xuất bản, hỏi mượn trước một món tiền để về tỉnh nhà lo thuốc men cho vợ. Anh trao điện - tín cho nhà xuất bản thấy sự thật đau đớn như thế. Nhưng nhà xuất bản, chủ một nhà in lớn ở Hà - nội, trả lời không có sẵn tiền. Anh hết sức năn-nỉ nhưng ông chủ nhà in, đã xuất bản ba bốn bộ sách của anh, quyền nào bán cũng rất chạy, vẫn một mực than-thở : « không có sẵn tiền » !

Lan Khai rưng rưng nước mắt, ngó nhà xuất bản :

— Ông tàn nhẫn được như thế ư ?

— Không phải tôi tàn nhẫn với ông, nhưng thật là vì tôi không có sẵn tiền.

Lan Khai rút trong túi ra một xấp bản thảo viết chưa xong, đưa nhà xuất bản :

— Tôi đang viết quyển này cho ông, ông không thể cho tôi mượn tạm trước vài ba chục đồng

ư ? Vợ tôi đang hấp hối chờ tôi ở Tuyên Quang, sao ông nhẫn-tâm đến thế được ?

— Tôi chia buồn với ông, nhưng còn việc mượn tiền, thì..

— Tôi chỉ mượn vài chục đồng đủ tiền xe thôi, ông ạ.

Do dự một lúc, nhà xuất bản vào nhà lấy ra đưa Lan Khai hai chục đồng :

— Ông viết quyền sách ấy nhanh nhanh lên nhé. Và xin chúc ông về Tuyên Quang lo-lắng cho bà nhà ta chóng bình-phục.

Lan Khai về nhà, gặp tôi vừa đến hỏi thăm tin tức của chị, anh đưa giấy thép cho tôi xem và vút xuống giường mấy tờ giấy bạc, nước mắt anh chảy tràn trề trên đôi má :

— Toa thấy không, Vỹ ? Mẹ cha cái kiếp chúng mình !

Hôm tôi bị bắt, và bị còng tay đưa lên ga xe lửa Hà-nội để đi lưu-đồ, trong đám bạn bè quen thuộc hình như biết tin trước nên có lên chực sẵn ở cửa ga để tiễn tôi, tôi thấy có mặt anh Lan-Khai. Hôm ấy, anh ốm quá, mặt xanh-xao gầy-còm, không có đánh phấn như mọi khi. Tôi mỉm cười ngó anh. Anh đáp lại bằng một tia nhìn đăm-chiêu tịch-mịch.

Sau này, trong thời - kỳ đồng bào Bắc - Việt di-cư, tôi có tìm kiếm các bạn cũ Hà-thành. Một đôi bạn cho tôi biết là Lan Khai đã bị Việt-Minh thủ-tiêu ở Tuyên-Quang. Tôi ghen - ngào, không nói được.

* GIỜ TOÁN PHÁP

Thầy giáo.— 15 cộng với 9 là mấy ? Ai biết tôi cho 8 điểm.

Cu Tèo.— (đứng lên, giọng linh quĩnh) Thưa thầy, con...

Thầy giáo.— Cừ chậm rãi mà nói, tỉnh cho kỹ.

Cu Tèo.— Thưa thầy, con xin phép đi ngoài, con đau bụng, quá!

* HỒN HÌNH

Nhà báo phỏng vấn một nhà soạn kịch tên tuổi :

— Cái gì trên sân khấu lôi cuốn ông hơn hết ?

— Những nữ kịch sĩ.

T.L.L.



**CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
CỦA THẾ-HỆ
LÃO THÀNH**

I.- CỤ ƯNG-BÌNH

★ DIỆU-HUYỀN



Năm 1958, một hôm hình như vào khoảng tháng 3 d.l., nhà Bác-học Bửu-Hội có đưa tôi xem một

bài thơ nhan-đề :

• XUÂN MẬU-TUẤT TỰ

THUẬT, và tác giả ký tên là :
ƯNG - BÌNH, THỨC GIÀ
THỊ. Bài thơ như sau đây :

*Phước của trời cho, lộc của
trời,*

Lần lên tuổi thọ tám-mươi-hai.

*Coi con bướm liệng từng quen
mắt,*

*Nghe tiếng oanh chào chàng lạ
tai.*

*Son phấn trò hề, năng kể lại,
Bút nghiên nghề mọn, vẫn khoe
chơi.*

*Cứ ngâm-nga mãi quên đầu
bạc,*

*Quên cuộc tang - thương trải
mấy đời.*

Tôi đọc thơ, lấy làm thích-thú vô cùng. Thơ của một ông Cụ già 82 tuổi mà vẫn còn nhẹ - nhàng, bướm-bầy, thi-từ sâu đậm, thi-cảm dồi-dào, thật là hiếm có. Và thật là đẹp.

Tôi đọc thơ của cụ Ung-Bình đã lâu rồi, do một ông bạn người Huế cho coi từ hồi tôi còn học ở Hà - nội. Nhưng tôi không ngờ rằng tác - giả là cháu nội của Thi - sĩ Tuy - Lý - Vương, và bác của nhà Bác-học Bửu-Hội.

Cụ sinh ở Vỹ-Dạ, Huế, năm 1877, con cụ Hồng Thiết, có cả Tây học (cụ tốt nghiệp trường Quốc học Huế, đỗ đầu kỳ thi ký lục năm 1904) và Hán học (Cụ đã đỗ Cử nhân Hán học năm 1909).

Làm quan triều Nguyễn, Cụ đã trải qua các cấp bậc từ Tri-Huyện lên Tri Phủ, Viên ngoại, Thị lang, Bó chánh, Tuần Vũ, Phủ Doãn Thừa-thiên, và được

thăng Thượng Thư năm 57 tuổi, Hiệp tá Đại học sĩ năm 67 tuổi.

Về hưu, Cụ được lòng tôn-kính và cảm mến của nhân-dân Huế, và được bầu làm Hội-trưởng hội truyền bá Quốc-ngữ Trung kỳ, Viện-trưởng viện Dân biểu Trung kỳ năm 1940 (1)

Nhưng trước hết, cụ Ung-Bình là một Thi-nhân và một nhạc sĩ tài ba lỗi lạc. Cụ có phong độ thanh cao của một nhà Thơ quý-phái, theo nề nếp phong lưu của dòng dõi thi-sĩ nho gia : Nguyễn-Du, Nguyễn Khuyến, Nguyễn-công Trứ, và chính Tuy Lý-Wương, nội-tổ của Cụ. Yêu cảnh nước biển non xanh, cụ cũng là một hình bóng những Thi sĩ truyền thống của đời Đường, những Lý Bạch, Tô Đông - Pha, Đỗ Phủ, hòa mình trong gió mát trăng thanh, thả hồn theo thuyền thơ sóng mộng. Cụ tả cảnh Thu như sau đây thì tuyệt :

*Xa xa bóng nhạt giữa trời thu,
Nước biếc mây xanh lẫn một
màu.*

*Chuồn - chuồn tìm sâu trên vạc
có,*

(1) Tài-liệu của ban Phan-thế-Roanh, giám-đốc trường Đại-học Sư-phạm, Sài-gòn.

Le-le nhơn sóng cạnh bờ lau,
Lẹ-làng nổi ruồi bơi qua đò.
Êm - thắm thuyền tình đậu ở
đâu ?
Lưu-thủy hành vân thanh điểu
cỏ,
Trên sông nghe vắng đã từ lâu!

Nhưng hay hơn hết là những
bài thơ tâm sự của Cụ, những
bài tự thuật, hoặc mượn cảnh
mà ám chỉ việc đời, với một
nhận-xét mỉa-mai rất tế nhị. Như
bài sau đây :

BUỔI CHIỀU ĐI ĐẠO BỜ SÔNG TỨC CẢNH

Cảm thương danh - lợi cỏ hai
thằng,
Kẻ chống, người chèo, bộ xí -
xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng
nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành
trăng.
Chim khôn nhác bầy nhìn
không đậu,
Cá đại ham mồi thấy phải ăn.
Cầu hát bên sông thêm chạnh
nỗi,
Ông chài lơ-lửng có nghe chăng!
Cụ làm bài thơ này hồi năm
1932, tức là năm Bảo Đại vừa ở
Pháp về, lên ngôi Hoàng đế, và
chung quanh nhà vua bù-nhìn trẻ
tuổi ấy, có bao nhiêu kẻ « chầu
rìa », ham danh ham lợi, và cũng

có những người chán ghét
phường tục-tử, lữ nịnh thần.

Phong độ quân tử và thi nhân
của cụ Ung-Bình cũng phải phát
điệu dàng trong mấy vần thơ sau
đây :

KHUYẾN HỌC PHẬT

Đường danh nẻo lợi ngó đông
đông,
Chen-chúc nhau chi đám bụi
hồng.
Kìa bóng bạch cầu qua chẳng
lại,
Nọ tranh thương cầu có rồi
không.
Dở cười dở khóc bao sân khấu,
Khi nở khi tàn mấy cụm bông.
Sao kiếp phù-sinh cho khỏi lụy,
Quyền kinh câu kệ chớ nài
công l.

(1934, 58 tuổi)

VIỆC ĐỜI

Kề từ năm Dậu đến năm nay,
Xuân lại xuân qua cũng thế
này.
Trắng đỏ cuộc cờ đi đủ nước,
Xanh vàng mối chĩ nhuộm nhiều
tay.
Hoa vườn Thượng-uyển không
ai ngắm,
Rượu chốn Sa-trường có kẻ say,
Hàng lệ non sông rơi đã khắp,
Tấm lòng trời đất rõ chẳng
đây !
(Kỳ-Sưu 1949 — 73 tuổi)

Thân thể của nhà Thi-sĩ lão-
thành chứng kiến bao nhiêu cảnh
vật tang thương, nhân tình diên
đào, kẻ cũng đã chừa chan biết
bao rung-động, biết bao cảm sâu,
có đọng trong mấy vần thơ !

Chúng ta là lớp người hậu-sinh,
chỉ đọc đời ba bài tuyệt diệu, cũng
thông cảm được hết nỗi lòng hồi-
hộp bán khoán của Thi-sĩ, dù là
một tiếng thở, một lời than, ký-
thác trong âm điệu của mỗi dòng
mỗi chữ.

Thơ của cụ Ung-Bình Thúc-
Giạ Thị vừa nhẹ nhàng, trang-nhã,
vừa hàm súc bao ý-nghĩa. Cụ kể
tiếp được những truyền thống thi
cảm của Tuy lý Vương, truyền-
thống nho phong mà chúng ta
cảm thấy như không còn ai tiếp-
nối nữa.

Một bài thơ như bài sau đây,
của cụ Ung Bình viết năm 1946,
có thể nói là một kiệt tác thi-văn,
không những của thế kỷ 20, mà
là một kiệt tác của tất cả các thời
đại :

* THẬT THÀ

Quan tòa.— Sao anh dùng dao mà đâm người ta vậy ?
Tội nhân.— Dạ, vì tôi không đủ tiền để mua súng lục.

T. L. L.

BẢY MƯƠI TUỔI TỰ THUẬT

Ngường mong ơn Phật với ơn
Trời,
Tuổi thọ nay đã đến bảy mươi.
Rượu có mùi hương nên uống
mất,
Thi là thuốc bổ cứ ngâm chơi !
Thuở ra sân - khấu không làm
rộn,
Khi hạ vai tuồng ít hề người.
Giở tấm gương vòng soi tóc bạc,
Sương pha tuyết điểm lại càng
trời.

Thơ Đường Luật điều luyện
đến mức nghệ thuật toàn thiện
toàn mỹ như thế, xin hỏi cả một
thế kỷ có được bao nhiêu bài ?
Ung Bình Thúc Giạ Thị không
phải là một Thi sĩ. Cụ là một thi-
hào.

Kẻ hậu sinh viết bài này và
các bài kế tiếp, chính là muốn làm
bồn phận dâng lên những lời kính
cần khen tặng các bậc Thi-bá
của tiền bán thế kỷ, đang sửa-
soạn từ già cõi trần một sớm một
chiều. — những Thi - ông tóc
bạc nhưng thơ vàng, mà chúng ta
sẽ không còn kiếm đâu được nữa
trên mảnh đất Việt Nam.

DIỆU-HUYỀN

NÓI VỀ TÌNH HỮU NGHỊ



Phê-Thông số 19, số đặc-biệt Trung - Thu, có đăng tin Giáo - sư Gustave Meillon ghé thăm Tòa-soạn *Phê-Thông*.

Ông cho hay rằng *Phê-Thông* được đồng bào ở Pháp đọc nhiều và chính ông cũng là một độc-giả trung thành.

Ông tỏ ý muốn thắt chặt tình hữu-ngệ Văn-hóa Việt-Nam và Pháp.

Tôi không lãnh-đạm được với tin này vì nó có liên quan đến một mối tình hữu-ngệ cao đẹp, nhất là tình thần hữu-ngệ Văn-hóa đối với một nước đã từng lãnh trách nhiệm khai hóa Việt-Nam trong gần một thế-kỷ.

Hồi còn người Pháp cai-trị

VIỆT - PHÁP

xứ này, chúng tôi nghe nói đến hai chữ Văn-hóa với một thái-độ dè-dặt vì hai chữ đó bị lợi dụng rất nhiều. Ông Toàn-Quyền, ông Thống-Sứ, ông Khâm-Sứ, ông Thống-đốc Nam-kỳ lâu lâu cũng nói đến văn-hóa và sứ-mạng khai hóa của Pháp-quốc ở Việt-Nam.

* THIÊU SƠN

Nhưng nói là một chuyện mà làm lại là một chuyện khác. Hoặc nói đến những cái đẹp để đề che đậy những công việc làm trái ngược. Những nhà cách-mạng Việt-Nam nhiều người đã nói huých-tặc ra rằng : « Nhà tù nhiều hơn trường học ». Mà ngay ở trường học người học-sinh và sinh-viên Việt-Nam cũng không được lãnh hội đầy đủ trọn vẹn cái Văn-hóa tốt đẹp của Pháp. Khi ra trường họ chỉ vừa đủ tư-

cách làm người cộng - tác bực dưới của chánh quyền thuộc địa chứ đâu đã xứng đáng là những nhà văn hóa đúng với cái nghĩa của nó. Từ ngày chính phủ thuộc địa buộc lòng phải mở trường Đại-Học Hà-nội và cho xuất-dương du học thì mới sản-xuất ra được một số trí thức biết say-mê văn-hóa Địa-Trung-Hải và yêu mến chủ nghĩa nhân bản của Pháp. Chính trong những giờ phút lâm nguy của chánh quốc đã có những đứa con « tinh thần » ở thuộc địa xin tình nguyện từng-chinh để bảo-vệ những cái gì cao đẹp nhất của nền văn-minh Pháp. Hành động của họ khác hẳn với công việc làm của những kẻ đánh giặc mượn vì những động-cơ tầm thường thấp thỏi.

Nhưng chính những đứa con tinh thần đó cũng phải chán ngán náo nề về cách đối xử của chánh quyền thuộc-địa đối với đồng-bào và ngay đối với bản thân của họ.

Họ kêu gào, họ đòi hỏi một sự thay đổi trong chánh sách của Pháp ở Việt Nam. Nhưng họ đã tỉnh ngộ mà thấy rằng chánh-sách đó không thể nào thay đổi được một khi nó đã bị chi phối bởi chủ nghĩa thực dân. Họ thấy rằng họ

chỉ có một đường đi là đi làm cách mạng với đồng bào của họ để giải phóng đất nước khỏi sự đô-hộ của ngoại quốc. Họ còn nhớ lại tất cả những cái gì họ đã học được của Rousseau, của Montes-quiou của Victor Hugo, của Jean Jaurès.

Họ lấy làm đau lòng mà trở thành đối thủ của nước Pháp, quê hương của những văn-hào nói trên.

Chính trong thời kỳ kháng - chiến kẻ viết bài này đã được tiếp xúc với cụ Hàn Georges Duhamel do Cao ủy Bollaert mời qua để tranh thủ trí thức Việt Nam. Cụ đã kinh ngạc mà thấy rằng hầu hết những trí-thức tiêu-biểu cho dân - tộc này đều ở bưng - biển hay đều thân kháng chiến. Tiếng chuông cụ nghe ở Cao ủy phủ khác hẳn với tiếng chuông cụ được nghe trong giới trí thức Việt - Nam. Rốt cuộc cụ phải cho chúng tôi là có lý, cuộc kháng chiến là chánh đáng và chủ - nghĩa thực dân đã lỗi-thời. Nhưng cụ là con người thích yên - tĩnh để trầm tư, cụ ghét cả những tiếng ồn-ào của vô-tuyến - điện thì không lý nào cụ lại thích nghe những tiếng bom nổ, đạn bay và thấy những cảnh tàn phá của một trận giặc không

nên có. Cụ khuyên chúng tôi
nhấn-nại, cụ chủ - trương những
giải pháp hòa-bình để cứu vãn lại
tình hữu-nghị giữa hai dân - tộc
anh em. Chúng tôi thông-cảm tất
cả nỗi lòng của một nhà văn-hào
giàu lòng nhân-đạo và tha - thiết
với hòa-bình, mặc dầu chúng tôi
cũng biết thực-dân chủ-nghĩa chỉ
lui bước khi nó đã hoàn - toàn
thất bại trước sức quật - cường
của cả một dân-tộc.

Nay nước chúng tôi đã độc-lập.
Nếu còn có điều gì chưa vừa
lòng chúng tôi thì cũng chỉ trong
phạm - vi nội-bộ.

Thực-dân chủ-nghĩa đã dứt áo
ra đi và tất cả những cái gì gọi
là tàn-tích của nó lần lần bị bôi-
bỏ.

Những tên tuổi của các ông
đề-độc, của các vị đại-tướng, của
những kẻ đã đến chinh-phục xứ
này đã bị thay thế bằng những
danh nhân Việt-Nam, nhiều nhưt
là những nhà ái-quốc Việt-Nam.
Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ lại
những tên Pasteur, Yersin, Cal-
mette. Và chính phái - bộ Văn-
Hóa Pháp cũng đã lấy tên J.J.
Rousseau thay thế cho tên Chas-
seloup Laubat ở một trường trung
học Saigon mà học - sinh Việt-
Nam đông hơn học-sinh Pháp.

Không phải chúng tôi chỉ nhắc
nhớ tới mấy tên đó mà thôi.
Trong giới trí - thức Việt - Nam
chúng tôi bây giờ càng nhận
thấy rõ hơn cái giá - trị nhân -
bản của nền Văn - Hóa
Pháp và yêu mến một cách thẳng
thắn và trọn vẹn tất cả những
người đã phục vụ cho nền văn-
hóa đó.

Trước kia, ngay hồi Pháp-
thuộc, chúng tôi đã phải dè dặt
khi đề cao văn hóa Pháp vì đồng
bào chúng tôi sẽ không tha thứ
cho chúng tôi «khen Tây». Đối
với họ Tây với thực dân chỉ là
một.

Nhưng nay chủ nghĩa thực
dân đã hoàn toàn lui bước thì tất
cả các nước đều là bạn của Việt
Nam.

Riêng đối với nước Pháp cái
tình bạn đó càng được bồi dưỡng
bằng những liên lạc tinh thần
thâm thiết và cao đẹp vô cùng.
Hình như Aristote đã nói: «Bình
đẳng là điều kiện tất yếu của tình
bạn» (L'égalité est une condition
essentielle de l'amitié).

Hồi còn thực dân chủ nghĩa,
không thể có tình bạn giữa chánh
quốc và thuộc địa vì không thể có
tình bạn giữa chủ và tớ. Bây giờ
địa vị đã đổi thay. Pháp quốc với

Việt Nam là hai nước bạn thì
tình hữu nghị giữa Việt - Pháp
mới thiết tình được hồi phục.
Không còn có chủ nghĩa thực dân
thì không còn có gì làm chúng tôi
phải dè dặt đối với một nền văn
hóa ngoại quốc mà chúng tôi đã
hiểu biết nhiều hơn hết và nhìn
nhận rằng nó rất cần thiết cho
nền văn hóa của chúng tôi

Chúng tôi sung sướng mà được
biết rằng ngoài những đồng bào
của chúng tôi ở Pháp chính một
số người Pháp cũng chú ý tới
văn hóa và văn học Việt Nam.
Có qua có lại mới toại lòng nhau.
Một lần nữa lại được chứng
minh câu nói của Aristote: «Bình
đẳng là điều kiện tất yếu của tình
bạn.»

Một khi chúng tôi đã biết rằng
các bạn Pháp không lãnh - đạm
thờ-ơ đối với công-việc của chúng
tôi thì chúng tôi lại càng cần phải
chú-ý nhiều hơn, thận trọng nhiều
hơn khi cảm-bút.

Không còn chủ-nghĩa thực-dân
nữa thì Văn-hóa Pháp càng thêm
tươi đẹp và sáng tỏ. Cũng như
Văn-hóa Việt-Nam, tuy không
dám đem ra so-sánh, nhưng cũng
thấy nó phải tiến hơn khi nó còn
chủ-nghĩa thực-dân thao-túng.

Giáo-sư Meillon chắc cũng
đồng-ý với chúng tôi mà tin rằng
tình hữu-nghị văn - hóa giữa hai
dân - tộc chúng ta phải thoát ra
ngoài sự ràng buộc của chánh trị
mới thật sự tốt đẹp, lâu bền và
bổ ích lẫn nhau.

* BÌNH CHÁNH

*Cái giận của ông thầy giáo kia có tiếng, và đám học trò nhỏ
của ông rất sợ những khi ông «lột đình chi nộ». Bữa nọ, trong
giờ địa dư, ông to giọng:*

*— Trò Tèo, trò làm thế nào để chứng minh là quả đất tròn!
Cu Tèo đứng lên mặt tái xanh:— Thưa Thầy, em có nói
quả đất tròn bao giờ đâu ạ.*

* MÀU THUẦN

Một người bạn của một nhà văn trình thám trách ông sao trong cuốn
truyện vừa rồi của ông, ông cho vào nhiều xác chết quá. Nhà văn đáp:
— Có thể cuốn truyện mới sống đấy, anh à.

T.L.L.

Cao Đán
Thơ Chông



Nam - Thu Hòa - Khúc

(Tiếp theo P.T. số 20)

XXIX

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Ngắm cảnh trời thu dạ cảm thương.
Non nước rạng ngời soi bóng nguyệt,
Cỏ hoa khô héo gợi mùi hương.
Lạnh lùng ả Bắc trông man-mác,
Yên lặng miền Nam dẽ nấu nường
Mới biết chim khôn tìm chỗ đậu,
Trên không cánh nhạn đã quen đường.

Bác-thập-tam tuế lão phụ
UNG-BÌNH Thúc-Gia-Thị
(Hương-Bình Thị-xã — Huế)

XXX

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Lá rụng bên Nhà, gió cuốn sang,
Xao-xuyến, ngậm-ngùi tình lữ-thứ,
U-hoài tha-thiết cảnh Quê-hương !
Nam Thu hòa khúc reo tơ ngọc,
Áu đạ sâu ngậm tẻ phỉếm đàn !
Cảm-mẫn Thi-nhân, duyên bút mặc,
Gọi là chung góp cuộc hân-hoan.

TRỊNH HOÀI-QUỐC
(Đại-học Bách-Khoa — Paris)

XXXI

Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?
Ai đề lòng Thu gió lạnh sang ? !...
Lối cũ trúc buồn lên vút vút,
Hồn xưa mây trắng giải mang mang.
Nghìn năm giấc mộng nghìn năm vẫn ...
Chín kiếp con tằm chín kiếp đàn...
Một chuyến Thu trời trăm tiếng lệ,
Thu ơi ! mùa ngút dậm mơ màng ...

CUÔNG-VŨ
(Phòng Chiến-tranh tâm-lý)

XXXII

Bóng ác lơ-thơ, nhạt sắc vàng ;
Cành ngô đờ lá, rắc gieo vàng.
Mấy làn mây tỏa, mờ trắng bạc ;
Bao trận mưa tuôn, lẫn gió vàng.
Đồi cỏ xanh um, hương ửng ửng ;
Đượm sương trong vắt, cúc vàng vàng.
Cọ đèn rực-rỡ, quà ngon-ngọt ;
Đàn trẻ vui trong cảnh mộng vàng.

LĂNG-BA
(Chánh lục sự Tòa án — Cần thơ)

XXXIII

Thu đẹp tô nắng vàng
 Mây chiều bay lang thang
 Đây mùa thu xa cách
 Đôi bờ hận Bắc Nam
 Ra đi ngày ngưng chiến
 Non nước sầu mang mang
 Đất Thiêng hun uất-hận
 Trí lớn thua sài-lang
 Giận đời khinh tay trắng
 Căm thù lũ tham quan
 Một phen thề rửa nhục
 Nhìn quê hương điêu tàn
 Bao thu xa khói lửa
 No ám thêm vừng vàng
 Đêm đêm rong đèn sách
 Quản gì nổi gian nan
 Chờ Thu mai quật khởi
 Thống nhất toàn giang-san

TRẦN-QUÂN-BẢO
 (Quảng-Ngãi)

XXXIV

*Ái xui Thu đến gọi lơ vàng
 Một bến thuyền mơ em quá giang,
 Theo lệ, tiễn đưa năm bầy chữ,
 Lấy tình nhắn nhủ một đôi hàng.
 Tiếng đời bạc má cam lời mỉa,
 Miệng thề hồng nhan chịu lẽ oan.
 Thu chưa trở mùa, người đã vắng,
 Buồn tình ta chẳng muốn thu sang !*

MINH-VĂN — K.B.C. 6.086

XXXV

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
 Màu lá vàng khô, rú sắc tang.
 Sóng gợn hồ thu, cơn gió thoảng,
 Sen tàn đầm hạ, bóng chiều sang.

Mây tan, trăng tậnh, hồn mơ mộng,
 Chiều xuống, ngày qua, tuổi luống tàn.
 Bao cảnh thu xưa trong khói lửa,
 Sầu cho nhân thế, giấc mơ màng.

PHÙNG-CÔNG-DOANH T.T.
 (Nha-trang)

XXXVI

*Từ độ bên sông lá rụng vàng,
 Ta nghe lành lạnh gió thu sang ;
 Trông giang mây sớm sầu khơi trượng...
 Ngõ trúc sương khuya lệ nổi hàng...
 Nắng nhạt, vườn ai hoa ủ-rủ.
 Hương phai, nội cỏ nguyệt mơ màng
 Nam Thu Hòa Khúc «Trương tư hận» ;
 Lạnh lẽo thềm trăng thiếp đợi chàng.*

BÙI TRẦN CHÂU
 (Phú-Yên)

XXXVII

*Theo gió đưa rơi vụn lá vàng,
 Gọi lòng thiên-hạ nhớ thu sang.
 Mưa bay lất-phất lòng sông vắng,
 Nắng giải mơ-hồ buổi chợ tan.
 Đầu xóm lão bà canh quán nước,
 Cuối thôn cô gái buộc đò ngang.
 Quanh vườn bướm nhỏ vờn hoa cúc,
 Lãng tránh hồ sen cuối Hạ tàn.*

THỦY-VÂN-TÂM
 (Số 4, đường Tự-Do — Sài-gon)

XXXVIII

*Lại một mùa thu trút lá vàng,
 Trời Nam chiếc bóng ngậm ngùi than !
 Hài hồ đang tiễn, đừng chim lấp,
 Sự nghiệp chưa thành, mộng bướm tan !
 Oán hận mười năm cay tuế nguyệt,
 Phong trần nửa kiếp thẹn giang san !
 Xa xăm hướng lại miền quê mẹ,
 Nghi ngút mây chiều tỏa ái-quan !*

PHẠM VĂN SƯ
 (Ty Quan thuế — Tân-châu)

XXXIX

Làn gió heo may gọi lá vàng
 Dạ sầu hiu hắt tiếp thu sang
 Mưa rơi, chợt nhớ tình son trẻ
 Lá rụng, càng thương nghĩa cũ càng
 Lối ấy đi về sao lẳng lẳng
 Đường này qua lại vẫn mệnh mang
 Ngoài song gió lạnh lòng tôi lạnh
 Tưởng đến thu xưa mấy phủ phàng.

ĐẶNG-ĐỨC-CÔN

(121 Hai Bà Trưng — Saigon)

XXXX

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng?
 Thu đến « Tao-dàn » nét diễm trang!
 « Ngọc điệp » bầm gan dành chắc-lưỡi,
 « Kim-chi » tìm ruột biết màn-răng!
 Sân ngô giậu trúc... buồn cha-chả!
 Oán nợ thù kia... nhớ khăng-khăng.
 Ở! khúc « nam » thu, đâu phải...nữ...?
 Bình quyền! ông Vỹ chắc cho đàng!

KIM-CHI

Nguyễn-thị-Phước

(Nha-trang)

XXXXI

Thu ơi! Ai nhuộm lá thu vàng,
 Ai để nàng Trăng biếng diễm-trang
 Mây tới hồ xưa giòm vắng-lặng
 Mưa vô song cũ dệt mơ-màng
 Bên ni sông núi buồn hiu-hắt
 Bên né hoàng-hôn nhớ ngổn-ngang
 Biết đến chừng mô mà ước-hẹn
 Chừ đây thu-té lạnh giang-san.

NGỌC-PHAN

(Số 9 kiệt 5 đường Nguyễn-Hiệu — Huế.

XXXXII

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng?
 Vô tận san hà chợt cải trang.
 Khó héo màn che ve ấp ửng
 Tít mù sương phủ nhận kêu vang.
 La tha mấy cụm bên song cửa,
 Xào xạt năm canh phía mộng đàng.
 Ướm hỏi nàng thu nàng có biết,
 Nào nùng đêm ấy lạnh thêm trăng.

NGÔ-DIỀU

(Hoa - kiều, Lý sự trưởng — Nha trang)

XXXXIII

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng?
 Hồng tíu hồn đeo vẻ phụ phàng.
 Nước dọn trời xanh trăng lẫn bạc.
 Cúc phoi nhụy thắm phượng ươm tàn
 Hường vầy cánh vẽ rời non Bắc
 Ô kết cầu Ngăn đợi bến Giang
 Nhấp chén Hoàng-hoa say lại tỉnh
 Rộn ràng Xích-tử vịnh Thương-lan.

Tú-Tài nho học : NGUYỄN-THIỆU

(Xã Xuyên-Thái — quận Duy-Xuyên Quảng-Nam)

XXXXIV

Thu ơi! Ai nhuộm lá thu vàng?
 Thu lại miền Nam hóa diễm trang,
 Nước biếc, non xanh hòa khí sắc
 Mây lành, biển lặng hợp không gian.
 Giọng ca réo rắt ngày Hăm-sáu,
 Tiếng nhạc êm đêm buổi dạ quang.
 Thu đến bên ta người viễn xứ
 Ôm lòng sầu hận cảnh ly-tan!...

VŨ-HUYỀN-DU

(K.B.C. 6084 Đại đội 11)

(Còn nữa)

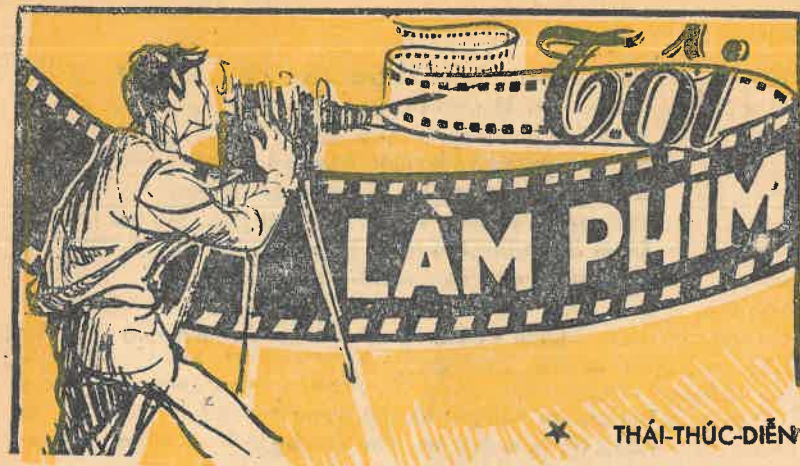
ĐÍNH CHÁNH

Trong bài số XXVIII của bà HỒNG-THIÊN trong P. T. số 20,
 trang 74.

Xin sửa lại 2 chữ sắp lộn :

Bóng nhận xa với cơn gió BẮC (in lộn la (lôc)

Tinh quê vương mãi ửng máy HÀNG (in sót chữ G)



★ THÁI-THỨC-ĐIỂN

(Tiếp theo P.T. số 20)

CÂU chuyện của M. kể lại khuya ấy, giữa chốn rừng sâu vắng lặng khiến cho chúng tôi bồi ngùi thương cảm :

• Năm ấy, khói lửa đang lan tràn trên khắp giang-sơn đất Việt. M. lên 16, cái tuổi bắt đầu hờn rồi vô căn cứ, buồn vợ vãn và thích làm trái ý tất cả mọi người.

Nhà M. ở vào một xóm nghèo heo-lãnh vùng ngoại-ô đô-thị vì gia-đình M. không lấy gì làm khá-giả.

Có thể nói khu vực ấy chịu ảnh hưởng tuyên truyền của kháng-chiến. Thường có những tin đồn nhiều thắng-lợi vẻ-vang. Và M. như mọi công-dân khác đã từng học sử-ký nước nhà cũng nuôi hoài-bảo một ngày kia trộn lẫn máu mình với máu

người để làm tròn bổn phận của người yêu nước. Ba M. là một cựu giáo-sư, vì thời-cuộc trở nên một dân thợ, tánh tình ngang-tàng của những người bất đắc chí. Ông ta đã từng xuất-duyệt đi tìm một chân-trời mới nhưng ở đâu cũng thấy dây-dây bắt-công...

« Đêm ấy, —M. nói— có lẽ khuya lắm thì phải. M. đang nằm ngủ ở chiếc ghế bố kê tại phòng ngoài bỗng nghe tiếng xi xầm, sực tỉnh, hé mắt nhìn theo ánh đèn. Bên chiếc bàn thờ kêch, M. thấy Ba M. đang to nhỏ với một chàng thanh niên lạ mặt. M. cố lắng tai nghe. Họ nói với nhau quá nhỏ, thỉnh thoảng vang lại những tiếng : « tổng tấn công... thắng lợi... đồng bào.., quân địch thất bại... » M. cố gắng nằm yên... và suy nghĩ. Lối xóm thường

đồn đãi có một ban tuyên truyền bí mật đang hoạt động trong địa phương. M. tò mò mong gặp mặt các người gan dạ đó.. M. chú ý đến nét mặt của chàng thanh niên rắn rỏi, nắng sạm đầy vẻ cương quyết. Nhất là đôi mắt đăm đăm long lanh dưới ánh đèn, có một sắc thái bén nhọn quuyền rũ. M. bỗng cảm thấy mến con người lạ mặt và ước mơ cuộc đời sống gió của chàng.

Giọng chàng ăm ăm, đầy tin tưởng khiến cho M. tưởng thấy từng đoàn quân, những đũa con thân yêu của đất nước đang hăng hái tiến lên... rồi M. thiếp đi. Đến lúc mở mắt thì trời đã sáng và người lạ mặt cũng bỏ đi tự bao giờ. M. muốn hỏi Ba nhưng lại sợ. Thật là nao nức...

Bảng đi một dạo, rồi một chiều mưa, người lạ mặt ấy lại đến. Anh ta đến với mục đích là gặp Ba M. có chuyện cần... Nhưng Ba Má M. đều vắng mặt. M. lấy làm hãnh diện được tiếp đón anh ta. Lúc ấy làm sao ấy, hình như chúng tôi đã quen nhau tự thuở nào ! M. nói đối Ba Má sẽ về trong chốc lát. Cái chốt lát ấy kéo dài đến lúc hoàng hôn xuống. M. đốt đèn... Ánh đèn lại nổi bật nét mặt gió sương của người khách lạ. Giọng M. lúc bấy giờ có lẽ thành khẩn lắm nên đã khiến cho X. nói rõ cả họ tên và vai trò của X. trong công cuộc đánh lại Độc-Lập cho nước nhà. *X. đến hoặc đi ngang tạt ghé nhiều lần. M. và X. trở nên thân

mật. Ba Má không quá nệ cô nên sự tiếp xúc không bị hạn chế và nghi kỵ. Và lại X. có những cử chỉ thẳng thắn gieo tin. Một hôm M. ngỏ ý muốn theo X. lên khu. X. ngập ngừng.. nhưng về sau hẹn một ngày sẽ đón M. tại một ngã ba đường...

M. không quên xin phép Ba Má. Ba bằng lòng nhưng Má còn đợi Ba thuyết phục mới khứng chịu.

Chiếc xe ngựa lắc lư trên con đường gập ghềnh lồi lõm. X. và M. như hai anh em ruột về thăm ngoại.

Chiều xuống.. Con đường quanh co đưa đến một khu rừng hoang vắng soi mình trên một giòng sông lững lờ.. Tiếng gà rừng, tiếng vượn hú những âm thanh kỳ diệu, M. chưa từng bao giờ nghe thấy làm cho M. bồn chồn quá đời. X. yên lặng rảo bước, ít nói chuyện, M. ngỡ ngỡ không dám hỏi nhiều.

Đêm đến, X. và M. cùng bước vào một khung cảnh đã từng mơ ước từ lâu khiến M. vô-cùng xúc-cảm. X. giới thiệu M. cho các bạn đang quây-quần bên bếp lửa. Nét mặt của họ, phản chiếu sự nhọc-nhân lao-khò, nhưng vẫn cương-quyết tin-tưởng lạ-lùng. Họ đang kể cho nhau nghe những chiến - công của những người ngoài kia ..ngoài đạn lửa. Giọng nói của họ có mảnh - lực hấp dẫn vô-cùng. Mọi người chăm chú nghe mãi cho đến lúc lửa tàn....

Đêm ấy M. chia chẵn cùng một chị nữ-cứu-thương có đôi mắt

long lanh, và thao-thức mãi cho đến khi tiếng chim từ-quy vang dậy.. Tiếng từ-quy thê-lương cô-quanh làm sao.. Và cũng như đêm nay M. đã khóc...»

— Rồi sao nữa M., giọng của A.T. ngái ngủ vang lên, trong khí M. như nghẹn ngào...

Rồi... M. tiếp M.: « trở về đô-thị.. Ít lâu, X. ghé lại chào Ba Má và M. lên đường đi công tác tận một nơi có lẽ xa lắm. M. không dẫn được lòng khóc.. X. nét mặt vẫn bình-tĩnh cương quyết không đượm buồn:

— Chúc M. ở lại mạnh - vui để chào đón ngày chiến thắng...

Lúc X. đi khỏi, Ba Má nhìn M. ái-ngại:

— Buồn mà chỉ con. Ảnh đi rồi ảnh sẽ về.. Về rồi tha-hồ mà vui...

Nhưng, cái mộng sống chung với X. dưới một mái nhà không bao giờ thành-tựu.

Rồi Hiệp - định Genève.. X. không thấy trở về. Một hôm, có một người lạ mặt ghé lại nhà, trong lúc M. đi vắng.

M. nhớ đêm ấy Ba Má nói chuyện rầm-ri với nhau lâu lắm.. M. thì thao-thức mãi, trở qua trở lại và thấy nóng ruột lạ thường... Đến khuya, Má M. bước đến cạnh giường vén mùng ngồi xuống cạnh M. nhỏ-nhẹ hỏi:

— Con ngủ chưa con, M.!

— Gì vậy Má?

Má M. ngừng một lúc lâu rồi bỗng nói rất nhanh:

— Anh X. chết rồi con ạ.

— Sao Má biết? Má đừng nghe họ đồn bậy!

— Chết trong trận Đ.B.P. mất cả xác... Tội-nghiệp!

M. không nói thêm được một câu nào, lịm đi... và không khóc được nữa. Tin ấy đến quá đột-nhiên và M. bỗng thấy đời đen tối lạ-lùng..

Tiếng chim từ-quy đâu đó cất tiếng kêu khoắc-khoái..»

Chúng tôi im lặng nhìn ánh lửa tàn... để cho M. khóc... khóc nữa cho vui nổi buồn bất tận...

Anh Đạo diễn ở đâu lù lù đi lại, đưa tay xem đồng-hồ...

— Gần 5 giờ sáng rồi đấy! Sửa-soạn thì vừa! Mai đây còn nhiều đoạn quan-trọng... Phải quay gấp buổi sáng... sợ chiều mưa... Chà! lửa ấm quá nhỉ! Sao? cô M. khóc hả. Nhớ nhà chứ gì! Thôi chịu khó tí chiều nay xin đãi các Cô đi coi tuồng Fenêtre sur cour của Chúa Hit! O.K. chưa?...

Tôi ngoảnh lại không thấy A.T. đâu nữa, trời đã hừng đông.. Tôi đổ giốc xuống suối định đi tắm. Khi ngang qua gốc cây si, thấy có dáng người dựa bên gốc, đờ-đẫn như một khúc gỗ. Tôi bước lại gần, đưa tay lay thì ra A.T. đang gục đầu vào thân cây khóc muối...

Trưa khi ấy, quay xong các màn, trừ một. Màn này theo đạo diễn phải quay bằng cách lấy góc ảnh

phóng xuống (plongé). Mà ở giữa rừng sâu suối thẳm này tìm đâu cho ra một cái xe cần-trục để treo « máy-bác-thợ-quay, phụ-thợ-quay » tòng-teng lên giữa lưng-chùng trời để quay cho được góc ảnh « à la Hit-Cốc » của Đạo-diễn....

Chúng tôi đang ngồi suy-nghĩ để giải-quyết cấp-tốc cái chỗ « chân đứng » của bác thợ quay thì đạo-diễn rú lên một tiếng thất-thanh. Tôi giật nảy mình đánh thót một cái, ngó ngoái lại nhìn, tưởng rằng đạo-diễn đã bị cộp công đi mất hay bị kiến vàng nhốt trúng mông, thì chỉ thấy anh ta một tay chỉ lên trời mồm há-hốc... Theo chiều tay chỉ tôi đưa mắt nhìn thì thấy nơi chia ba của một cảnh nơi một thân cây thẳng đuột cao ngất, anh L. đang nằm vắt vẻo. Anh L. là phụ-tá thợ quay chuyên-môn sửa, « mi » ống kính. Tôi đang tìm hiểu làm sao anh L. lại có thể treo cao như thế thì anh ta cười lớn và chỉ vào mấy sợi giây leo lòng-thòng xuống. Có tiếng vọng lại.

— Tarzan nổi giận đấy!

Rồi anh hú lên một tiếng vọng đi khắp cả khu rừng.

Nhìn xa, tôi trông anh ta như một con khỉ đột với chiếc quần đỏ hoét chiếc áo rằn-ri. Anh em vỗ tay hoan-hô. Có kẻ bảo, anh này hồi trước ở trong gánh xiếc Trần-Nhật-Tân chuyên môn nhào lộn trên giây...

Tim được chỗ « chân-đứng » liền phải nghĩ cách đem máy lên. Anh X.T. phụ đạo - diễn đề-nghị dùng cáp móc vào đít xe hơi tung đầu, còn một đầu cột chiếc thùng đựng máy. Sợi giây sẽ vắt ngang qua cành chia ba làm như cái róc-rách thiên-nhiên. Đề-nghị được áp-dụng. Bấy giờ nhìn lại máy nằm chính ỳnh trong chiếc thùng tòng-teng mới rõ cái tài chế-biến của người mình.

Máy lên tới chia ba đã có anh « Tarzan » hừng hẫy, khệ nệ đặt, buộc chân gắn kỹ-càng vào các cành. Giờ đến lúc « bốc » bác thợ quay lên. Bác cũng lên một đường với máy, bình tĩnh, vì bác đã từng được máy « bốc » ở hải cảng kéo lên đặt xuống nhiều lần trước.

Tội nghiệp cho anh L. phải nằm vắt-vẻo lên một cành, vừa phải kiến vàng, vừa « mi », trong khi tài-tử tập đuột đi từ xa đi lại.

Anh em mời đạo-diễn lên chia ba chơi, nhưng anh ta nói không thích leo cao vì sợ té nặng, chẳng thấy chân đung dặt...

Đoàn này quay rất nhanh, nhưng sắp-đặt, kéo dài rất lâu. Ai nấy thấy kiến bò trong bụng cả và nhất là khát nước... thì Tarzan từ trên chòm cây đu giây xuống đem theo cái thùng lúc này với một thùng đầy « lòng-bong »... những quả tròn, bé, mùi vàng rom sao mà ngon thế!

Bỗng-nhiên nữ tài-tử N. rú lên. Chúng tôi chạy lại thì thấy mấy

chú sên đen ngòm đang nhường
minh hưởng theo « hơi người ».
Tarzan lẩm bẩm :

— Cái tụi sên mắc dịch mà
cũng biết nhận định mùi tài tử
nữa hả ?

Anh em cười rộ !

— Mấy anh quỉ này nữa ! Người
ta sợ thất hồn đày nê, còn cười !

Bỗng có tiếng ré lên :

— Ủa ! gì vậy ?

— Nó nữa !

— Nó ? gì ? ai ?

— M. nhìn kỹ, mặt ửng hồng.

Con rầu hổ đất ghé rợn chỉ là
một nhánh cây khô rúm.

— Bắt đền Ô. Đạo diễn đã gieo
cái dịch rú ! tại ông rú lên trước
bây giờ ai cũng rú theo cả !

— Có tiếng rú nữa kia !

— Hú, hú ! Cơm chín rồi... Tất
cả cất lên một tiếng : « A » thoải
mái...

— Rú cơm rú gạo như vậy
mời đúng chờ !

Anh « Tarzan » vừa gãi cánh
tay bị kiến đốt vừa đứng dậy
uê-oài...

(Còn nữa)

★ CHẠM ĐẾN QUYỀN LỢI

Bác sĩ. — Ông hãy để trí nghĩ yên. Đừng lo gì cả, thì bệnh
chóng khỏi.

Bệnh nhân. — Món tiền thuốc của bác sĩ, tôi không biết xoay
làm sao để có trả cho bác sĩ.

Bác sĩ. — Ấy, cái món đó thì phải lo có cho tôi, không tôi đưa
ra tòa đấy.

★ THỰC NGHIỆM

Tuấn. — Anh à, cái ca-rốt là món ăn chánh của giống thỏ.
Do đó, tôi suy nghiệm và tôi quả quyết rằng ăn củ ca-rốt làm cho
mắt mình sáng.

Khanh. — Anh lấy gì làm chắc ?

Tuấn. — Chớ anh thấy có con thỏ nào mang kiện cận-thị
đâu ?

★ TỪ CHỐI KHEO

— Anh a, tôi có việc cần, anh cho tôi vay tạm 500đ.

— Khờ chưa, những lúc tôi có, anh lại không hỏi.

— Những lúc nào anh có ?

— Những lúc mà anh không hỏi.

T.L.L.



★ XỈA RĂNG

Sau bữa ăn, hoặc
trong bữa ăn, trước
mặt mọi người, bất cứ
là khách lạ hay bạn bè thân
thuộc, phép xã giao thông thường
mà các bạn đều biết, là buộc
chúng ta không được há miệng
mà xỉa răng. Nhiều người nhe
cả hàm răng ra mà thọc que tăm
vào xỉa, một cách hết sức bất
lịch-sự. Chúng ta phải triệt để
tránh cử-chỉ đó.

Đa số người lấy bàn tay che
miệng để xỉa răng, và xỉa thật
lâu, đó cũng không phải là một
cử-chỉ tốt đẹp lắm đâu. Vì làm
như thế trước mặt mọi người,
khác nào như để cho mọi người
công-nhiên thấy rằng « tôi
xỉa răng đây » !

Tốt hơn, và nhã-nhận hơn hết
là ta xỉa răng một cách kín-dáo
mà tự-nhiên hơn một chút.
Không cần đưa cả bàn tay trái
lên để che miệng. Tay mặt cứ
cầm que tăm xỉa, nhưng mấy ngón
tay liệu che bớt que tăm ở phía
ngoài, và vẫn ngậm môi. Như
thế, mấy ngón tay phải vừa che
cái que tăm vừa che miệng và xỉa
răng thông-thả, làm như là mình
không chú-trọng đến việc xỉa
răng mà cũng không ai để ý.

Chúng ta nên nhớ rằng trong
bữa ăn với bạn-bè, khách-khứa,
nhứt là trong các đám tiệc, xỉa
răng là một việc bất-đắc-dĩ. Cho
nên khi nào cần-thiết lắm, như bị
miếng đồ ăn dính vào khe răng

★ CÔ BÌNH MINH

làm cho ta khó chịu nhai không được thì ta mới xia nó ra. Còn như không khó chịu, thì thôi! Để ăn xong, lúc về nhà hãy xia răng và súc miệng luôn thề.

Chúng ta lại nên tránh hai điều này :

1) Xia răng xong rồi, là kín đáo rút que tăm đi, chớ không nên ngậm que tăm trên môi mà nói chuyện. Nhiều người lại ưa ngậm que tăm nơi khoe miệng và cười nói, thật không đẹp tí nào.

2) Ra đường, không nên xia răng.

* HO VÀ HỈ MŨI

Trong bữa ăn, lỡ chúng ta muốn ho, hoặc hỉ mũi, thì chúng ta luôn luôn phải đề khăn tay trên miệng, nhưng đừng mở to cái khăn ra. Cứ nên đề khăn gấp tư, và kê quây ra phía sau mà ho, chớ đừng ho ngay trên bàn ăn. Lúc ngồi phòng khách nói chuyện cũng thế, luôn luôn quây ra một bên, và đừng mở khăn to ra như cái quạt vậy. Ho hoặc hỉ mũi xong là gấp liền khăn bỏ vào túi, chớ trước mặt người ta đừng nên mở khăn ra để lộ lại bề kia. Triệt đề không nên hỉ mũi xuống đất.

Nếu mình ho nhiều quá, thì nên xin lỗi đứng dậy đi ra ngoài

hè, một chỗ vắng, mà ho cho đã, rồi hãy trở vô. Ngồi giữa đám đông, mà cứ ho khục-khặc hoài, là một điều không lịch-sự. (Tôi thành thật khuyên bạn, nếu rủi rø hôm nào bạn bị cảm gió, bị ho và sổ mũi hoài, thì không nên đến nơi tiệc-tùng, hoặc nơi hội-họp xã-giao có đông người. Tốt hơn, gặp trường-hợp ấy, bạn nên nằm nhà, đắp mền xem sách).

* NGÁP

Lúc ngáp thì nhất định, là phải lấy bàn tay che miệng. Nhưng có cách ngáp êm đẹp hơn là mím chặt đôi môi và nuốt cái ngáp vào cho mau, chớ đừng há to miệng để ngáp thả dàng, coi không được đâu, bạn ạ. Nhiều người ngồi trước mặt bạn bè, không ngượng ngùng mà ngáp lưng ra dựa ghế, giơ hai cánh tay lên đầu, há miệng thật to, ngáp một cái thật dài rồi còn "ối" một tiếng để chấm dứt cái cử chỉ vô lễ ấy.

Dù là ngồi với bạn bè thân mật, chúng ta cũng không nên có tật ấy.

Ngồi đối diện với người khác lạ, hoặc người lớn hơn, chúng ta nên tránh được cái ngáp chừng nào hay chừng ấy. Nếu mình thấy buồn ngủ, hoặc câu chuyện

nghe chán lắm rồi. Thì mình nên tìm cách xin cáo lui, nếu mình là khách, hoặc nếu là chủ nhà thì mình giả vờ xin lỗi đứng dậy đi pha thêm nước, hoặc đi lấy một gói thuốc, một hộp quẹt, v.v... để trong lúc quây lưng đi tha hồ mà ngáp.

* CẠY MÓNG TAY

Thường thường mặc dầu chúng ta đã rửa tay sạch sẽ lắm rồi, mà ngồi làm việc gì một lúc bỗng đứng mình ngó thấy móng tay đóng ghét dơ òm. Nếu bạn thấy vậy trong lúc bạn đứng ngồi nói chuyện với ai, bạn nên đợi người ta đi rồi, hãy cạy ghét móng tay. Chớ trước mặt người ta, bạn đừng cạy móng tay, bần

lắm, và mắc cỡ chết.

Một lần tôi ngồi nói chuyện với một ông Hiệu - trưởng Tư thực, quen biết nhiều. Giữa câu chuyện có lẽ ông chợt thấy mười đầu ngón tay của ông đóng ghét đen thui, ông vội vàng lấy cái đinh ghim rồi đề bàn tay trên bàn mà cạy ghét. Tôi không hiểu tại sao ông làm như thế trước mặt một người bạn gái, mà ông không ngượng. Dù là bạn gái hay bạn trai cũng thế, chúng ta không bao giờ nên phô bày cái bần thiu của ta ra cho người khác thấy. Làm như thế là mình không tự trọng mình và cũng không biết trọng người bạn.

* CHỒNG HIỆN HỒN

Một bà nọ cầu-cơ đề gọi hồn người chồng vừa chết đề hỏi :

— Phải mình đó không ?

— Phải, anh đấy.

Bà nọ lại hỏi : « Mình có được hạnh phúc không ? »

— Anh hạnh phúc lắm ! »

— Mình có được sung sướng thành thời no ấm như lúc còn sống ở với em không ?

— Anh sung sướng và out về, thành thời lắm !

Bà nọ rất an lòng. Lại hỏi :

— Thế hiện giờ đây mình ở đâu ?

Hồn ma đáp : « Anh đang ở địa ngục đấy ! »

C.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

VII

(tiếp theo P.T. số 20)

THẾ là tôi ở đây, thắm-thoát đã qua một tuần lễ. Trong bảy, tám ngày trời đó, trừ một vài bận, tôi được gặp ông, bà Thê-tu-Lãng, lúc giờ ăn, còn ngoài ra, cơ hồ như chẳng mấy khi tôi được gặp mặt ông bà. Thường thường, chỉ có mỗi một mình tôi ngồi ăn ở trong cái phạm-sảnh vô cùng hoa mỹ. Riêng với ông

Thê-tu-Lãng, tôi lại ít khi được hầu chuyện, mà, cũng chẳng bao giờ, ông có hề hỏi qua tôi, về cái công việc của tôi, nó đã tiến hành ra sao và tới đâu. Một đôi khi, tôi ngồi nói chuyện với thái - thái Thê-tu-Lãng, thì bà toàn đàm - đạo với tôi về những vấn-đề ở đâu đâu, nó chẳng dính dáng mấy may tới việc cô tiểu-thư con bà. Hình

như bà cũng chẳng an bài để tôi có dịp gặp mặt cô. Tôi có cái ấn-tượng, một khi bà đã trao cho tôi tấm ảnh của cô, thế là đủ, để cô, tai qua, bệnh khỏi, vậy.

Ngày, ngày, tôi thay quần áo chỉnh-tề, tôi phòng chữa sách, để phiên duyệt một mớ những sách ọc tạp-nhập. Tôi đàm chán ngán, nên chẳng có tâm sự nào để đọc sách nữa. Phiên-duyet sách chán rồi, tôi đi bách bộ vòng quanh trong phòng.

Tất cả đồ vật trong gian phòng này, đều có vẻ thân thuộc với tôi. Ngoài ba chiếc ngăn kéo có khóa, ở bàn viết, mà tôi chẳng hề mở ra coi, còn tất cả các ngăn khác, đều thuộc quyền xử dụng của tôi, nên tôi đem mấy thức linh tinh, bỏ vào đó, rồi tôi ngồi ngay ở đấy, để phiên-duyet hết pho sách này, tôi pho khác; có hôm, tôi viết vài lá thư chẳng quan-trọng gì; và ăn chưa xong, tôi đánh một giấc ngủ hơn một giờ. Cuộc sinh-hoạt của tôi, tự-hồ rất nhàn - hạ, nhưng tâm tôi không yên; lúc nào, tôi cũng áy-náy, lo âu; tôi không còn biết tinh sao, làm sao, cho vừa lòng, đẹp ý nữa.

Trên chiếc bàn con, có để một máy điện-thoại; nhiều lần, tôi định bụng gọi y-sư Xa-lạp-Mỹ, để nói chuyện, nhưng tôi đắn đo chán, rồi lại thôi, không dám làm phiền ông, vì, công việc này, ông đã từng nói, ông

giao nó cho tôi và tôi có toàn quyền hành động. Sau cùng, tôi gọi giầy nói cho một người khản-hộ, để hỏi về tình hình của ông lão bệnh-nhân, ở y-viện, mà bấy nay, tôi vẫn thường quan tâm tới.

Buổi chiều, cuối tuần, y-sư Xa-lạp-Mỹ phái người mang đến cho tôi, hai khẩu súng tay và một sấp máy chục viên đạn, đó là món khí-giới mà y-sư đã lĩnh ở cảnh-sát-sảnh về cho tôi.

Nhân đó, tôi mới nghĩ tới việc tôi phải làm tờ báo-cáo cho y-sư, nhưng, tôi biết báo-cáo những gì bây giờ? Cầm quản bút trong tay, tôi phân-vân nghĩ ngợi, tôi thấy vô cùng thất-vọng và khổ tâm. Viết xong vài trang giấy, tôi không thể không lòng tự bảo lòng, tôi đã nói nhiều điều sai hẵn sự thực. Cứ thế, viết xong rồi xé đi, xé đi rồi lại viết, rút cục, tôi viết quách ngay một lá thư xin từ chức, vì, ngày giờ đã khá lâu, mà công việc tôi đảm-nhận, chẳng tiến hành được một tý, một ly nào, gọi là có; như thế, thà tôi xin thôi đi, để cho người ta tìm một người khác, có đủ tài năng hơn mình.

Bắt đầu lá thư, tôi nói về y-sư rõ, tôi đã hầu chuyện thái-thái Thê-tr-Lãng và bà có cho tôi biết về trạng huống đã qua của cô con bà. Tiếp đó, tôi đã phân-triết minh bạch bệnh tình của cô, mà cái nguyên-nhân chính của cái bệnh tình - thần kia, hoàn toàn do cái không khí

quá nghiêm-túc của cái gia-đình cô-điền ấy, mà ra. Tất cả những biến thái của hành vi của tiêu-thư, chẳng qua, chỉ là sự phản-kháng đối với cái hoàn cảnh buồn thảm, vắng lặng kia ; sau nữa, là do sự phát tiết của các hoạt-lực của tuổi xuân.

Thư đến, tôi báo cho y-sư rõ, cho đến bây giờ, tôi cũng chưa hề được gặp mặt tiêu-thư Thê-tư-Lãng. Kể ra, theo với cá-tính của tôi, cái không khí trầm muộn ở đây, là cả một sự áp bức, nó làm cho tôi, ngày ngày, muốn tiến hành một ý-định gì, cũng không sao làm nổi. Có lẽ, tôi không có đủ năng lực chăng, vậy, tốt hơn hết, xin y-sư hãy mau mau chiêu tuyền lấy một người khác, có cơ-linh, có một khối óc hoạt-bát hơn tôi, vì, tôi e rằng, rồi đây, không những tôi chẳng y trị nổi cô tiêu thư đó, mà, chính tôi, tôi cũng đến cơ, mắc phải bệnh loạn óc nốt, chứ chẳng không !

Sau đó, tôi bèn giao bức thư cho ông quản-gia, đề ông đem gởi đi giùm tôi. Ngay ngày hôm sau, y-sư Xa-lạp-Mỹ trả lời tôi bằng điện-thoại, ông khuyên tôi nên nhẫn nại và nỗ lực tiếp tục công việc, vì, đó không phải là một công tác phải làm xong, chiều hôm, sớm mai, hay, đêm mười bữa.

Tôi còn biết nói sao bây giờ ? Và lại trước đây, tôi chẳng đã ký với y-sư, một tờ chỉ nguyện thư, mà trong đó, tôi đã hạ

bút ký tên hẳn hoi. Không những thế, y-sư đối với tôi, bao giờ cũng hết sức thành ý và tín-nhậm ở tôi ; ông luôn luôn cố-lệ tôi, và tôi phải đem hết dũng khí ra, để hoàn thành trách nhiệm.

Từ đó, mỗi ngày, tôi phải nạo óc, để cố tìm ra lấy một biện pháp, mà thi hành nhiệm vụ.

Ước chừng vào khoản bữa, thứ mười ba, mười bốn gì đó, lúc đó trời đã khuya, ở ngoài, trăng sáng vàng vạc, tôi đương ngồi ở trong phòng, mê mải đọc một cuốn sách nói về bệnh tinh thần, thì bỗng, ở cửa sổ, có ánh đèn chiếu qua, và, gần đó, có tiếng máy rú của xe hơi. Tôi bèn đứng lên, đi ra phía cửa sổ, nhìn ra ngoài ; tôi vừa kịp trông thấy rõ chiếc xe màu xanh, chạy vụt ra đường cái ; chiếc xe này, tôi nhận rõ là xe của tiêu-thư Thê-tư-Lãng, không sai.

Ngay lúc ấy, tôi định bụng đi đuổi theo cô ta, nhưng, tôi đương bận bộ đồ ngủ, nếu tôi mặc được quần áo vào, thế nào cũng mất nhiều thì giờ ; phần thì, chiếc xe dành cho tôi, tôi chưa hề dùng qua nó, sao tránh cho khỏi sự bỡ ngỡ, mò mẫm, như vậy, tôi sẽ không tài nào đuổi kịp cô. Vì các lẽ ấy, tôi đành chờ tới một dịp khác, vậy, và trong khi đương tả tữ, hữu tưởng, hốt nhiên, tôi vụt nhớ tới Hải Lan, cái cô con gái hầu

cận của tiêu thư Thê tư Lăng mà từ hôm tôi gặp ở tiêu sảnh của thái thái, tôi đã quên khuấy hẳn đi. Hải Lan, trong nhà này, quả là một người khá trọng yếu, đối với nhiệm vụ của tôi hiện thời ; chẳng có thế mà, thái thái đã dặn tôi, muốn cần biết điều gì, cứ việc hỏi cô em. Sở dĩ tôi đã không nhớ tới Hải Lan là vì, từ bữa đó, nhần nay, tôi nào có được gặp mặt cô đâu.

Sáng ngày hôm sau, khi ăn điểm tâm xong, tôi bèn nhờ người quản gia đi mời Hải Lan tới chỗ phòng chứa sách. Cô tiến tới trước mặt tôi, một cách rất tự nhiên ; có một điều tôi nhận thấy rõ, là hình như cô đã chuẩn bị từ lâu để gặp tôi. Cô cúi đầu chào tôi, tôi cười đáp lại và niềm nở mời cô ngồi, cô ung-dung ngồi xuống chiếc ghế, đối diện với tôi. Tôi nói :

— Cô Hải Lan ! có lẽ, cô đã rõ cái sứ mệnh của tôi ở đây, thì phải ?

— Thưa tiên sinh có, tôi đã được thái thái nói cho biết cả đầu đuôi.

— Chắc cô đã rõ, từ hôm tôi đến đây, tới nay, tôi chưa được hội kiến tiêu thư.

— Thưa tiên sinh, việc ấy quả thực là khó khăn, vì, tiêu thư không muốn gặp, bất cứ ai...

— À, thế cô đã có bàn bạc gì với tiêu thư về tôi, một người lạ mới tới biệt thự này, không ?

— Thưa có, vì Thái thái có nói qua rằng, lão gia mới dùng một

người để chỉnh lý các thư văn ở phòng sách ở đây, nhưng, tiêu thư chẳng lấy thế làm lạ, mà cũng chẳng hề có một phản ứng gì cả.

— Cô ạ, thiệt tình, tôi không hiểu sự sinh hoạt của tiêu thư ra sao ? Xin cô làm ơn cho tôi rõ, hàng ngày, tiêu thư làm những việc gì ?

— Có khi, tiêu thư nằm cả ngày ở giường; có khi, tiêu thư suốt ngày ở ngoài, không về nhà, ít lâu nay, hôm nào, tiêu thư cũng dậy rất muộn, và, cứ đến nửa đêm, thì đánh xe đi.

Thế tiêu thư không dùng bữa ở nhà sao ?

— Thưa có chứ, nhưng, chúng tôi phải để phần cơm của tiêu thư ở trên phòng, lúc nào tiêu thư muốn ăn thì dọn ra.

Tôi lặng thinh không nói gì nữa, đồng-tư tưởng của tôi, cơ hồ như bị ngưng đọng lại. Hải Lan đương cặp mắt kinh nghi, nhìn tôi, về phần tôi, tôi bị cái gương mặt mỹ lệ của cô thôi miên hồi lâu. Bỗng, một thứ linh cảm, làm tôi thức tỉnh trở lại. Tôi nói :

— Cô Hải Lan ạ !

— Tiên sinh muốn nói gì, kia ạ ?

— Cô ạ, quả tình trước khi tôi đảm nhận công việc này, tôi có ngờ đâu tới ngần ấy sự khốn nan, ngay đến việc hội kiến với tiêu thư thôi, cũng đã vô cùng phiền nhiễu, khó khăn rồi. Không biết cô có nhận thấy không ? Chứ, sự sinh hoạt ở trong cái hoàn cảnh

này, có một nỗi buồn thảm rất
đôi là khốc hại. Mấy hôm trước
đây, tôi đã có biên thư cho y sư
Xa Lạp Mỹ, đề xin từ chức, nhưng
ông nhất định không nghe. Tôi
lấy chân tình nói thật với cô, tôi
không còn có một tí tin lực nào
để chữa chạy cho cái bệnh của
tiểu thư Thê tư Lăng. Tôi sợ, chữa
biết chừng, chính tôi cứ ở mãi

nơi đây, tôi cũng sẽ bị cái bệnh
tinh thần quái ác kia áp đảo nốt,
cô nghe chưa?

—

Hải Lan chỉ lặng yên. Cô quay
đi nơi khác, để tránh cái nhìn
soi mói của tôi.

(Còn tiếp)

* SỢ MẶC CỜ

Tỷ bảo cậu chủ nhỏ :

— Ở kìa, đi ngủ mà cậu ăn mặc chững chạc như thế làm gì.

Lại đội cả mũ nữa.

— Mà y không biết. Tối qua, tao nằm mơ thấy đi giữa phố
mà lại trần truồng, ngượng đến chết. Mặc thế này, có đi, chẳng
sợ nữa.

* NGHỆ THUẬT TRẢO LỘNG

Đồ đốc Byrd, vừa mất đôi năm rồi. Vốn là một nhà thám-
hiểm tiếng tăm lừng lẫy. Buổi nọ, ông đến dự tiệc ở nhà một
bạn thân. Khi ông đứng lên để khiêu vũ với bà chủ nhà, ông
chủ nhà đã làm quan khách cười ầm lên khi ông bảo :

Đồ đốc ơi, lần này, nhớ đừng thám hiểm nhé.

* NHÀ NGHỀ

Nhà báo phỏng vấn vợ một văn-sĩ viết truyện trinh thám :

— Lúc ông nhà viết, bà luôn luôn ở bên cạnh ông ?

— Vâng, vì những truyện trinh thám anh ấy viết rất khủng khiếp
nên anh không dám ngồi một mình.

T. L. L.

Y-học phổ thông

XIN MỜI CÁC BÀ
CÓ BẦU

ĐI THĂM THAI

0000

M ỖI buổi sáng ở nhà
thương Từ-Dũ, đường
Cống Quỳnh Saigon, có hơn
một trăm bà, trẻ có, đứng tuổi
có, đến chờ đợi ngón ngang,
đứng, nằm, ngay tại phòng nhận
bệnh sát bên chỗ cửa ra vào, có
nhiều bà bụng đã khá to, có bà
"bụng chửa vượt mặt" có bà bụng
còn nhỏ, phải khéo nhìn mới
thấy, tất cả chờ-đợi tới lượt để
bác sĩ thăm thai.

Thăm thai là gì ? Thăm thai
là công việc và cũng là bổn phận
đầu tiên và tối quan trọng của các
bà đã có bầu. Bác sĩ thăm thai
cho các bà mẹ tương-lai này, sẽ
căn dặn những điều về ăn uống,
đi đứng, làm lụng, nghỉ ngơi ...
nghĩa là tất cả những điều cần-

* HOANG-HOA

thiết để giữ gìn và nuôi nấng cái thai trong bụng.

Ngoài ra bác sĩ còn chỉ bảo cho những bệnh tật dễ dễ phòng hay là nếu đã có, thì dễ chữa chạy ngay.

Nói tóm lại, thăm thai là để giữ gìn, săn sóc người có thai, cốt sao cho lúc sinh nở được dễ-dàng, ít tổn sức, để cho hạ sinh được một đứa trẻ «tươi tốt» và để bà mẹ đủ sữa nuôi con, đủ sức chăm nom đứa trẻ sơ sinh, làm tròn thiên chức mà Tạo-hóa đã ban cho. Một đôi khi có những điều ngán trái lúc sinh-nở thì đi thăm thai cũng là một dịp may để trừ liệu dễ phòng và nếu chẳng may, kết quả không tốt lắm, thì thăm thai biết trước cũng là một cách giảm bớt những đắng cay, đau khổ...



★ THĂM THAI NHƯ THẾ NÀO ?

Khi các bà mới vào một Y-viện, trước tiên các bà khai lý lịch cho một người thư ký hoặc ngay chính cho bác sĩ phụ-trách tại đó. Các bà đừng e lệ gì, và xin khai thật rõ ràng, rành mạch, để việc thăm thai, hoặc chữa bệnh sau này mới dễ dàng và có hiệu quả.

Bà sẽ cho biết tên, tuổi, nghề nghiệp của bà (có nhiều nghề-nghiệp ảnh hưởng tới vấn đề thai nghén).

Bà cho biết bà đã sanh đẻ bao nhiêu lần : bao nhiêu lần sanh đủ tháng, bao nhiêu lần sanh non, bao nhiêu lần sảy thai và có bao nhiêu con hiện nay còn sống.

Bà lại cho biết ngày đầu tiên của kỳ kinh nguyệt cuối cùng, trước khi thụ thai. Ngày này tính theo dương lịch. Tuy nhiên, nếu bà chỉ nhớ ngày ta thì cũng được, vì rồi người ta sẽ giờ lịch ra để tính lại.

Bà cho biết thêm về ông nhà, nghề-nghiệp và tình trạng sức-khoẻ, cùng tình trạng sức khỏe của ông bà cụ sinh ra bà và các anh em, chị em. Nếu một người nào có bệnh truyền nhiễm, nhất là những bệnh như ho lao, giang mai... thì được ghi chú rất cẩn-thận.

Tiếp theo chính tự bà sẽ khai tất cả những bệnh tật đáng kể của bà từ trước như : ho lao, hoa liễu nếu có, sốt rét ngã nước, ban đỏ, lên đậu (trái) ...

Bà cũng kể thêm bà đã phải mổ lần nào chưa, những lần trước sanh đẻ có dễ-dàng không, kể lại tất cả những lần sanh trước

và bà tả rõ hơn về kỳ thụ-thai này, tắt kinh, nôn mửa, nhức đầu, sưng chân, tay v.v...

Một người y tá sẽ đưa bà đi cân, và đo áp lực mạch máu của bà. Những con số này giúp rất nhiều cho bác-sĩ. Sau đó người y tá sẽ lấy nước tiểu của bà để thử xem có đường hay an-bu-min (lòng trắng trứng) không, và thử máu để xem có mầm bệnh hoa liễu và cũng để, nếu trường hợp bà mất máu, muốn truyền máu thì biết rõ ngay máu của bà thuộc loại nào.

Bây giờ đến lượt bác sĩ khám xét bà. Việc khám xét này tỉ mỉ và gồm có khám sức khoẻ của bà, bác-sĩ khám lần lượt từ trên xuống dưới : mắt, mũi, miệng, răng (nhất là răng. Nếu bà có một cái răng hư, xin mời đến ngay một nha-y để chữa, vì sự thụ thai ảnh hưởng rất nhiều về răng, có thể làm cho đau nặng thêm). Bác-sĩ lại khám họng, khám cổ (để xem tuyến nội tiết Tyrôit (Thyroide) rồi khám vú.

Bác-sĩ lại nghe tim, nghe phổi, sờ xem gan và tụy tạng (rate) có bị sưng không ?

Sau cùng bác-sĩ khám thai tức là khám bụng và xương chậu (bassin).

Bác-sĩ đo chiều cao dạ con, nghe cái thai đập, khám xương chậu để xem xương chậu có bé quá hay siêu vẹo không, cũng cần phải sờ mó (toucher) để xem dạ con và phần trong của xương chậu.

Sau cùng bác-sĩ dặn dò bà những điều cần thiết và thể là xong việc thăm thai.

★
Rồi theo lời dặn của bác-sĩ, lại xin bà đến ngày bác-sĩ đã định để thăm thai nữa, lần này thì nhanh hơn.

Bà đi cân, thử áp lực mạch máu, thử nước tiểu, đo chiều cao của dạ con (chiều này cứ theo thời gian mà lớn dần) nghe thai.

Bà cho biết đại cương về tình trạng sức khoẻ của bà, và bà cho biết ngay bà đã thấy những triệu chứng nào khác thường không, thí dụ như ra huyết, đau đốn, nhức đầu, sưng chân, tay, mặt mũi (phù), táo bón v.v...

Những lần thăm thai về sau rất nhanh chóng, nếu trong người bà không có gì khác thường.



Xem như vậy việc thăm thai

cần thiết là nhường nào. Xin mời tất cả các bà có bầu đi thăm thai, vì chỉ có đi thăm thai, các bà mới thấu triệt việc dưỡng thai, cũng như có đi thăm thai, các bà có thể hỏi những điều mà các bà không biết rõ, hoặc nhiều khi không tiện hỏi như vấn đề giao hợp. (Thực ra thì có thể giao hợp đến gần ngày sanh nếu sự đi lại đó thật là dịu dàng, không đụng chạm gì đến thai, nhưng thông thường, chỉ đến tháng tám là cùng. Trong trường hợp người đàn bà đẻ sớm hoặc hay sảy thai, phải ngừng từ tháng thứ tư, thứ năm).

Các bà có thể thăm thai khi thấy mình thụ thai, và từ đó cứ mỗi tháng đi thăm một lần, đến tháng thứ bảy trở lên thì thăm hai lần và từ tháng thứ chín thì tuần nào cũng phải thăm thai.

Đề kết luận, muốn sinh nở được dễ dàng, muốn cho cái thai được "tươi tốt", muốn cho về sau này mẹ khoẻ, con mạnh, muốn tránh tất cả những sự không may xảy ra như đẻ non, thai ngược, hư thai, ra huyết nhiều v. v. ... Nghĩa là, muốn cho «mẹ tròn con vuông» thì với tất cả các bà có bầu, dù thế nào, cũng xin mời các bà đi thăm thai.

★ DANH NGÔN

Hạnh phúc là được yêu tất cả. Thiên tài, là đem mình phân phát cho tất cả. (Le bonheur, c'est d'aimer tout. Le Génie, c'est de se donner à tout).

Emile VERHAÉREN
(Thi sĩ Pháp)

★ ĐỜI ĐÁNG CHÂN HAY KHÔNG ĐÁNG CHÂN !

Một thanh niên đến hỏi bác sĩ chuyên chữa về tâm bệnh :

— Tôi thấy trong người uè-oài, không thích sống, đời đối với tôi là một cực hình, bệnh thần kinh của tôi đã đến mức cuối cùng rồi... Tôi buồn bã tâm thần... Làm sao chữa khỏi được, thưa bác-sĩ ?

— Chỉ có một cách là anh nên đi xem hát cho khuây khỏa... À! anh nên đi xem điều, có chú hề nọ diễn hay tuyệt, cười vỡ bụng lộn, vui lắm ! Người chết còn phải cười nữa... Chú hề ấy tên Ba-Tò...

— Ba Tò ? ! Bệnh nhân thờ dài. Nhưng chính là tôi đây!!!



★ CÔ PHƯƠNG THỤ

MÓN ỨN ỨẾ

Trong Phổ-Thông 20, tôi đã trình bày với các bạn về hai món: canh bí ngô và măng kho, nấu theo lối đồ chay, kỳ tới, tôi sẽ trình bày lại hai món ăn này nấu theo lối đồ mặn thường ngày.

P.T.

★ CANH BẦU

VẬT LIỆU :

Khúc bầu độ chừng một gang tay (thứ non).

10 con tôm, một muống nước mắm.

2 củ hành, 2 đồng bạc ruốc, Muối, tiêu, ớt bột, vài cọng hành lá.

CÁCH LÀM :

Bầu gọt vỏ, hớt ruột, xong

đem rửa sạch vớt ra để cho ráo nước khi ấy hãy xắt ra từng sợi nhỏ (độ lớn hơn sợi bún một chút). Tôm lột sạch vỏ tao với hành, ớt, tiêu, nước mắm, muối, đổ vào một tí nước, chờ sôi, tôm thấm đều hãy đổ thêm nước ruốc đánh tan với nước chế thêm vào.

Nấu, chờ nước sôi đều, bỏ bầu vào. Xem chừng bầu vừa chín tới phải nhắc xuống ngay, chờ để bầu chín quá không ngon. Xong, lấy hành lá xắt nhỏ bỏ vào, múc ra bát dọn ăn.

★ CÁ THỆ KHO RAU RĂM

VẬT LIỆU :

Chục con cá thệ,

Một ít rau răm, một miếng thịt ba chỉ vừa bằng hai ngón tay, 1 muống cá phê muối,

Nước mắm, 1 miếng đường đen bằng củ hành.

Một ít xì dầu, tiêu, ớt bột.

CÁCH LÀM ;


Cá làm xong, rửa sạch vớt ra để ráo nước.

Thịt xắt lát mỏng, sắp vào trạch rồi sắp cá vào, đoạn sắp một lớp rau răm ở trên, rắc ít muối, tiêu trên mặt (tùy theo nhiều hay ít, sắp thứ tự như vậy). Xong đầu đậy, đổ nước mắm, ớt bột, đường, xì dầu, và chế vào một ít nước lạnh. Đậy vung lại, bắc lên lò kho, lửa vừa vừa đừng cho đổ lấm. Xem chừng cá vàng thắm, vừa khô là được.

* CANH NĂM MỚI

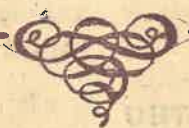
VẬT LIỆU:

- 1 chén năm mới,
- 1 miếng thịt heo bằng ba ngón tay,
- 10 con tôm, 1 muông r với nước mắm,
- 1 muông ruốc (lọc lấy nước)
- 1 muông mỡ, — tiêu, ớt, muối hành, ngò.

CÁCH LÀM: 
Nấm mua về cạo vỏ đen ở

ngoài cho thật sạch đem rửa nước muối xong xả lại nước lạnh, vớt ra để cho ráo nước.

Thịt nạc xắt nhỏ, tôm lột sạch vỏ. Lấy soong đổ mỡ vào bắc lên bếp, đổ thịt, tôm, hành, tiêu muối, ớt, nước mắm, một ít nước lạnh, xào chừng đều thì đổ nấm vào tao cho thật thấm mới đổ thêm nước và ruốc vào. Chờ sôi hơi lâu lâu một chút để nấm chín thấm hãy duỗi xi ống, khi ấy lấy hành, ngò, xắt nhỏ bỏ vào rồi múc ra dọn ăn.



* CON KẾT CÀM

Người chồng ra tỉnh mua được một con kết tuyệt đẹp đem về nhà bảo vợ cất. Đến trưa, bác trở về nhà ăn cơm liền hỏi vợ:

— Con chim tôi đem về lúc này đâu?

Người vợ tự nhiên:

— Tôi rô-ti để ăn cơm đây!

— Rô-ti ??? Trời ơi, chim ấy là con kết biết nói rồi đấy! Uổng quá!!!

— Ai biết đâu! Lúc tôi bắt nó, sắp rô-ti, sao nó không nói cho tôi biết?

* I OAN HỒ VÀ ĐÀ ĐẢO

Trong một buổi ca-kịch, từ vở kịch đến các diễn viên đều dờ dả, Khán giả huyết gió la chộ. Chỉ có một khán giả ngồi giữa đang vỗ tay nhiệt-liệt.

Một khán giả ngồi cạnh tức mình hỏi:

— Vở kịch tồi như thế, ai cũng huyết gió đà đảo hết mà sao ông lại vỗ tay?

— Không phải đâu! Tôi vỗ tay khen những khán giả huyết-gió hay quá, vì tôi không biết huyết-gió!

C.

Phê bình sách

TỪ THỨC

của Đoàn-Thêm

* NGUYỄN-VỸ



Cảm-giác đầu tiên đập mạnh vào tôi, khi tôi cầm quyển Thơ này, là sách được trình bày và ăn loát tuyệt đẹp. Từ trước đến nay, tôi chưa thấy mấy quyển sách được thực hiện với một kỹ-thuật và một thẩm mỹ tinh xảo đến thế. Người ta cầm quyển ấn phẩm trong tay với một cảm giác êm dịu, mát-mẽ, một niềm quý-mến nâng niu, âu-yếm.

Xem hình thức trang-hoàng cũng đoán biết có lẽ tác-giả có một tâm hồn nghệ-sĩ và thi-sĩ thanh-tao, tế nhị.

Lúc uể nhận tập sách biểu này, tôi chưa được hạnh quen biết ông Đoàn-Thêm: ông già hay trẻ, học lực ông đến bậc nào, tính tình ông ra sao, nếp sống của ông như thế nào, ông làm nghề gì, hay chỉ là nghề

làm... thơ? Cho nên tôi không biết ông quả thật có tâm hồn nghệ sĩ Thi sĩ hay không?

Tôi xin thú thật rằng chính tại vì quyển thơ "TỪ THỨC" của ông in rất đẹp và trình bày để thương quá nên tôi mới chịu khó đọc thật nhiều đoạn, chứ thoát tiền mở ra xem thấy sách dày đến 362 trang giấy lớn, lớn hơn cỡ 21x27, và gồm đến 2129 câu thơ, tôi đã thấy không có đủ thì giờ để thưởng thức quyển thơ tràng giang đại hải này.

Thơ hay? Dở? Tôi chưa biết, nhưng trước hết tôi đã ngạc-nhiên: Chuyện chàng Từ-Thức hồi xưa lạc lối lên Tiên gặp nàng Giáng-Hương (và lấy nàng làm vợ, rồi sau trở xuống cõi trần, thì thật là một câu chuyện nên thơ, nhưng cốt truyện có gì gay cấn lắm đâu mà Thi-sĩ Đoàn-Thêm đã làm đến 2129 câu thơ?

Đã có nhiều người lấy đề tài này làm thơ theo Đường luật nhưng cũng chỉ đến 10 bài bát-cú là đã đủ lắm rồi.

Ông Đoàn Thềm đã gọi được cho tôi nổi - niềm thắc-mắc ấy, khiến tôi phải tò mò đọc qua mấy đoạn, xem anh chàng Từ-Thức của Thi-sĩ Đoàn-Thềm có đi lạc đường vào một thế-giới xa lạ nào khác nữa chăng?

Vì thì giờ rất ít-oi, nên mỗi khi cầm đến quyển sách nào mới, tôi có tật xấu là chỉ đọc ba bốn trang đầu, ba bốn trang giữa, và vài ba trang chót để xem giá-trị của quyển sách như thế nào đã, rồi nhiên hậu mới quyết-định đọc hết cả quyển, hay là không đọc nữa. Với quyển « TỪ-THỨC » tôi cũng làm như thế.

Và tôi đã nhận thấy nhà thơ Đoàn-Thềm có một trí tưởng-tượng mãnh-liệt và phong-phú không ngờ.

Thí-dụ như tác-giả cho chúng ta biết rằng Từ-Thức sau khi đã đi lạc lối đến cõi Tiên của bà Tây-Vương-Mẫu, gặp nàng Tiên Giáng-Hương, và chính-thức kết hôn với nàng, lại đưa nàng đi viếng « xã giao » các « Bạn-hữu ở thượng-giới » như Bùi-Hàng, Vân-Anh, Chức-

Nữ, Nguru-Lang, Thần-Nữ Vua Giáp Vu-Son, v. v. và cả cô Hằng-Nga nữa :

Quảng-Hàn vãng vãng sáo Tiên
Hằng-Nga đón khách, cung-
tiền vén mây.

Cột dùa :

— Loan phượng non Tây

Chắc xao lãng bạn, vì ngày
ngất tình !

Riêng em một bóng một hình,
Gượng vui tạm mượn chén
quỳnh đầy voi.

Cô Hằng - Nga than thân trách phận, mà lại còn tỏ tình quyến-luyến Từ-Thức, và có điệu-bộ lãng-lor :

Ngã nghêng lơ-lả nói cười,
Mắt đưa Từ-Thức, miêng cười
Giáng-Hương

Rồi một đêm cô ả gặp người yêu đi lang-thang ngoài đường, cặp trai gái say sưa trao-đổi chuyện tâm tình. Vợ Từ-Thức là Giáng-Hương đi rình, bắt gặp, rồi xảy ra một tấn-tuồng ghen-tương, lời qua tiếng lại, y như ở cõi đời gió bụi của chúng ta vậy.

Đây, nàng Tiên Giáng-Hương, mừng nàng Tiên Hằng Nga :

— Nghe sách dưới trần,

Còn dạy nữ-nhân

Gìn vàng giữ ngọc chớ gần
nam-nhĩ !

Hằng Nga đáp :

— Cõi phàm, thành - kiến sá
chỉ ?

Người đoan-chính, kẻ đa nghi,
Chẳng tin thì cũng nề vì cố-
giao !

Giáng-Hương :

— Cầm kỳ phong-tao,

Luân lý ra vào

Lầu cao tiếp khách, lê nào dưới
hoa ?

Hằng-Nga :

— Lòng ngay, sao nghĩ thối
tà ?

Giáng Hương :

— Cành chim lá gió, gần xa
tiếng đồn !

Hằng-Nga mắng lại :

— Máu ghen quáng mắt, mê
hồn !

v. v. . .

Còn chàng thì :

Chán tai tiếng bác tiếng chi,
Về phòng, Thức ngủ li-bì mặc
Hương,

Hương còn thôn - thức bên
giường,

Một tan, hai hợp, không nhường
ái-ân.

v. v. . .

Lại một đêm Tây Vương Mẫu mở hội Dao - Trì, có đông đủ quần-Tiên dự hội. Tiệc tan, có mấy ông Tiên rủ nhau đi chơi trên sóng, Long-Vương nghi ngờ

Bát-Tiên có ý-định xâm-lãng bờ cõi, liền xuất-quân ra trận. Cuộc chiến tranh nổ-bùng ở Tiên-giới, lửa cháy ngàn ngút, núi Thái-Son bị sụp đổ lấp cả biển Đông - Hải :

Hồ-lô khởi lửa xa bay,

Bề đông sóng dữ, đến ngày
cạn khô.

Thạch-nham, kim-động ra tro,
Bừng bùng đáy biển như lò
máu sôi.

Từ-Thức chứng kiến cuộc tàn sát ở cõi Tiên, giống như ở Hạ-giới, buồn lòng, bỏ Giáng-Hương để đi lang-thang, lại gặp Hồ-Công, ông Tiên ở Thanh-Hóa. Nhờ vào cái bầu thần của Hồ-Công mà Từ-Thức mới thấy rõ sự biến-chuyển của Lịch - Sử loài người phàm trần, và đường tiến hóa của nhân loại đến Chân-Thiện-Mỹ. Bây giờ Từ - Thức mới nhận chân được rằng « con người phải hòa mình vào đời sống của nhân loại, để góp sức giúp người theo đường tiến hóa, chớ không thể cầu an vị kỷ và tọa hưởng khoái lạc ».

Vì vậy mà Từ - Thức « giác-ngộ », mới bỏ Giáng Hương để về cõi Tục.

Chàng thuyết cho nàng nghe :
— Hãy ưng thuận ít ngày tạm
biệt,

Anh giúp đời, nhiệt huyết thấy
đương sôi.
Bại hay thành, khi mái tóc bạc
rồi,
Còn thiên phúc, sẽ hồi thương
giới...

Giáng-Hương cũng đề cho Từ
Thức về.

Từ Thức trở về quê hương
cũ thì cuộc đời đã biến đổi nhiều,
nào là quân Tàu áp bức dân
Việt, Lê-Lợi khởi nghĩa và đã
phục hồi độc lập v.v...

Rồi Từ Thức không thích trở
lên cõi Tiên nữa, nhất định ở lại
trần gian, mặc dầu Giáng Hương
có gởi cho chàng một bức thư
dài 44 câu, bằng thơ tứ tuyệt
liên ngâm đại khái như 4 câu
thơ đầu :

Hạ bút cang trường vịnh biệt
nhau,
Mực hòa nước mắt, nén lòng
đau,

Chữ không in nét, lời sai ý,
Bạch lạp thương tâm rõ lệ sầu.

Và 4 câu thơ chốt :

Sửa túi, hoa tiên gửi mấy
hàng,
Sát cầm vãng vãng tiếng tình
tang
Bồng Doanh khởi phủ, giảng
tròn khuyết,

Hình bóng theo nhau giấc mộng
vàng !



Như vậy, cốt truyện Từ Thức
rất nên thơ của thuở xưa, ông
Đoàn-Thêm biến đổi không còn
nên thơ nữa. Trên cõi Bồng Lai
đã xảy ra một cuộc ghen tương
gay gắt trong giới Tiên Nữ, và
chiến tranh ác liệt trong giới
Tiên ông !

Đứng về địa hạt Thơ, nói thật
tôi không tin rằng mấy cuộc đàn
cảnh trên kia có thể làm thỏa thích
thi-khiếu của độc giả. Theo thiên ý
của tôi, truyện truyền kỳ của Từ
Thức cứ nên đề y nguyên như
xưa, để giữ lấy phong vị ảo huyền
tinh anh của nó, chứ sửa đổi như
thế nó sẽ trở nên phạm tục
mất, còn gì !

Phải nhìn nhận rằng Thi - sĩ
Đoàn Thêm kết thúc quyền thơ
« TỪ-THỨC » của ông bằng
một triết lý quốc - gia và xã - hội
thật đáng khen, toát ra mạnh mẽ
trong nhiều câu thơ rất đẹp, như
sau đây :

(Từ - Thức nói với Giáng -
Hương)

Biệt Tiên cung, em chẳng am
tường
Những cảnh ngộ bi thương
khốc-hại,

Đời rục rờ, tung bùng, ém - át,
Vườn vạn xuân, em hái vạn
bông tươi,
Lộng xiêm y, ca múa, sớm khuya
cười,

Sao thấu nỗi con người trần -
thế ?

Người mưu sinh, lao tâm, bại
thế,

Nhục vinh cùng tàn phế suy
vong...

(trang 283)

Thành thật tôi rất thích những
câu thơ như thế, vì chúng phô-
diễn được cảnh mâu thuẫn giữa
những kẻ sống

« Đời rục rờ tung, bùng ém át »

Và những

« Người mưu sinh, lao tâm, bại
thế,

« Nhục vinh cùng tàn phế suy
vong

Thi-sĩ Đoàn Thêm, mà có một
ông bạn cho tôi biết là hiện đương
làm Đồng lý Văn phòng Bộ trưởng
phủ Tổng Thống và phó Đồng-
lý Văn phòng Tổng Thống, lại
còn cho Từ Thức nói với nàng
tiên Giáng Hương :

Lánh non tiên vui thú riêng
mình,

Nhờ đồng loại, tự khinh và tự
trách

Xa cố lý băng-khuáng hồn-
lữ khách,

Xót thương người đời rách
lâm than,
Lúy tre xanh bên xóm chắt đầu
tàn..

Những câu thơ như thế rất
đáng mến, bởi Thi-sĩ Đoàn-
Thêm đã khéo khai-thác đề-tài
Từ-Thức lên Tiên, và diễn-tả
tâm-sự bán-khoản của những kẻ
« Lánh non tiên vui thú một
mình »

mà

« Xót thương người đời rách
lâm than,



Những câu thơ khác cũng rất
đẹp, rất thiết-tha mỗi tình yêu
mến Quê hương và lưu-luyến
xã-hội loài người :

Thốt, tiếc chi vang bóng ngày
qua,

Hãy vui thú yên hà non nước
Việt !

Luật tuần-hoàn giảng còn tròn
khuyết,

Chuyện thương tình, ly biệt
mấy ai không ?

Sương thân ta, bất tất phải
Doanh Bồng ?

(trang 335)

Lo gìn-giữ tinh-anh truyền-
thống,

Bốn ngàn năm sức sống dâng,
trào,

Đức thiêng ngũ nhạc vời cao,
Nghĩa nhân hồn nước, cần lao
phép nhà
(trang 343)

Đi tìm sinh thú một mình,
Ngàn trùng chỉ thấy lộ-trình
vãng tanh !
★ (trang 357)

Nhưng dù vậy, tôi thiết tưởng,
như tôi đã nói trên kia, chuyện
Từ-Thức nên đề y nguyên như
xưa, cốt giữ lấy thi-vị thần tiên
ảo-mộng rất quyến-rũ của nó.

Tôi hơi buồn, và cảm-giác
một u-hoài man-mác, bụi-ngủi,
khi thấy ông Đoàn Thêm biến-
đổi một thi-sĩ Từ-Thức phiêu-
lưu thơ mộng của thời xưa thành
ra một công-dân Từ-Thức có tư-
trưởng cấp uấn của thời nay.

Lịch-sử đường kim của các
quốc-gia dân-tộc đã đầy rẫy
những thực-tế tàn-nhẫn bi-thương
lắm rồi, sao nhà Thơ không giữ
lại trong khu vườn văn-ngệ của
ta xưa một động Dao-trì, một
giải-sưởi Đào-nguyên, đề thỉnh
thoảng anh em mình rào bước
đến đây tìm đôi chút giải-sầu ?

Trong lúc hầu hết chúng ta đều
nao nức mong muốn lên ở Cung-
Trăng, không phải đề tìm
mỏ vàng hay mỏ dầu lửa, mà
chính là đề thoát - ly mau

mau ra khỏi đời sống ô-trọc, già
dối, tham tàn, ham danh hám lợi
giữa bụi trần này, sao ông bạn
Thi sĩ lại còn xúi dục Từ-Thức
bỏ cảnh tiên mà trở về rẻo
đất Việt nam để sống cho

« Nghĩa nhân hồn nước, cần
lao phép nhà » ?

Không ! Tôi nhất định không
đồng ý với ông về điểm đó !

★

Nhưng về nghệ thuật làm thơ
thì tôi thành thật khen tặng ông.
Tập thơ TỪ THỨC là một thi
phẩm lớn lao sáng tác với rất
nhiều nhiệt húng. Trên hai nghìn
câu thơ gồm gần đủ các loại, từ
thể Đường thi bát cú, tứ tuyệt
liên ngâm cho đến cả thơ mới,
thơ tự do, ông khéo chuyễn mạch
thơ ru dương và phong phú tùy
theo thi hứng mà không hề vương
vấp. Loại thơ nào phù hợp với
hoan cảnh nấy. Thỉnh thoảng
cũng có năm ba câu thơ khôì hài
lối giọng, nhưng rất nhiều câu
thơ đẹp, sắp xếp tài tình, mà
đưa tình vi.

« Đề làm một tác-phẩm thí-
nghiệm,

« Ông muốn thành một sản-
phẩm tay thầy »

« Pour un coup d'essai,
« Il veut un coup de maître »
Nhưng, chắc chắn ông sẽ
thành-công.

V.N.

CHUYỆN VUI



D Ờ I Đông-châu có quan
thái-thứ Tây - môn - Báo
được bỏ ra trấn thủ đất Nghiệp-
đô.

Bình sinh ông ta vẫn không tin
những chuyện dị-đoan mê-tin.

Lúc đến Nghiệp-p-đô vị tân thái-
thứ thấy phong cảnh tiêu điều,
ruộng nương hoang phế và dân cư
thưa thớt, liền triệu các cụ già
đến hỏi.

Các cụ đều nói :

— Dân ở đây thưa thớt không
phải thiếu ruộng, hay mất mùa,
nhưng chỉ khổ một nỗi là Hà-
Bá lấy vợ !

Nghe chuyện quái lạ thái-thứ
hỏi :

— Hà-bá lấy vợ như thế nào?

Một trong các cụ vợi nói :

— Sông Chương - thủy phát

nguyên từ Cô-lĩnh qua Sa-thành,
rồi chảy đến Nghiệp-đô gọi là
sông Chương-hà. Hà bá là vị thần
cai quản con sông ấy. Thần thích
vợ đẹp. Mỗi năm bắt dân làng
phải nộp một người con gái.
Chúng tôi chịu nộp thì năm ấy
mưa thuận gió hòa, hoa màu tươi
tốt. Nếu không thì thần phạt bằng
cách dâng nước lên làm hại
ruộng nương nhà cửa.

Thái thứ hỏi :

— Ai nêu ra việc ấy ?

— Bọn đồng cốt và hào trưởng
ở làng chúng tôi xướng thủy ra
việc ấy. Dân làng sợ nạn lụt
phải bị đói rét nên phải chịu
theo. Mỗi năm các hào trưởng
cùng bọn đồng cốt bắt dân làng

★ THU-PHONG

HÀ BÁ LẤY VỢ

phải nộp mấy trăm vạn quan tiền, một phần dùng về việc cưới vợ cho Hà bá, còn một phần thì chia nhau.

— Chúng nó chia nhau, mà dân làng không phản đối sao ?

— Nếu chúng tôi có hỏi đến thì bọn ấy viện cớ rằng bọn đồng cốt lo việc cúng tế còn hào trưởng trong làng có công đầu góp nên phải ăn tiêu số tiền ấy. Việc đóng góp thì chúng tôi không dám phản nài ; nhưng có một điều rất khổ là cứ đầu năm bọn đồng cốt hề thấy nhà nào giàu có mà có con gái thì chúng bảo người con gái ấy đáng làm vợ Hà bá. Nếu gia đình nạn nhân chịu lo tiền cho chúng thì chúng mới tha. Còn nếu nhà nào nghèo thì bọn chúng bắt phải nộp con gái. Bọn chúng còn lập một nhà trai cung ở gần bờ sông, Hễ bắt được con gái thì chúng nhốt vào đấy, để đợi ngày tốt liền đem đưa con gái ấy ngồi trên chiếc bè kết bằng cỏ, rồi đẩy ra giữa dòng sông, bè đi được một vài dặm thì tự nhiên chìm mất.

Phần đồng dân làng ở đây không chịu được nạn ấy nên phải trốn đi xứ khác làm ăn cả.

Vì vậy nên làng càng ngày càng vắng vẻ.

Quan thái thú lại hỏi :

— Làng các người có khi nào lụt không ?

— Năm nào chúng tôi cũng chịu nộp con gái nên thần không bao giờ trách phạt.

— Nếu thần đã linh thiêng như thế thì hôm nào có lẽ nộp, các người hãy đến cho ta biết, để ta đến dự.

Các cụ dạ rồi lui ra.

Đến lúc nộp, các cụ đến cho vị thái thú hay. Nghe đã đến kỳ vị thái thú vội mặc áo quần chỉnh tề dẫn vài chục tên quân theo các cụ lão đến bờ sông.

Lúc quan dân đã tụ đông đủ, bọn hào trưởng đưa ra một bà đồng đã già, vẻ mặt có vẻ đanh-ác, theo sau bà ta có gần hai mươi đệ tử, tất cả đều mặc quần áo sặc sỡ, tay cầm hương khói tỏa nghi-ngút.

Lúc ấy vị thái thú kêu bà đồng ấy vào hỏi :

— Người có thể cho ta xem mặt vợ Hà bá chăng ?

Bà cốt dạ, liền sai một đệ tử đi vào nhà cung trai dẫn ra một người con gái ốm yếu. Vị thái thú thấy người con gái ấy đi ra có vẻ sợ hãi, nước mắt chảy dàn-dụa, liền bảo bà đồng :

— Hà bá là một vị thần linh-hiền, các người phải tìm người con gái nào thật tuyệt thế giai nhân mới xứng đáng làm vợ ngài được, còn như người này ốm yếu quá chắc thần không chịu nhận. Vậy ta nhờ người xuống nói với Hà-bá rằng, quan thái - thú là Tây-môn - Báo xin tìm người khác đẹp đẻ hơn người con gái này, đến sáng mai sẽ dâng.

Vị thái-thú liền sai mấy tên lính đến ôm bà đồng ném xuống dòng sông đang cuộn cuộn chảy.

Thấy thế mọi người đều thất kinh. Vị thái-thú vẫn thản nhiên ngồi đợi. Một lúc sau không thấy bà đồng trở lại. Vị thái - thú nói :

— Bà ấy già cả nên đi không xong việc, liền ngo các đệ tử của bà ta :

— Ta nhờ các người chịu khó xuống bảo bà ấy lên gấp kéo quan thái-thú đợi.

Nghe thế các đệ tử nhìn nhau run lập cập.

Vị thái thú quát :

— Đi nhanh lên ! Các người xuống bảo bà ta lên gấp để trả lời cho ta rõ, nếu trễ nãi ta sẽ chém đầu tất cả.

Bọn đệ tử ấy đang khóc lóc thì thái thú đã ra lệnh cho bọn lính đến ôm ném cả xuống sông.

Đợi một lúc lâu cũng chẳng thấy bọn ấy trở lên. Vị thái thú ra về sốt ruột :

— Sao mà lâu thế kia ! Chắc bọn ấy xuống ăn nói không xong nên Hà bá giận giam lại cả chứ gì ? Vậy lần này phải nhờ đến các hào trưởng thì việc mới xong được.

Nghe thái thú nói thế bọn hào trưởng mặt mày tái mét, chúng vội quỳ xin thái thú dung mạng.

Thái thú tỏ ra vẻ giận dữ :

— Hà bá ở chỗ nào đâu ?

Bọn hào trưởng khóc lóc kêu xin :

— Xin thái thú dung mạng. Xưa nay chúng tôi bị bọn đồng cốt gạt gẫm nên nghe theo. Còn việc cưới hỏi ấy thật không phải do chúng tôi bày ra.

— Từ lâu nay bọn bày theo lũ đồng cốt đã sát hại biết bao trinh nữ, đặt điều dè mê hoặc nhân quần, hại làng hại nước, nếu dung bọn này, về sau ắt sinh biến. Đề ta cho bọn này đi theo bà đồng xuống làm mai cho thủy thần luôn thể. Nói xong liền ra lệnh cho bọn lính ném lũ hào trưởng xuống sông.

Dân chúng thấy thái thú trừ xong bọn hào trưởng đều vui mừng đến lạ tạc.

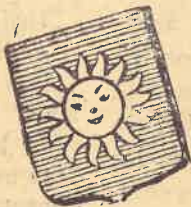
Thái thú nói :

— Nạn cưới vợ Hà bá ta đã trừ xong, từ rày về sau, ai xuống ra việc ấy thì hãy nhìn gương lũ hào trưởng và bà đồng lúc này !

Dân chúng dạ van rân rồi vui vẻ ra về. Từ ấy nạn cưới vợ Hà-bá cũng mất hẳn.

Mình ơi!

Ma ?



★ DIỆU HUYỀN

ÔNG Tú bực mình lắm, ông là người không nóng tính, nhưng lần này ông đồ quạu.

Tại vì chiếc xe máy dầu trên ấy ông chở bà Tú đi Biên Hòa chơi sáng chủ nhật, vừa ra khỏi Lăng ông Bà Chiều độ 3 cây số thì tự nhiên không chạy được nữa. Ông phải bảo bà Tú xuống, để ông xem vì sao ông đạp mãi bàn đạp hết sức mạnh mà máy cứ không nổ ? Ông Tú lui cúi sửa chữa gần một tiếng đồng hồ vẫn chưa ra sao cả. Trời nắng chang chang. Bà Tú ngồi dưới bóng cây, lấy đồ đan ra đan để giết thì giờ. Bà im lặng nãy giờ, bỗng lên tiếng:

— Mình ơi !

Ông Tú đang cầm chiếc kềm tháo bù-loong, không buồn đáp. Bà Tú lại gọi:

— Mình ơi !



Ông Tú quạu :

— Oi cái gì ?

— Người ta cầu cơ gọi hồn ma về nói chuyện, có đúng không, mình nhỉ ? Đó là mê tín dị đoan, hay là sự thật ? Khoa học có thể giảng giải được những chuyện lạ lùng ấy không ?

— Thôi ! Thôi ! Đề yên cho anh sửa cái xe máy dầu đã, em ơi !

— Nhưng sửa thì cứ sửa, nói chuyện với em thì cũng nói được vậy, chớ có gì đâu mà mình gắt gỏng với em ?

— Mình điên à ?

Ông Tú vặn ra được cái bù-loong rồi, lấy que nhỏ thợ vào một lỗ ống xăng. Ông vừa cúi sát mắt xuống ngó vào cái lỗ ấy, vừa hỏi lại :

— Hà ? Mình không điên chứ ?

Bà Tú rưng rưng nước mắt, tức mình bỏ que đan xuống :

— Em hỏi thế có gì là điên mà Mình mắng em ? Hôm nay, mình không lịch-sự với em tý nào cả.

— Người ta đang bù dầu bù ốc về cái máy bị nghẹt xăng giữa đường, mà mình hỏi chuyện cầu-cơ, ma-quỷ, thì là điên rồi chứ còn gì !... Về nhà hỏi, không được sao ?... Ngồi yên đấy mà xem anh sửa cái máy cho xong đề còn

đi Biên-Hòa chứ !

Bà Tú không nói rằng gì hết, vùng-vằng đứng dậy, làm thỉnh bỏ đi về phía Bà Chiều. Ông Tú gọi :

— Mình ơi !

Bà Tú không quay lưng, cứ việc đi thẳng, ông Tú phải chạy theo níu bà lại :

— Mình trẻ con lắm. Ông Tú đỡ bà, vuốt ve, mơn-trớn, và đưa bà vào ngồi trong bóng mát vườn cao-su gần đấy. Ông ráng lôi chiếc xe máy dầu đến gần vợ, ngồi xuống tiếp-tục tháo các máy móc ra sửa chữa. Ông vừa làm vừa hỏi-dụ-dàng :

— Nào ? Thế bây giờ Mình muốn cầu-cơ, kêu hồn ma về để nói chuyện với mình phải không ?

Bà Tú còn giận-dối, cúi đầu đan, không nói. Ông Tú tùm-tìm cười, biết tính vợ hay làm nũng, nhưng lại thích học-hỏi. Ông bảo :

— Anh rất ngạc-nhiên rằng trong một nghịch cảnh như thế này mình cũng muốn anh nói những chuyện không dính-líu gì đến chiếc xe máy dầu này cả. Nhưng mình muốn biết chuyện cầu-cơ, chuyện hồn ma hiện về, thì anh cũng sẵn-sàng nói cho mình biết trước rằng sáng nay hai đứa

mình không đi Biên-Hòa được như ở nhà đã sắp đặt, và cuộc du hành đến đây là chấm dứt. Nếu trong vài giờ nữa anh không sửa được cái xe máy dầu này thì 12 giờ trưa anh phải vác nó lên vai, cuốc bộ về Saigon. Anh tin rằng sẽ không có một hồn ma nào hiện về để vác giùm cho anh đâu. Mình muốn anh nói chuyện tại sao Cầu Cơ có hồn ma về trong lúc đó chiếc xe mô-tô già lụ-khụ của anh cứ một mực ngậm câm, không hề nói cho anh biết tại sao nó không nổ bình bịch nữa !

Bà Tú, bây giờ tùm tùm cười duyên :

— Tại Mình không nói chuyện với em, cho nên cái xe nó cũng không thèm nói gì với mình đó.

Ông Tú từ nãy giờ vừa nói vừa xem xét lại các bộ phận xe máy dầu, bây giờ ngừng mặt lên cười, đưa hai bàn tay dính đầy dầu nhớt, ngó vợ :

— Nếu vậy thì anh nói. Câu chuyện mình hỏi đó không dính líu đến chiếc xe máy dầu lụ khụ 90 đời này, nhưng nó dính líu với Mặt Trăng và các Thế giới khác bà con với Mặt Trăng.

— Sao lại huyền bí vậy ? Em hỏi về khoa học cơ mà !

— Ừ thì khoa học. Nhưng đúng hơn là một nửa khoa học,

một nửa huyền-bí.

— Thế nào là nửa khoa học, nửa huyền bí ?

— Vì khoa học chỉ mới có dự định phóng hỏa tiễn lên Trăng, và có lẽ trong một thời gian không lâu sẽ đổ bộ được cả lên sao Hôm, lên Hỏa tinh, Thổ Tinh, Thủy Tinh, v.v...

Nhưng khoa học chưa giảng giải được những huyền bí liên quan giữa các thế giới mờ mịt xa xăm với Thế giới địa cầu của chúng ta. Những huyền bí ấy, như chuyện Cầu-Cơ chẳng hạn, vẫn có thể chứa đựng một phần nào các yếu tố khoa học. Chỉ vì KHOA HỌC CỦA LOÀI NGƯỜI trên Trái Đất này CHƯA TIẾN ĐẾN MỘT TRÌNH ĐỘ CAO SIÊU có thể THẤU TRIỆT ĐƯỢC CÁC VẤN ĐỀ HUYỀN BÍ ĐÓ THÔI. Vì mặc dầu đến thế kỷ nguyên tử, thế kỷ Vệ tinh nhân tạo, khoa học vẫn còn ở thời kỳ mò mẫm trong các địa hạt khác, huyền bí, chưa thám hiểm được, chưa khám phá được, chưa quan niệm rõ ràng được. Mình nghe không ? Có ông Bác học nào, ông Bác sĩ nào, ông Học giả thông thái nào dám quả quyết rằng khi người ta chết, LINH-

HỒN CŨNG CHẾT HAY KHÔNG ? Hay là nó phiêu bạt nơi nào ? Nó đi đến một thế giới nào ? Như vấn đề Cầu Cơ chẳng hạn, hay là vấn đề Hồn Ma hiện về, có nhiều nhà Bác học, Khoa học, nói chắc rằng không có, bịa môi cho rằng đó là mê tín dị đoan. Nhưng họ nói thế mà họ có CĂN CỨ TRÊN ĐỊNH LUẬT KHOA HỌC NÀO VỪNG CHẮC HAY KHÔNG ? Hay họ chỉ dựa trên vài ba LÝ LUẬN THỔ SƠ, ĐƠN GIẢN, không đủ bảo đảm chân lý khoa học, cái CHẶN LÝ TUYỆT ĐỐI MÀ CHƯA CÓ NGUYÊN TẮC KHOA HỌC NÀO KIỂM SOÁT ĐƯỢC ? Mình nghe không ? Thành thử, ở ngay giữa thời đại nguyên tử lực, và hỏa tiễn, những chuyện huyền bí như chuyện Hồn ma hiện về, chuyện cầu cơ, giáng bút, ai tin cũng chưa hẳn là tin lầm, ai không tin cũng chưa hẳn là hoàn toàn đúng theo chân lý. Có điều này chắc chắn, không ai chối cãi được, là hiện nay khoa học đang thắc mắc về một câu hỏi : TRONG VŨ TRỤ, CÓ RIÊNG GÌ QUẢ ĐẤT CỦA CHÚNG TA MỚI CÓ

NGƯỜI Ở HAY KHÔNG ? Nhiều nhà bác học tiến bộ nhất của Âu Mỹ hiện nay lại ước đoán rằng : trong vũ trụ còn HUYỀN BÍ BAO LA kia, rất có thể còn những HÀNH TINH KHÁC CHỨA ĐỰNG NHỮNG THỂ GIỚI LOÀI NGƯỜI KHÁC.

— Sao hôm Trung Thu Mình nói với em rằng trên mặt Trăng là một vệ tinh của Trái Đất, không có người ở, không có đời sống ?

— Anh nói rằng trên trăng không có đời sống giống như đời sống của trái đất chúng ta, không có loài người ở giống như loài người chúng ta (Đó là chỉ nói một nửa Mặt trăng mà ta thấy sáng đó thôi, còn một nửa khác, ở phía bên kia thì kính viễn vọng (Télescope) chưa nhìn thấu được), nhưng có nhà khoa học nào dám quả quyết rằng trên Trăng không có một "giống người" nào KHÁC không ? Khoa học ngày nay đã tiến đến một mức thật là quá cao, thì những lời ước đoán kia không phải là biểu diễn một trí thông minh mê sảng, u muội đâu.

Trước đây 2000 năm, LU-CRÈCE đã viết như thế này :

« Tất cả vũ trụ mà hiện mắt ta trông thấy được đây không

phải là duy nhất trong thiên nhiên, và chúng ta phải tin rằng, ở những miền khác của không-gian, có những quả đất khác, những sinh vật khác, những giống người khác... »

Khoa-học ngày nay, trải qua 2000 năm, tuy nói là tiến bộ, nhưng cũng chỉ đem những con số không-lò ghi những khoảng-cách hàng mấy chục triệu kí-lô-mét để xác-nhận một lời nói mơ-mộng của nhà Thi-sĩ La-tinh mà thôi !

— Như vậy nghĩa là khoa-học đã cho biết các hành-tinh khác cũng là những thế-giới như thế-giới của Trái Đất và có những giống người khác sống trên những hành-tinh ấy ?

— Khoa học chỉ đặt ra vấn đề chứ chưa giải quyết. Nhưng đồng thời khoa-học cũng đưa ra những ức thuyết làm căn-bản tạm thời để nghiên-cứu, tìm tòi khám phá. Khởi điểm của những ức thuyết ấy là vũ-trụ mông-mênh vô cùng, gồm có mấy triệu triệu triệu triệu các hành tinh lơ-lửng giữa không gian vô tận vô biên, và trái đất của chúng ta ở đây chỉ là một hạt cát nhỏ xíu trong cuồng phong tinh-tú ấy, hay là một « ngôi sao » trong ức triệu triệu triệu những « ngôi sao » kia !

Như vậy, nếu quả đất đã có một thế-giới loài người, thì làm sao không tin được rằng các « Quả đất » khác, nghĩa là các « Ngôi Sao » mà từ mặt đất xa xôi chúng ta trông thấy lí tí trên vòm trời ban đêm, các hành tinh, định tinh, hăng hà sa số kia đều cũng có các giống người khác, các đời sống khác ? Khoa học đã nghiên cứu tìm kiếm... cũng như anh đang tìm kiếm tại sao cái xe máy dầu của anh không chạy...

Ông Tú cười, bỏ cái kềm xuống. Từ nãy giờ vừa nói ông vừa lui cui tháo hết cái bù-loong này đến cái bù-loong khác, xem xét, sửa chữa rồi lắp lại. Lắp xong, ông đứng dậy, cố sức đập thật mạnh, đập ba bốn lần, mồ hôi rịn ra từng giọt trên mặt ông. Vài tiếng nổ « bụp ... bụp » rồi tắt. Bà Tú trông thấy chồng mệt nhọc, liền bảo :

— Thôi Minh, nó không chạy thay kệ nó. Hơi đâu mình sửa ! Mình vào bóng mát ngồi với em nghỉ cho khỏe. Tụi mình chơi ở đây cũng được, không cần đi Biên Hòa.

— Còn cái của họ này, tính sao đây ?

— Chốc nữa, tụi mình thuê xe thô mộ chở nó về Sài-gòn, rồi mình đưa cho thợ sửa.

— Mình nói nghe được.

Ông Tú đề chiếc xe nặng nề dựa bên lề đường. Ông vào bóng mát vườn cao su, ngồi cạnh vợ. Bà Tú lấy khăn tay lau những giọt mồ hôi trên mặt chồng. Ông dựa lưng vào gốc cây, lấy diều thuốc, châm lửa, hút. Bà Tú hỏi, với cái giọng hiền từ nhỏ nhẹ của một thiếu phụ cương yếu chồng, 23 tuổi.

— Rồi sao nữa, Minh ?

Ông Tú lim dim như buồn ngủ :

— Rồi... các nhà Thiên-văn-học trú danh đã bảo rằng trong Thái dương hệ (Système Solaire) có hai hành tinh có thể có những loài người ở.

— Thái dương hệ là gì ?

— Là 9 hành tinh xoay chung quanh Mặt Trời (Thái-dương) và cùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của sức nóng Mặt Trời. Và đây là « quý danh » của chín « ông Sao » ấy, kể theo thứ tự ở gần Mặt-Trời. 9 Hành-tinh (Planètes) này lại còn có tất cả 31 Vệ-tinh (Satellites) :

1 — THỦY-TINH (Mercure)

— Không có Vệ-tinh.

2 — KIM-TINH (Vénus)

Sao Thái-Bạch — Sao Hâm : (Sao Mai) — Không có Vệ-tinh.

3 — QUẢ ĐẤT (Terre)

— Có 1 Vệ-tinh là (Mặt-Trắng)

4 — HỎA-TINH (Mars)

— Có 2 Vệ-tinh.

5 — MỘC-TINH (Jupiter)

— Có 11 Vệ-tinh.

6 — THỜ-TINH (Saturne)

— Có 10 Vệ-tinh.

7 — UY-RA-NUYT (Uranus)

— Không có Vệ-tinh.

8 — PLUY-TÔNG (Pluton)

— Không có Vệ-tinh.

9 — NẾP-TUYN (Neptune)

— Có 7 Vệ-tinh.

THỦY-TINH gần Mặt-Trời hơn hết...

— Gần hơn hết là bao nhiêu ?

— Khoảng cách trung-bình là 45 triệu kí-lô-mét... Hành-tinh số 9, NEPTUNE, xa Mặt-Trời hơn hết, nghĩa là 4.501 triệu kí-lô-mét.

— Còn Quả-Đất xa Mặt-Trời bao nhiêu, hả Minh ?

— Độ 149 triệu 504.000 kí-lô-mét, là khoảng-cách trung-bình. Thủy-Tinh, gần Mặt-Trời nhất, tức là ngôi Sao mà chúng ta thấy hiện ra long-lanh trên đường chụm Trời vào khoảng 2 giờ, hoặc 2 giờ 15 phút khi Mặt-Trời mọc, và 2 giờ, hoặc 2 giờ 10 phút sau khi Mặt-Trời lặn. Thủy-

hành tinh cũng là Hành-tinh bé nhỏ nhất, nó là đứa em út của Thái-dương hệ : đối với Trái-Đất, nó nhỏ hơn 20 lần. Còn Hành-tinh Neptune xa Mặt-Trời hơn hết (trong Thái-dương-hệ), thì phải dòm trong télescope (kính viễn-vọng) mới thấy nó. Và lại, nhà Thiên-Văn-học Leverrier cũng mới khám-phá ra được nó hồi năm 1846 mà thôi.

— Lúc này Mình nói tất cả 9 «ngôi sao» ấy, tức là 9 Hành-tinh của Thái-dương hệ, xoay chung quanh Mặt Trời, và thọ lãnh ánh sáng của Mặt Trời..?

— Nói «sức-nóng» của Mặt Trời thì đúng hơn, vì ánh-sáng tức là sức nóng của Mặt Trời.

— Vâng, 9 hành, tinh trong hệ-thống Thái-dương ấy có các giống người ở cũng như Quả-Đất hay sao ?

— Các nhà Thiên-Văn học cho rằng nếu Trái-Đất, là Hành-tinh thứ 3 của Thái-dương-hệ, mà hiện đang có loài người chúng ta ở, thì không có lý nào các hành-tinh khác của Thái-dương hệ lại không có các giống người khác ở? Vì thế, các nhà Thiên-văn-học trú danh nhất của Trái-Đất đã cố công tìm-tòi, nghiên cứu, và đã đưa ra ứcthuyết rằng Hỏa-tinh (Mars) và kim-tinh (Vénus —

Sao Hôm) rất có thể có các giống người ở, và ở hai «Ngôi Sao» ấy, có thể có hai Thế giới cũng như ở Trái Đất, và có thể «Văn minh» cũng như chúng ta, hoặc là cao hơn chúng ta.

— Căn cứ vào đâu. Thiên-văn học ứcthuyết như thế, hả mình ?

— Căn cứ vào các điều kiện sinh nở của sinh vật trên trái đất như DUỖNG KHÍ (oxygène) ĐẠM KHÍ (azote) than khí (gaz carbonique) mây, nước, v.v. mà Thiên-văn học đã tìm thấy có đầy đủ ở trên hai «Ngôi Sao» Hỏa-tinh và Kim-Tinh.

Cũng như người ta đã biết chắc rằng Mặt Trăng là Vệ-tinh duy nhất của Trái-Đất, không có nước, không có không khí, thì không thể nào có một loài người giống như loài người chúng ta trên Địa-cầu ở trên Trăng được. Nhưng Thiên-văn học chưa dám quyết chắc rằng ở trên Trăng không có một giống người khác với những yếu-tố sinh hoạt khác hẳn với chúng ta.

— Mình nói ở trên Hỏa-tinh và Kim-Tinh, có các yếu-tố sinh sống như ở Trái Đất, còn mấy Hành-Tinh khác không có ?

— Hiện nay, các nhà Thiên-văn-học đang nghiên cứu về vấn

đề đó, và chúng ta có thể tin chắc một vài điều quan-trọng : khoa-học của loài người đã tiến lên một mức khá cao, đã tìm ra được nguyên-tử lực, đã có thể chế-tạo các hỏa-tiến để phóng lên Mặt Trăng, (Mình còn nhớ : Khoảng cách trung-bình giữa Địa-cầu và Nguyệt-cầu là 384.000 ki-lô-mét) và cũng đã xác-định một số các yếu-tố làm căn-bản những quan-sát, thí-nghiệm và kết-luận về tính chất của các hành-tinh của Thái-dương-hệ. Theo những kết luận ấy, chúng ta biết rằng ở Hỏa-Tinh và Kim-Tinh, có thể có các loài sinh-vật, các loài «Người» và hai «Ngôi Sao» ấy là hai thế giới «Sống» như Thế-giới Địa cầu, chứ không phải hoang-vu như Nguyệt-cầu (Mặt trăng). Đây là chúng ta chỉ nói về 2 trong số 9 Hành-Tinh của Thái-dương hệ mà thôi, chứ chưa nói đến muôn ức triệu triệu «Ngôi Sao» khác, — nghĩa là các Hành-Tinh khác, các Thế-giới khác, của các Hệ-thống khác hơn là Mặt Trời, đang quay cuồng trong vũ-trụ vô tận vô biên. Ban đêm, ngó lên «vòm trời», chúng ta thấy muôn ức triệu «Ngôi Sao», đó là muôn ức triệu Hành-Tinh, hoặc Định-Tinh, Muôn ức triệu «Thế-

giới», ở cách xa nhau hàng muôn ức triệu ki-lô-mét, và còn những muôn triệu «Ngôi Sao» khác mà mắt trần chúng ta không thấy được, mà kính viễn-vọng mạnh nhất của Hoàn-Cầu cũng chỉ thấy mờ mịt mà thôi. Trở về Thái-dương hệ (Système Solaire), chúng ta đã biết rằng hiện nay, ngoài Địa cầu của chúng ta đang ở, còn có Hỏa-Tinh và Kim-Tinh là hai «Địa-cầu» khác, háyla hai Thế-giới, có các giống người khác sống. Năm 1939, Hỏa-tinh đi gần Trái Đất, các nhà Thiên-văn-học có dịp quan-sát kỹ lưỡng, có thấy nước và những cái mương rộng đến 32 ki-lô-mét và dài 5.000 ki-lô-mét. Có lẽ đó là những con sông lớn chẳng? Mình nên nhớ rằng «Hỏa-Tinh» chỉ là một danh từ Thiên-văn học, không có nghĩa là một hành tinh có lửa, (vì trong Thái dương hệ chỉ có Mặt Trời là một Hỏa cầu mà thôi). Cũng như Kim-Tinh không phải là Hành Tinh của Kim, hay là Thủy-tinh là của Thủy, Mộc tinh là của Mộc, v. v. . .

Kim-Tinh, thì địa thế giống như địa thế của Trái Đất. Nó xoay một vòng chung quanh Mặt Trời trong Khoảng từ 225 ngày đến 288 ngày, cũng như Trái

Đất xoay một vòng 365 ngày, giáp một năm. Kim-Tinh cũng có một lớp mây bọc chung quanh, và có nhiều thán khí (gaz carbonique), có dưỡng khí, có nước.

Như vậy, người ta có thể tin rằng ở trên Kim Tinh (Sao Hôm) cũng có một loài người ở một Thế-giới có lẽ văn minh như chúng ta, hay là đã tiến bộ hơn chúng ta nhiều. Nhà bác-học Lefebure quả quyết rằng: « Những giống người ở trên các Thế-giới khác chắc là không khác gì chúng ta mấy, về hình dạng cũng như về trí óc thông minh ». Nhiều nhà Thiên văn học khác cũng quyết đoán rằng các giống người ở các thế giới khác, của các Hành tinh khác, cũng phải có đầu, mình, tay chân, mắt, mũi, và lục phủ ngũ tạng, như loài người trên Địa cầu.

Bà Tú nghe say mê câu chuyện Thiên văn học của ông Tú. Đặt que đàn và tấm áo đàn xuống đất, bà dịu dàng hỏi chồng:

— Mình khát nước không? Em cắt cam Mình ăn nhé?

Ông Tú ngạc nhiên và vui mừng:

— Mình có đem cam theo sao?

— Có 4 trái, mình à. Em đừng phòng tụi Mình đi chơi nắng khát nước.

Ông Tú âu yếm khen vợ:

— Mình thật là một vị Ngọc Nữ.

Bà Tú sung sướng vừa gọt cam, vừa hỏi:

— Rồi sao nữa, Minh? Thế ra bây giờ em mới biết rằng không phải riêng gì trên mặt Địa cầu này mới có loài người. Từ trước, em cứ tưởng rằng chỉ có Trái đất của chúng ta ở mới có Loài người. Trái đất là trung tâm diêm, và loài người là chúa tể cả Vũ trụ.

Ông Tú im lặng, lấy một điếu thuốc, đánh quẹt châm thuốc hút, rồi thông thả nói:

— Trái Đất của chúng ta chỉ là một hạt bụi, và loài người chỉ là một cái bóng. Ăn thua gì, đối với vô tận vô biên!

Bà Tú gọt xong quả cam, đưa ông Tú. Ông Tú cắn một miếng, liền nhăn mặt la lên:

— Chua quá, Mình ơi! Chua quá! Chua quá!

Bà Tú cười ngặt nghẽo:

— Để em gọt trái khác.

— Mình cho anh trái nào ngọt-ngọt, rồi anh nói Mình nghe câu chuyện này tức cười lắm.

Ông Tú vừa ăn trái cam ngọt, vừa nói:

— Một nhà Bác học Anh, tên là Thomas Dick, có xuất bản

năm 1837 một quyển sách về các giống người trên các Hành tinh, mà không biết ông căn cứ vào đâu, ông tính cách nào thành ra những con số kinh khủng.

Theo ông thì Hành-tinh nào cũng có người ở, và ông cho dân số mỗi Hành-tinh như sau đây:

THỦY TINH, dân số 8.960 triệu người.

KIM TINH, dân số 53,500 triệu.

QUẢ ĐẤT, Dân số 800 triệu.

HÒA TINH, 15.500 triệu.

MẶT TRĂNG, 4.200 triệu.

v.v....
Tổng cộng cả thấy các Hành tinh và Vệ tinh của Thái dương hệ, theo những bài tính của Thomas Dick, là:

703.079.744.000.000 người!

Ông Tú có tật ăn cam cầm nguyên trái cam cắn ăn, chứ không thích ăn từng múi, dù cam chua cũng vậy, cho nên ông để nhiều nước cam lòng thông xuống hai bên miệng. Bà Tú lấy khăn lau sạch cho ông, rồi ông nói tiếp:

— Chúng ta biết con số kinh-khủng đó dễ vui chơi, chứ còn việc kiểm tra dân số trong các hành tinh xem có đúng hay không.

thì họa may có ông Trời mới kiểm tra nổi..., nếu có cả Ông Trời!

Ông Tú nói đến đây thì bỗng đứng một người bạn của ông đi Thủ Đức về, lái chếc xe hơi, vừa đến. Trông thấy ông Tú bà Tú, người bạn ngừng xe chào:

— Chà! Hai ông bà pik-nik ở đây hả? Tình tự quá nhỉ!

Ông Tú nói cho bạn biết về vụ cái xe máy - dầu bị phanh. Người bạn coi xe, đập mạnh mấy cái rồi cười:

— Xe anh chẳng có hư hỏng gì cả. Để tôi làm nó nổ cho anh coi.

Nói xong, anh ta lấy một thùng xăng dự trữ trong xe hơi của anh, đem qua đổ chừng ba lít vào bình xăng của xe máy dầu. Ông Tú đập mạnh trên bàn đạp, xe nổ. Ông cười ngó vợ:

— Phải rồi. Té ra tại không có xăng, chứ không phải tại xe hỏng máy!

Bà Tú phì cười:

— Trước khi ra đi Mình không đồ xăng à?

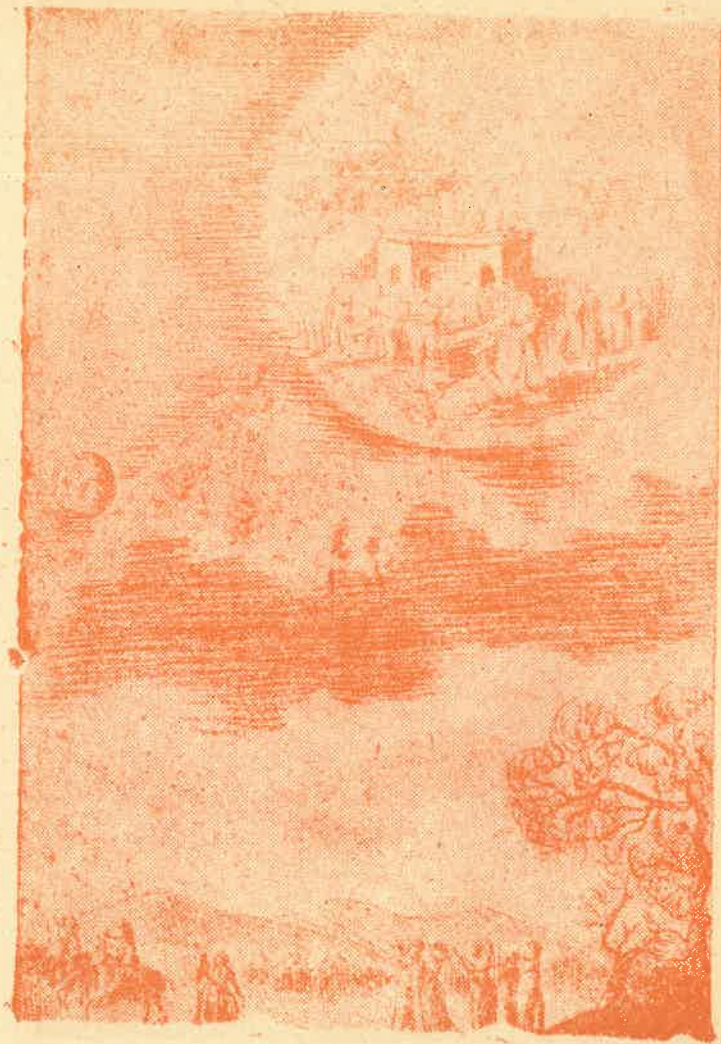
— Có lẽ anh quên đấy.

Bà Tú cười Ông Tú quá lãng trí.

Về nhà trưa hôm ấy, ông Tú kiểm trong tủ sách một quyển, lấy dở ra chỉ cho bà Tú xem những trang ảnh sau đây:



Người và phong cảnh ở sao Kim-Tinh, theo trí tưởng tượng của nhà Đại văn sĩ Thiên văn học CAMILLE FLAMMARION



Người ở trên cung Trăng, theo một bức họa Pháp hồi thế-kỷ XVIII.



Người-Cây ở sao Thủy Tinh (Mercure), theo bức vẽ của nhà bác học Đức GOLDBERG.



Người ở trên Mặt-Trời, theo sách của hai nhà bác-học FAURE và GRAFFÉGNY.

Một nhà bác-học Mỹ tả cảnh tượng một hỏa-tiên liên tinh của Quả Đất bắn lên sao Hỏa tinh (Mars) được dân chúng Hỏa tinh tiếp đón.



Ông Tú chỉ vợ xem xong mấy bức tranh kỳ dị trên kia, rồi kết luận :

— Dĩ nhiên, không ai bắt buộc Minh phải tin rằng những nhân vật ấy là có thật, ở trên các thế giới khác. Đó chẳng qua là những ghi chép của những tưởng tượng khôì hải ngoài chân lý khoa học. Nhưng theo những nguyên

tắc xác đáng của Thiên-văn-học hiện-đại, người ta biết rằng trong 9 Hành Tinh của Thái dương hệ, có 2 Hỏa Tinh và Kim Tinh là hai thế giới có người... , có đời sống văn minh, và... biết đâu họ đã tiến bộ hơn ta nhiều ?

Bà Tú cười áo dài treo trên tủ và tủm tỉm cười :

— Câu chuyện Thiên văn học

của mình nói hôm nay, em nghe thích quá. Nhưng Thiên văn học có liên quan gì đến chuyện cầu cơ, Giáng bút, và hồn ma hiện về, mà em hỏi Minh hồi sáng ?

— Liên quan chứ ! Vì chính anh cũng đã thấy ma rồi, anh đã thấy cả Yêu Tinh nữa, và anh đã thí nghiệm nhiều lần trong các đêm cầu cơ, giáng bút, (quan sát tường tận với óc phê bình, chứ nhứt định không mê tín dị đoan) cho nên anh muốn tin rằng : Ngoài thế giới ta-bà của trái đất chúng ta đang sống đây, có lẽ phải có một thế giới nào đó, ở một Hành tinh nào đó, là nơi sống của những... không phải là những hình người như chúng ta, mà là những... giống người khác có thể thần giao kết cảm với Địa cầu BẰNG MỘT TỪ LỰC (fluide magnétique) rất mạnh, rất huyền bí mà KHOA HỌC CỦA THẾ KỶ XX CHƯA KHÁM PHÁ RA ĐÓ THÔI. Nếu Kim Tinh và Hỏa Tinh quả thật có các giống người văn minh tiến bộ như loài người trên Địa cầu, thì rất có thể có những Hành Tinh khác hay các vệ tinh nào đó là những thế giới của các loại « Thần Tiên » hay « Yêu ma » chẳng ? Gạt bỏ hẳn những hình

thức nhằm nhĩ và lạc hậu của mê tín dị đoan ra ngoài vòng suy nghiệm của trí óc thông minh, chúng ta tự bắt buộc phải nhìn nhận nhiều chuyện hồn ma hiện về, hoặc cầu Cơ giáng bút là SỰ KIẾN CỤ THỂ (des faits concrets) chứ không phải sự kiện tưởng tượng (non des faits imaginaires), vì một khi CHÍNH MẮT CHÚNG TA THẤY RÕ RÀNG MỘT HÌNH MA, MỘT « CON YÊU TINH », chính chúng ta đã dự vào những cuộc cầu cơ thí nghiệm, do một nhóm người học thức, có óc khoa học, hoàn toàn không mê tín dị đoan, hoàn toàn không bị ai lừa bịp, thì những sự tiết lộ hiển hiện ra trước mắt ta, những tiết lộ siêu nhân siêu thực (révélations extra-humaines, extra-terrestres) là những bằng chứng đích xác nhứt buộc ta không có quyền hoài nghi hay công kích nữa. Trong truyền tích đời xưa, có TÊN THIÊN ĐẠI THÁNH bay được ra ngoài Trái đất, đó có thể là một chuyện tưởng tượng. Nhưng ngày nay, một con chó tên là LAIKA, và một con khỉ tên là ABLE cũng đã bay được trong một hỏa tiễn lên trên ngoại tầng không khí.

Bà Tú nhón một nụ cười :
— Tề Thiên Đại Thánh cũng là một con khỉ !
— Phải rồi. Con khỉ ABLE chỉ cụ thể hóa trong thực tế khoa học cái việc mà con khỉ Tề Thiên Đại Thánh đã làm trong tưởng tượng của truyền tích hoang đường. Theo đó, chúng ta có thể nói rằng những chuyện Ma quỷ hiện về, những chuyện cầu cơ giáng bút, những chuyện Thần Tiên, bây giờ chúng ta không tin cho là huyền hoặc dị đoan, nhưng biết đâu qua Thế kỷ XXI, khoa học càng tiến lên càng khám phá dần dần các hiện tượng huyền bí và sẽ đứng trước những sự thật phi thường, mà trí thông minh còn thấp kém của chúng ta đời nay chưa thấu triệt đến nơi đến chốn.

Ông Tú nói đến đây thì bỗng

* THƯƠNG EM

Người mẹ mắng đứa con ham ăn :
— Con không mắc cở à ? Con ăn hết cái bánh to thế này mà không nghĩ gì đến em con sao ?
Con. — Có chứ, con nghĩ đến em nhiều lắm !
Mẹ. — Con nghĩ sao ?
Con. — Con nghĩ là : con sợ em con nó về trước khi con ăn cái bánh !

nghe ngoài đường phố có tiếng rao :

— Ai ăn tiết canh vịt không ?
Ông Tú lật đật chạy ra cửa sò kêu :

— Tiết canh vịt !
Ông quay vào bà Tú đang nằm trên võng :

— Mình ơi, trưa nay ăn tiết canh vịt thế com, nhé ? Mình đồng ý không ?

Bà Tú tùm tùm cười :
— Đồng ý.
— Thế thì hoan hô mình !

Mình nằm võng nghĩ một tý, đề em ra mua. Mình có hoan hô luôn thịt vịt và cháo vịt không ?
— Hoan hô lắm chứ !

Diệu Huyền

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

* NGƯỜI CHỨNG THỨ NHẤT

Tác giả Phạm-dình-Khiêm, tựa của Giám-mục Phạm-ngọc-Chữ và của Ông Trương-bửu-Lâm, Giám-đốc Viện Khảo-Cổ — Tinh-Việt xuất-bản.

Một cuốn sách khảo-cứu về lịch-sử tôn-giáo, người Tu-đạo đầu tiên của Thiên-Chúa-Giáo, ở Trung-Việt, hồi đầu thế-kỷ thứ XVII, là ông André Phú-Yên. Tác-giả biên khảo rất công-phu, theo dõi từ những chi-tiết nhỏ, và điều đáng khen là cùng một lúc ông làm sống lại vài nhân-vật trọng yếu trong lịch-sử đương-thời như : CHÚA SÃI, CHÚA THƯỢNG, HOÀNG-TỬ KỶ, Trần-thủ NGUYỄN-PHÚC-VINH, bà VƯƠNG-THÁI-PHI, NGỌC-LIÊN CÔNG-CHÚA và TỐNG-THỊ một dân hậu trong cung chúa Nguyễn, nữ-gián-điệp của Chúa Trịnh, hai phen gây ngoại-xâm nội-biến định lật đổ các chúa đương thời.

Tác-giả đã có công thâm thập nhiều tài-liệu tôn-giáo, chính-trị, và hình ảnh từ La-Mã, Ba-Lê, Lisbonne, Áo-môn, và đã thành công xứng đáng trong tác-phẩm khảo-cứu về một đoạn lịch-sử của đạo Gia-tô ở Việt-Nam dưới thời Nguyễn-Trịnh.

Bìa trình-bày rất đẹp, sách dày 258 trang — Giá 70 đồng.

* ANH VIỆT TRÍCH ĐIỂM

Của Nguyễn-dinh-Bảo — Nhà xuất-bản ĐẠ-QUANG, 170 Lê-Lai Saigon.

Một quyển sách phiên-dịch ra Việt-văn, các đoạn văn hay nhứt của các văn sĩ danh tiếng của Anh, Mỹ, như Mark Twain, Pearl Buck, Frank Norris, Charles Dickens, v.v... Các bạn học Anh-ngữ và các bạn học-sinh T.H.Đ.N.C. và Tú-tài nên học quyển này. 50 bài, 140 trang in giấy tốt — giá 25 đồng.



ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG

★ BẠCH-YẾN

★ Bạn Nam Tuấn — Vũng Tàu.

1) Câu « *Cái gì của César, hãy trả lại cho César* » là câu châm ngôn của Pháp (Il faut rendre à César ce qui appartient à César) có nghĩa là : Cái gì của ai thì phải trả lại cho người đó.

César là tên một vị Hoàng-đế độc tài của đế quốc La-Mã Julius César, (101 — 44 trước Thiên Chúa)

2) Cách viết và đọc mẫu tự Hy Lạp đại khái như sau :

A (Alpha = a)	Λ (Lambda = l)
B (Beta = b)	M (Mu = m)
Γ (gamma = gh)	N (Nu = n)
Ε (Epsilon = é)	O (Omicron = o)
Z (Dzéta = dz)	Π (Pi = p)
H (Eta = ê)	T (Tau = t)
I (Iota = i)	P (Rho = r)
K (Kappa = k)	X (Chi = kh)
	Ω (Oméga = ô) v.v.v...

★ Bạn Thiếu Khanh — Sài Gòn.

Muốn lấy một bài thơ để phổ biến thành nhạc phải xin phép tác giả bài thơ ấy. Rất tiếc chúng tôi không được biết địa chỉ của nữ sĩ T.T.KH.

★ Ông Nguyễn Thanh Lịch — Vũng Tàu.

Giá báo dài hạn một năm là 220 đồng — 6 tháng 110 đồng — 3 tháng 55 đồng. Nhưng tiện hơn là ông mua ngay nơi Đại-lý báo ở Địa phương.

★ Bạn L.V. Hy — Huế

1) Bài nói về hai nhóm *Nam Phong* và *Phong Hóa* là một bài phê bình trong phạm vi văn học sử đầu thế kỷ XX, cũng như những bài phê bình khác, cùng trong phạm vi ấy, sẽ lần lượt đăng sau, về các văn nhân thi sĩ Việt Nam trải qua các thời đại. Trong loạt bài ấy vấn đề chủ quan đã được gạt bỏ hẳn ra ngoài.

2) Việc Bộ Quốc Gia Giáo Dục hiện thời đem vài ba nhà văn vào chương trình giáo huấn là thuộc về trách nhiệm riêng của một Bộ ấy, không trực tiếp liên quan đến Văn học sử Việt Nam hiện đại, và cũng không có gì đảm bảo cho sự lựa chọn ấy cả.

★ Bạn Huỳnh minh Thông — Saigon

Giai thoại Tú Trung trả đũa Nguyễn công Trứ có phần đúng hơn theo như bài của bạn Lương trọng Minh đăng trong P. T. số 18.

★ Cô Quách thị Thu-Đạm — Quảng Trị

- 1) Ông N. V. không có làm chánh chủ khảo ở Huế
- 2) Muốn khá Pháp văn, ngoài những giờ học ở trường, cô nên xem sách bằng tiếng Pháp cho thường, sẽ tiến bộ.
- 3) Hãng B. G. I. của người Pháp.

★ Bạn Phạm Đường — Vĩnh Điện

Muốn in ảnh vào sách báo thì chụp lại ảnh ấy vào bản kẽm (cliché) với các máy móc riêng, rồi in bản kẽm đó lên báo.

★ Bạn Lê hoàng Minh — Gia định

1) Khuynh hướng hiện tại của ông N. V. là phụng sự văn hóa Việt Nam.

2) Bạn hỏi lại Ty học Chánh, ở đây sẽ trả lời rõ ràng và đầy đủ các chi tiết về việc hạn tuổi đi thi.

3) Cô Diệu Huyền là cô Diệu Huyền.

★ Bạn Nguyễn Thuật — Quảng Nam.

Ông Nguyễn-Vỹ không phải là « thân sinh của ông Nguyễn-Quời, giáo sư Quốc học Huế ».

★ Em D. Huyền — Nữ sinh — Vĩnh Điện.

1) Muốn học mau thuộc và nhớ lâu những tiếng từ ngữ (Vocabulaire) em nên vừa đọc vừa viết những tiếng ấy trên bản đen nhiều lần.

2) Bị xỏ mũi vì thời tiết thay đổi bất thường. Em có thể dùng Huile goménolée nhỏ vào mũi.

3) Bê bối : bừa bãi.

4) Thanh niên nam nữ đến tuổi dậy thì thường bực mình về các mụn, nhất là những người có làn da nhờn thường bị mọc mụn, muốn tránh nên giữ gìn da mặt cho thật sạch, rửa bằng nước ấm.

★ Một bạn đọc ở Cần thơ.

Rất cảm ơn thư bạn. Về địa chỉ của cô Thanh-Nhung, chúng tôi không được biết rõ.

★ Bạn Xuân Thanh — Huế.

1) Câu : «Đời vua Thái Tổ, Thái Tông,

Con bẻ, con bồng, con dất, con mang

là một câu phong dao mà chúng ta không thể biết được xuất xứ, vì không nói rõ là đời Lý Thái Tổ, hay Lê Thái Tổ.

2) Bài thơ «Bán than» của ông Nguyễn Án (cuối thế kỷ XVIII)

★ Bạn Phạm Trọng Tâm Sài Gòn.

Ngục Trà-Khé ở tỉnh Phú Yên, do đường Tuy hòa đi lên huyện Củng Sơn, rồi lên mãi tận miền rừng rú hẻo lánh của dân tộc thiểu số Ra-dê. Ngục này lập ra từ hồi bắt đầu thế giới chiến tranh để giam giữ những tù chính trị «nguy-hiểm»

★ Bạn Ngô Nguyễn — Phan Thiết

Bất cứ bạn muốn mua sách gì, bạn nên viết thư hỏi nhà sách Xuân Thu số 23 đường Tự Do Saigon; ở đây người ta sẽ trả lời đầy đủ cho bạn. Ở tòa báo chúng tôi không thể mua hộ sách cho bạn được vì bạn nhiều việc lắm. Mong bạn thông cảm cho

★ Bạn Võ Thuận Hưng — An Giang

1) Tất cả thư từ thuộc về Tòa soạn, bạn cứ gửi đề Ông Giám đốc chủ bút.

2) Ngũ gục tiếng Pháp là Somnoler. Chữ Bailler là Ngáp chứ không phải Baillir như trong thư bạn viết.

★ Bạn Hồ Trọng Tiến — Huế

1) Tơ Trời là những sợi tơ sương (sương rất mỏng) thường rơi vào buổi sáng mát dịu của mùa Thu ở miền nhiệt đới. (Roseé matinale) ở các nơi lạnh như Bắc Việt sương rơi dày đặc và mịn mù, gọi là sương mù (Brume)

2) Bút sa gà chết là câu tục ngữ Việt Nam có nghĩa là : hạ bút

xuống ký một giấy tờ quan trọng, tức là đã nhận lãnh hết trách nhiệm của chữ ký ấy. Theo tục lệ ta mỗi lần bán ruộng đất, hay nhà cửa, người mua phải giết gà làm thịt để sửa soạn bữa tiệc thết đãi người bán và người làm chứng hay người môi giới. Ngày nay tục lệ ấy cũng vẫn còn.

3) Bánh vẽ : là cái bánh vẽ trên giấy chứ không phải cái bánh thật, có ý nói lời hứa suông, phỉnh gạt,

4) Xã tắc . Các vua xưa cho xây đắp ở kinh đô và mỗi tỉnh một cái nền gọi là nền Xã, để thờ thần đất, tượng trưng cho đất của dân ở; và nền Tắc để thờ thần nông, tượng trưng cho nghề nông là nghề sống của Dân, Xã tắc nghĩa rộng là Đất nước, Quốc gia. Người ta cũng hay nói Sơn Hà Xã Tắc để chỉ quê hương.

★ Bạn Nguyễn tư Đắc -- Đệ Tứ văn hóa -- Nha trang.

Phở Thông từ số 1 đến 11 đã hết, khi nào có chúng tôi sẽ loan tin trên báo. Chúng tôi sẽ gửi các số báo kế tiếp đến bạn khi nào nhận được tem. Mỗi số báo là 10 đồng

★ Bạn Hoàng tâm Việt -- Chí hòa

Bạn nên đến hỏi ở Nha Bảo An, chúng tôi không được biết rõ các chi tiết bạn hỏi về ngành ấy.

★ Bạn An Châu -- Châu đốc, hỏi :

Khi một vị Tổng thống hay một chánh khách quan trọng đến viếng một nước nào thì nước ấy tặng bằng TIẾN SĨ LUẬT KHOA danh dự là có nghĩa gì? Việc này bắt nguồn từ nước nào?

ĐÁP : Đây là tục lệ ngoại giao của người La-mã. Khi có một chánh khách quan trọng ở ngoại quốc đến viếng nước mình, chính phủ mình muốn tỏ ý tôn trọng vị ấy nên tặng cho họ một bằng cấp vi danh dự, khỏi phải thi. Tiếng La mã gọi là HONORIS CAUSA. Thi dụ như ông Lý thừa Vãng là TIẾN SĨ VĨ DANH DỰ của trường Đại Học Sài Gòn, nói theo tiếng La tinh thông dụng hiện nay khắp các nước: ông Lý thừa Vãng là DOCTEUR HONORIS CAUSA của Trường Đại học Sài Gòn.

HỎI . Phái họa «da da» chủ trương như thế nào? Ai là thủy tổ phái họa ấy?

ĐÁP ; Danh từ DADA trong Văn học sử Pháp chính nó không có nghĩa gì cả. Do một nhóm văn nghệ sĩ cố ý đặt ra danh từ vô nghĩa ấy vào khoảng năm 1919 với một chương trình hoàn toàn không xây dựng gì cả (volontairement négatif) chủ trương phá bỏ hẳn mọi liên

quan giữa tư tưởng và văn chương, nghệ thuật. Nhóm văn nghệ sĩ ấy gồm có TRISTAN TSARA, PHILIPPE SOUPAULT (Rose des vents), PICABIA, RIBEMONT DESSAIGNES (*l'Empereur de la Chine*), ELUARD (*Répétitions*) BRETON (Champs magnétiques), ARAGON (*Feu de joie, anicet*) Lối văn cũng như lối vẽ của nhóm này, là cố ý làm cho huyền bí (mystification), chứng tỏ sự ly dị triệt để giữa danh từ và ý nghĩa, không cần ý nghĩa, vì vậy mà câu văn khó hiểu, cũng như bức tranh tối nghĩa.

2) *gotonai* là tiếng Nhật, nghĩa là không tốt (Voto : tốt ; nai: không)

3) Ba chữ tắt H. M. S. trên các chiếc tàu thủy của nước Anh, có đề ba chữ bên hông tàu : H.M.S. tức là Her (hay là His) Majesty's Ship (Tàu của Anh Hoàng).

★ Bạn Bùi trần Thái, Gia định.

UNESCO là do những chữ Anh ngữ này kết thành : United Nations Educational Scientific and Cultural Organisation (Tổ chức văn hóa khoa học giáo dục của Liên hiệp quốc) Tổ chức này thành lập năm 1945 tại London (Anh) và có trụ sở ở Paris (Pháp)

★ Bạn Trung Khánh - Đà Nẵng

TỊCH : sổ sách ; TỊCH BIÊN hay là TỊCH KÝ nghĩa là ghi chép các gia sản của người bị tòa kết án, vào sổ sách của thừa phát lại để sung công hoặc để bán.

TỊCH THU ; ghi chép gia sản của người bị tòa kết án, vào sổ sách để thu về làm của nhà nước.

★ Bạn Tô thanh Nguyên - Sóc trăng

1) Hai chữ tắt F. M. tức là Franchise Militaire (quyền miễn bưu phiếu của binh sĩ).

2) Thường các trận bão người ta thường đặt một cái tên để tiện gọi và dễ nhớ.

3) Mục « nhờ các bạn trả lời giúp » chúng tôi tạm gác vì bận quá nhiều công việc.

CÙNG CÁC BẠN TẶNG QUÀ PHỔ THÔNG TRUNG THU

★ Như chúng tôi đã loan tin trong P.T. số 20, có tất cả 627 bạn nhờ chúng tôi gửi Phổ Thông Trung thu tặng các bạn xa gần ở trong Nước và Ngoại quốc. Đến nay, NẾU BẠN NÀO KHÔNG NHẬN

ĐƯỢC XIN CHO CHÚNG TÔI BIẾT TÊN VÀ ĐỊA CHỈ RÕ RÀNG, của người nhận ĐỂ CHÚNG TÔI VIẾT THƯ HỎI NHA BƯU ĐIỆN.

★ N. oài ra, có một số bạn đã biên không đúng địa chỉ người nhận, nên báo tặng bị nhà Bưu điện gửi trả về tòa báo, mà chính các bạn gửi cũng không cho chúng tôi địa chỉ rõ ràng, thành thử chúng tôi không biết đâu mà gửi trả lại bạn. Vậy xin quý Bạn cho biết. Những địa chỉ ấy, xin biên ra sau đây :

Bạn Chung Xuân - Phú Thọ (Cholon) - Ngọc Mai Loan (Saigon) - Một người bạn ở Cholon - tặng bạn Phạm bảo Nhật (trường P. Kỳ - (Saigon) - Cô Lê Hải (Saigon) - Nguyễn văn Đức (Tuy Hòa) - Tâm (Cholon) - Trần văn Vân (Giadinh) - Lê thị Tiết (Cholon)

★ Có một số khá đông (trên 120) nhờ chúng tôi gửi tặng bạn xa mà TRONG THƯ KHÔNG CÓ GỬI TEM. Có bạn lại nói trong thư là có gửi tiền (10, hoặc 20 đồng) mà trong thư không có tiền !

★ Bạn nào có điều gì không vừa ý trong việc gửi báo Trung Thu tặng bạn, xin cho chúng tôi biết, chúng tôi xin thành thật cảm ơn

Thân mến
PHỔ THÔNG

CÙNG CÁC BẠN GỬI THƯ, HOẶC GỬI BÀI

★ Thư các bạn có thịnh tình gửi về Tòa Báo, chúng tôi đều nhận được, nhưng xin các bạn rõ ràng vì THƯ NHẬN MỖI NGÀY RẤT NHIỀU, có ngày trên 100 cái, nên chúng tôi không sao phúc đáp kịp trong mỗi số báo. Vậy nếu chúng tôi trả lời chậm trong mục «Đáp Bạn Bốn Phương», xin các bạn miễn thứ cho. TRƯỚC HAY SAU CHÚNG TÔI ĐỀU LẦN LƯỢT TRẢ LỜI HẾT. Bài cũng vậy, chúng tôi rất hoan nghênh và thành thực cảm ơn các bạn có hảo ý gửi bài lai cáo, hoặc thơ, để đăng báo. Chúng tôi đều nhận được cả và xin lần lượt coi đến và sẽ lựa chọn đăng lần. Xin các bạn thông cảm cho.

PHỔ THÔNG TẠP CHÍ

TRẢ LỜI

★ Ông Viêt Diên - đương nguyên công Trú - Huế

Ngày 18-3-1931 là ngày thứ tư, nhằm ngày 30-1 năm Tân Vị, tháng Canh Dần, ngày nhâm Thân âm lịch.

★ Một bạn đọc ở Nha-trang.

— Ngày 18-12-1940 D.L. là ngày 14-11 năm Canh Thìn, tháng Mậu Tý, ngày Kỷ Sửu âm lịch.

— Ngày 6-7-1943 = 5-6 năm Quý Vị, tháng Kỷ Vị, ngày Ất Sửu.
— 17-8-1933 = 17-7 năm Quý Dậu, tháng Kỷ Sửu, ngày Giáp Dần.

★ Ông Quý, bến Lê quang Liêm — Cholon.

Ngày 15 tháng chạp năm Mậu Tý nhằm ngày thứ năm 13-1-1949 D.L.

— 25-12-1937 = 23-11 năm Đinh Sửu, tháng nhâm Tý, ngày Bính Tuất.

— 30-11-1935 = 5 tháng chạp năm Ất Hợi, tháng Kỷ Sửu, ngày Canh Thìn.

★ Ô. Huỳnh xuân Nhựt — Nha tiểu học — Saigon.

— Ngày 17-12-1920 D.L. = 8-11- năm Canh Thân, tháng Mậu Tý, ngày Kỷ Dậu.

— 8-2-1924 = 4 tháng giêng năm Giáp Tý, tháng Bính Dần, ngày Đinh Ty.

— 25-12-1941 = 8-11 năm Tân Ty, tháng Canh Tý, ngày Đinh Vi.

— 9-6-1944 = 19-4 nhuận năm Giáp Thân, tháng Kỷ Ty, ngày Giáp Thìn.

— 24-3-1949 = 25-2 năm Kỷ Sửu, tháng Đinh Mão, ngày Quý Sửu.

— 2-4-1951 = 26-2 năm Tân Mão, tháng Tân Mão, ngày nhâm Thân.

— 29-3-1952 = 4-3 năm nhâm Thìn, tháng Giáp Thìn, ngày Giáp Tuất.

— 14-5-1957 = 15-4 năm Đinh Dậu, tháng Ất Ty, ngày Bính Tuất.

Đối chiếu theo tài liệu trong quyển « Concordance des calendriers lunaire et solaire de 1802 à 2010 par cordier et Nguyễn Đức Hoạt, imprimerie Chân phương 30, Rue des stores Hanoi 1935 và quyển 2 « Lịch biểu âm dương Việt Hoa trên 1.000 năm đối chiếu của Nguyễn-Triệu sẽ xuất bản đầu năm 1960.

★ Ông Kinh — Đà Nẵng.

Ngày 1-5-1931 thứ sáu, nhằm ngày 14-3 năm Tân Vị, tháng nhâm Thìn, ngày Bính Thìn.

★ Bạn Ngọc Yến Tử — Bình Dương.

Ngày 19-1-1942, là ngày mồng một, tháng giêng, năm nhâm Ngọ, tháng Quý Mão, ngày nhâm Dần — 8 giờ tức là giờ Thìn.

★ Ông Bùi trí Minh — Minh Huệ — Saigon.

— 13-12-1942 = 6-11 âm lịch năm nhâm Ngọ, tháng nhâm Tý, ngày Canh Tý.

— 26-12-1942 = 19-11 âm lịch năm nhâm Ngọ, tháng nhâm Tý, ngày Quý Sửu.

— 13-2-1940 = 6 tháng giêng năm Canh Thìn, tháng Mậu Dần, ngày Bính Tuất.

— 4-4-1942 = 19-2 âm lịch năm Nhâm Ngọ, tháng Quý Mão ngày Đinh Hợi.

— 18 tháng giêng âm lịch năm Bính Thìn, nhằm ngày chúa nhật 20-2-1916 Dương lịch.

NGUYỄN TRIỆU

BẠN ĐỌC VIỆT

★ Xã giao thường thức.

Của bạn Văn Hà. Nhatrang

Trong Phở-Thông số 13 cô Bình Minh có dạy rằng : « Trên một chiếc xe hàng chật chỗ, khi thấy một người đàn bà bước lên xe, người đàn ông nên đứng dậy nhường chỗ cho người đàn bà lên mà không được thốt lời mời, vì như thế tự tỏ ra là kém xã giao ».

Em nhận thấy như thế thật là bất tiện, vì khi người đàn ông đứng dậy mà không thốt lời mời thì...ai mà dám ngồi vào chỗ ấy, vì họ cứ ngỡ là chàng kia đứng dậy để...khỏi mỗi lưng, và để ra cửa sổ ngắm cảnh !

Thưa cô đó là sự thật mà em đã mục kích trên một chuyến xe lửa Nha trang — Ninh hòa. Người đàn ông chờ mãi mà không thấy cô kia ngồi nên phải qua toa khác, bấy giờ cô kia mới chắc là chàng đứng dậy không phải để gián xương sống. Như vậy muốn người ta ngồi mà vô tình bắt người ta phải đứng.

Vậy ý kiến của cô về việc này ra sao ?

ĐÁP..

Một phụ nữ tinh ý, hiểu ngay cử-chỉ của người đàn ông, lúc người này đứng dậy nhường chỗ cho mình. Nhưng nếu muốn tỏ thật ý định, người đàn ông có thể nói khẽ với người ta :

THÁNG AN
LỊCH

« Mời bà hay cô ngồi, » cũng được, miễn là mình thành thật không có ý gì khác.

★ Y phục tối tân.

Của bạn Trịnh văn Hoàng — Huế.

«...Tuy là người Huế, nhưng tôi đã ở Đà Lạt khá lâu, tôi nhận thấy ở Đà-lạt học sinh hay mặc áo chemise màu đỏ thắm, xăng tay lên tận nách, và quần thì bó sát người, đóng đinh khắp cả như quần Texas. Thưa ông, lối phục sức này có thể vừa mát được không? và những học sinh ấy bắt chước từ đâu cái mốt ấy? Theo ông, y phục đó có thể cho phép ta gọi con người mang nó là mốt dạy không, hay là ta phải phục là học sinh Đà Lạt tối tân, có khiêu thẩm mỹ? »

Tôi còn nhận thấy rất nhiều học sinh Đà-lạt hút thuốc ngay ở trường học, lúc ra chơi, lúc gặp thầy giáo dề, thì ngay trong lớp, xin quẹt lửa ngay nơi giáo sư, như thế có thể gọi là phép tự nhiên giữa thầy trò, hay là tự do hưởng thú lành mạnh không? »

ĐÁP. Về việc y phục, ở Đà Lạt cũng như ở Sài Gòn, đó là một phong trào. Nếu các bạn học sinh thấy lối bịch thì dần dần các bạn sẽ bỏ. Còn học trò ở trong lớp mà hút thuốc, thì ngay ở bên Âu Mỹ, chúng tôi cũng ít thấy.

★ Nội lòng của một giáo viên — Kiến hòa

...Đề tìm hiểu sự «Bướng bỉnh và vô giáo dục» của học sinh từ đâu mà ra ; Nếu một nhóm giáo viên thuộc về khuynh hướng «Lương tâm chức nghiệp» đảm nhiệm các lớp trên.

Các lớp dưới rũi sa vào tay «Các ông ần hại dạy dỗ, (Đây là một thiếu số), thì đám học sinh vô tội này nó sẽ ra sao? Tâm hồn trong trắng của chúng được rèn luyện bao nhiêu tật xấu : làm biếng, ngỗ không nói chuyện v. v. Vì chính người điều khiển chúng có làm việc đâu, họ chỉ làm việc khi có ông Ty-Trưởng đến mà thôi. Gặp trường hợp này chúng tôi phải làm sao, thưa ông? Một niên học quá ngắn ngủi liệu giáo chức có đủ thời giờ rèn lại đức tính của chúng không? »

Tâm hồn ngây thơ đã bị hoen ố khó sửa chữa trong một thời gian ngắn. Ông thầy có cố gắng lèo lái đến đâu chỉ kết quả còn con mà thôi, nỗi khổ tâm này biết tỏ cùng ai! Nói lên sẽ bị động chạm, đành cần rặng mà chịu.

Chính tôi là nạn nhân cảnh này, gào thét, hét la đủ thứ chúng vẫn trơ trơ, bắt chúng làm việc thì chúng uể oải, làm lấy có, vì thói quen nết xấu đã chôn sâu vào tâm hồn, bắt buộc học là một điều tối kỵ nhưt. chúng về nhà đặt chuyện thầy khó, thầy này, nọ, kia, gây ra

mối ác cảm giữa phụ huynh và giáo viên.

Đây là một sự đáng thương tâm hơn nữa, nếu dạy dỗ có kết quả được sự tin nhiệm của phụ huynh, thì các bạn đồng nghiệp nói một người làm việc trong khi bao nhiêu người khác không làm, cày cho lấm vẫn là trâu. (Lời của một trường giáo nói).

Học đường là nơi rèn luyện nhân tài, phải cần người có đạo đức hướng dẫn, còn các ông trên đây chỉ là hạng người đời lớp nhà mô phạm đề bợ học. làm hoen ố thanh danh của giáo giới, vì các ông làm cho chúng tôi phải sầu hận trong việc làm của các ông.

Tôi mong rằng lời tâm sự này được các bạn bốn phương chiếu cố đến và bà giáo Phước Tuy thông cảm nỗi khổ tâm của tôi (Không phải, tôi thuộc hạng tán tâm lương tâm, hoặc áp dụng sai phương pháp sư phạm) tôi đã suy xét rất kỹ trước khi nói lên vấn đề này.

Tôi thành thật cảm ơn Ông Giám đốc đã cho phép tôi trực bầu tâm sự chôn tận đáy lòng từ lâu. »

CÁO LỖI

Vì có nhiều bài cần đăng trong số này nên hai bài «truyện dài Kiên-Trinh» của cô Văn Nga và «Những Người đời» mười của Nguyễn thu-Minh xin gát tại một kỳ.

Vậy xin cáo lỗi cùng các bạn đọc và hẹn tiếp tục vào số đến (22)..

P.T. Tạp chí

ĐÍNH CHÍNH

Trong Phở Thông số này, Bài Y học phổ thông trang 87 của QUANG HOA mà thợ nhà in đã sơ sót để nhầm tên tác giả Hoang Hoa xin đọc là QUANG HOA.

Vậy xin cáo lỗi cùng tác giả và mong bạn đọc tự đính chính giùm cho.

P.T.

SẮP PHÁT HÀNH NAY MAI :

VẬT-LÝ HỌC

ĐỀ NHẤT A VÀ B

Giáo khoa và toán mẫu

Phần I (Động lực học và năng lượng) của Nguyễn-bích-Như — Chu Phạm-Ngoe-Son và Cao-Thu-Hiền, Giáo-sư các trường Chu-văn-An và Pétrus Ký soạn.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
 ĐÔ-THỊ

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

THÔNG-CÁO

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc.Đặc trúng	1.000.000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$

55 lô an ủi

2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT

K. D. số : 273/HĐKD — Saigon, ngày 10-10-1959
 In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

Một tuổi
 Bạn Đọc thân mến,

Hôm nay, 1-11-1959, là ngày sinh nhật của PHỔ-THÔNG tạp chí. Đáng lý ra, năm nay là năm thứ ba của nó, nhưng khai sinh trong thời chiến tranh, nó đã sống được hai tuổi rồi bị bàn tay của chiến tranh bóp chết. Nó không kịp trở lại một lời.



Nhưng ở thế gian này, «mọi vật đều biến mất, chỉ có Văn hóa là trường cửu mà thôi», như lời một văn hào Pháp đã nói. Chế độ chánh trị, cường quyền, uy thế, độc tài, chỉ tung hoành được một thời gian. Chủ Tư tưởng của con người còn ngự trị vĩnh viễn qua các thời đại. César, Néron, Alexandre, Tần Thủy Hoàng, Charlemagne, Napoléon, Hitler, Staline, chỉ cò để lại những cái tên bằng máu mà Lịch Sử các dân tộc đã kết án đời đời. Chớ Virgile, Homère, Lý Thái Bạch, Dante, Shakespeare, Goethe, Victor Hugo, Dostoïsky, Nguyễn Du, Tagore, trong a-tăng-kỳ-kiếp vẫn không chết được. Người ta mong rằng các nhà cầm quyền trên Thế giới đừng quên chân lý đó.

Tiếng nói của Văn hóa là tiếng nói của Con Người vĩnh viễn (la voix de l'éternel Humain).

Văn hóa phụng sự cho con người không phải của một Thế hệ, mà của muôn nghìn Thế hệ. Tất cả chúng ta ngày nay đang hưởng gia tài Tư tưởng của 4000 năm xưa.



Phổ Thông đã chết trong thời loạn và sống lại trong thời bình. Nó tiếp tục đeo đuổi nhiệm vụ của nó ; Góp phần xây dựng, dù chỉ là một phần rất nhỏ, cho Văn Hóa Việt Nam.

Hôm nay, nó được một tuổi. Nó cầu nguyện Thượng-đế cho nó sống được đến cuối Thế kỷ.

Bạn thân mến, Bạn có thương nó thì xin Bạn cũng cầu nguyện cho nó sống đến đó, để nó được trung thành mãi mãi với nhiệm vụ của nó, để nó được trung thành mãi mãi với Bạn.

PHỔ - THÔNG
 TẠP-CHÍ